

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KẾ TOÁN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 12/2021

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH KẾ
TOÁN**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đinh Văn Châu	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Trương Nam Hưng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Tố Tâm	Phụ trách Khoa KT&QL	Phó Chủ tịch TT HĐ	
4	Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên Khoa KT&QL	Thư ký HĐ	
5	Trần Thanh Sơn	PTP. KT&ĐBCL	Ủy viên	
6	Doãn Thanh Bình	PTP. KT&ĐBCL	Ủy viên TT	
7	Nguyễn Ngọc Hiền	Giảng viên Khoa KT&QL	Ủy viên	
8	Đinh Thị Lan	Giảng viên Khoa KT&QL	Ủy viên	
9	Lê Quỳnh Anh	Giảng viên Khoa KT&QL	Ủy viên	
10	Dương Trung Kiên	Thư ký HĐ trường	Ủy viên - Đại điện HĐ trường	
11	Trịnh Văn Toàn	TP. Đào tạo	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
12	Phùng Thị Xuân Bình	TP TCCB	Ủy viên	
13	Nguyễn Đăng Toàn	TP. CTSV	Ủy viên	
14	Bùi Mạnh Tú	TP QLKH&HTQT, Thư ký HĐ KH&ĐT	Ủy viên, Đại diện HĐKH&ĐT	
15	Đỗ Hữu Chế	TP. HCQT	Ủy viên	
16	Nguyễn Đăng Bộ	PTP. TTrPC	Ủy viên	
17	Nguyễn Đàm Minh Thông	PTP. KHTC	Ủy viên	
18	Đoàn Vũ Trọng Anh	PT. TT học liệu	Ủy viên	
19	Chu Văn Tuấn	Bí thư ĐTN	Ủy viên	
20	Nguyễn Thị Phương Dung	PTP. ĐT	Ủy viên	
21	Hoàng Phương Thảo	SV lớp D14KT&KS	Ủy viên - Đại diện SV	

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC BẢNG & HÌNH.....	vii
PHẦN I: KHÁI QUÁT.....	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung.....	5
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	13
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
Tiêu chí 1.1.....	13
Tiêu chí 1.2.....	17
Tiêu chí 1.3.....	23
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....	25
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	26
Tiêu chí 2.1.....	26
Tiêu chí 2.2.....	28
Tiêu chí 2.3.....	31
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....	33
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	35
Tiêu chí 3.1.....	35
Tiêu chí 3.2.....	39
Tiêu chí 3.3.....	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....	48
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC.....	49
Tiêu chí 4.1.....	49
Tiêu chí 4.2.....	52
Tiêu chí 4.3.....	55
Kết luận về tiêu chuẩn 4.....	57
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	59
Tiêu chí 5.1.....	59
Tiêu chí 5.2.....	61
Tiêu chí 5.3.....	64
Tiêu chí 5.4.....	66
Tiêu chí 5.5.....	68
Kết luận về tiêu chuẩn 5.....	71
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	72
Tiêu chí 6.1.....	73
Tiêu chí 6.2.....	77
Tiêu chí 6.3.....	83

Tiêu chí 6.4.....	85
Tiêu chí 6.5.....	88
Tiêu chí 6.6.....	91
Tiêu chí 6.7.....	94
Kết luận Tiêu chuẩn 6.....	97
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	99
Tiêu chí 7.1.....	99
Tiêu chí 7.2.....	105
Tiêu chí 7.3.....	107
Tiêu chí 7.4.....	115
Tiêu chí 7.5.....	116
Kết luận Tiêu chuẩn 7.....	120
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	121
Tiêu chí 8.1.....	121
Tiêu chí 8.2.....	126
Tiêu chí 8.3.....	127
Tiêu chí 8.4.....	130
Tiêu chí 8.5.....	134
Kết luận về tiêu chuẩn 8:	137
TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC	139
Tiêu chí 9.1.....	139
Tiêu chí 9.2.....	142
Tiêu chí 9.3.....	146
Tiêu chí 9.4.....	148
Tiêu chí 9.5.....	151
Kết luận tiêu chuẩn 9	154
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	155
Tiêu chí 10.1.....	155
Tiêu chí 10.2.....	159
Tiêu chí 10.3.....	163
Tiêu chí 10.4.....	165
Tiêu chí 10.5.....	167
Tiêu chí 10.6.....	172
Kết luận Tiêu chuẩn 10.....	174
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA	175
Tiêu chí 11.1.....	175
Tiêu chí 11.2.....	178

Tiêu chí 11.3.....	181
Tiêu chí 11.4.....	184
Tiêu chí 11.5.....	187
Kết luận Tiêu chuẩn 11	189
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	190
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những cần phát huy của chương trình đào tạo.....	194
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến của chương trình đào tạo	201
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo của ngành Kế toán	204
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành Kế toán.....	218
PHẦN IV. PHỤ LỤC	222

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCTĐG	: Báo cáo tự đánh giá
CLB	: Câu lạc bộ
CNTT	: Công nghệ thông tin
CQ	: Chính quy
CS1, CS2	: Cơ sở 1, Cơ sở 2
CSVC	: Cơ sở vật chất
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CTSV	: Công tác sinh viên
CVHT	: Cố vấn học tập
ĐHDL	: Đại học Điện lực
ĐT	: Đào tạo
ĐTN	: Đoàn Thanh niên
GD&ĐT	: Giáo dục và Đào tạo
GV	: Giảng viên
HTQT	: Hợp tác quốc tế
KCQ	: Không chính quy
KHCN	: Khoa học công nghệ
KT&QL	: Kinh tế và Quản lý
KT-KT	: Kế toán và Kiểm toán
KTX	: Ký túc xá
MC	: Minh chứng
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCS	: Nghiên cứu sinh
NSNN	: Ngân sách nhà nước
PGS	: Phó giáo sư
QLTC	: Quản lý tài chính
QTKD	: Quản trị Kinh doanh
SV	: Sinh viên
TC	: Tài chính
TCKT	: Tài chính – Kế toán
Ths	: Thạc sĩ
TLTK	: Tài liệu tham khảo
TS	: Tiến sĩ

DANH MỤC BẢNG & HÌNH

Bảng 1: Bảng thống kê chi tiết CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo cụ thể ngành Kế toán.....	18
Bảng 2: Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra với thiết kế của các khối kiến thức ngành Kế toán	36
Bảng 3: Cấu trúc khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành Kế toán.....	43
Bảng 4: Bảng so sánh cấu tạo chương trình đào tạo 2017-2019.....	45
Bảng 5: Bảng so sánh khung chương trình đào tạo Ngành Kế toán của ĐHDL với một số Trường Đại học ở Việt Nam 2019	47
Bảng 6: Biểu thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật từ năm học 2019-2020.....	64
Bảng 7: Tổng hợp kết quả chấm lại bài thi học phần.....	70
Bảng 8: Số lượng GV được tuyển mới, được cử đi đào tạo, nâng cao trình độ trong giai đoạn 2017-2021:	73
Bảng 9: Bảng thống kê GV thuộc Bộ môn TCKT	77
Bảng 10: Khung định mức chuẩn giảng dạy các nhiệm vụ của giảng viên.....	78
Bảng 11: Hệ số quy đổi giữa các bậc đào tạo	78
Bảng 12: Bảng quy đổi hệ số theo sĩ số cho tiết lý thuyết.....	78
Bảng 13: Bảng thống kê giảng viên và FTE giảng viên Bộ môn TCKT giảng dạy ngành Kế toán.....	79
Bảng 14: Bảng tỷ lệ giảng viên/ người học ngành Kế toán.....	80
Bảng 15: Thống kê giờ giảng của giảng viên	82
Bảng 16: Thống kê giờ NCKH của giảng viên	82
Bảng 17: Tỷ lệ giảng viên của Khoa và bộ môn TCKT đạt bằng, chứng chỉ	87
Bảng 18: Thống kê hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Khoa trong giai đoạn 2016 - 2021	90
Bảng 19: Số lượng giảng viên của ngành KT được khen thưởng các cấp:	92
Bảng 20: Bảng so sánh khối lượng nghiên cứu khoa học qua trong 5 năm của Khoa KT&QL	95
Bảng 21: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2016-2021).....	95

Bảng 22: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong giai đoạn 2016 - 2021.....	96
Bảng 23: Số lượng cán bộ cơ hữu thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2016 – 2021.....	96
Bảng 24: Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2016 – 2021	96
Bảng 25 : Danh sách cổ vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2018-2019	102
Bảng 26: Danh sách cổ vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2019-2020	103
Bảng 27: Công tác cổ vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2020-2021	103
Bảng 28: Danh sách cổ vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2021-2022	104
Bảng 29: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2017.....	109
Bảng 30: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2018.....	109
Bảng 31: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2019.....	110
Bảng 32: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2020.....	110
Bảng 33: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2021	111
Bảng 34: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2017	112
Bảng 35: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2018	112
Bảng 36: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN	113
Bảng 37: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2020	113
Bảng 38: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2021	114
Bảng 39: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2016-2017.....	117

Bảng 40: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2017-2018.....	118
Bảng 41: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2018-2019.....	118
Bảng 42: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2019-2020.....	118
Bảng 43: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2020-2021.....	119
Bảng 44: Thống kê tuyển sinh trong 5 năm 2016-2021(hệ chính quy).....	124
Bảng 45: Thông tin về số lượng sinh viên có điểm trung bình tích lũy dưới 2.0 từ D12 – D16.....	129
Bảng 46: Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021.....	129
Bảng 47: Bảng thống kê số lượng sinh viên nhận học bổng ngành Kế toán.....	131
Bảng 48: Bảng số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành Kế toán năm 2016-2021	132
Bảng 49: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường.....	139
Bảng 50: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa KT&QL	141
Bảng 51: Bảng thống kê tại Thư viện, Cơ sở 1, Trường Đại học Điện lực.....	142
Bảng 52: Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của SV của Trường ĐHDL	147
Bảng 53: Thống kê ý kiến phản hồi cựu SV về CTĐT đáp ứng với CĐR Ngành Kế toán.....	157
Bảng 54: Thống kê ý kiến phản hồi sinh viên về CTĐT với CĐR Ngành Kế toán ...	157
Bảng 55: Thống kê ý kiến phản hồi doanh nghiệp về chương trình đào tạo đáp ứng với CĐR Ngành Kế toán.....	158
Bảng 56: Đối sánh chương trình đào tạo năm 2017 và 2019.....	160
Bảng 57: Kết quả KSSV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT kỳ 1 - 2021/2022	167
Bảng 58: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020	168
Bảng 59: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020	169

Bảng 60: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2020/2021	170
Bảng 61: Bảng thống kê tình hình sinh viên thôi học ngành Kế toán giai đoạn 5 năm 2016-2021	176
Bảng 62: Bảng thống kê tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 5 năm 2016-2021	176
Bảng 63: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên kế toán năm 2016-2021.....	177
Bảng 64: Tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành Kế toán 5 năm từ 2016-2021.....	179
Bảng 65: Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Kế toán 5 năm từ 2016-2021 và đối sánh	179
Bảng 66: Bảng thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021.....	182
Bảng 67: Bảng thống kê tỷ lệ việc làm của sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021 và đối sánh.....	182
Bảng 68: Bảng thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021	185
Bảng 69: Bảng thống kê số đề tài sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021	186
Bảng 70: Bảng thống kê mức độ hài lòng của các bên liên quan giai đoạn 2016-2021	188

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa KT&QL (theo Quyết định 997/QĐ-ĐHDL ngày 28/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về việc thành lập bộ môn thuộc Khoa KT&QL)	8
Hình 2: Biểu đồ tổng hợp phương pháp giảng dạy theo CTĐT năm 2020	29
Hình 3: Biểu đồ tổng hợp phương pháp giảng dạy từ năm học 2020-2021	52
Hình 4: Biểu đồ về tần suất mượn sách của Trung tâm Học liệu	145
Hình 5: Cơ cấu tổ chức hành chính trường Đại học Điện lực (www.epu.edu.vn).....	226

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành đào tạo. Trong xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, khoa Kinh tế & Quản lý (KT&QL), trường Đại học Điện lực (ĐHDL) thường xuyên quan tâm đến chất lượng chương trình đào tạo, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

CTĐT đại học chính quy ngành Kế toán của trường Đại học Điện lực đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốt các yêu cầu của các doanh nghiệp trên thị trường lao động. Chính vì vậy, để đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu của các doanh nghiệp thì việc tự đánh giá chất lượng CTĐT của ngành Kế toán là việc rất cần thiết để biết được chất lượng hiện trạng của chương trình đào tạo từ đó đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, là một phần của quy trình đánh giá và kiểm định chất lượng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường cũng như các khoa. Trong quá trình triển khai công việc này, Trường ĐHDL, Khoa KT&QL căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến chương trình đào tạo nhằm đạt được các mục tiêu chương trình đào tạo đã đề ra.

Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Về cấu trúc, BCTĐG gồm 4 phần:

Phần 1 – Khái quát: Giới thiệu tổng quan về Trường Đại học Điện lực với sứ mạng, tầm nhìn, cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo nghiên cứu khoa học trong những năm gần đây và quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường. Tiếp đó là giới thiệu về Khoa KT&QL và Bộ môn Tài chính – Kế toán là đơn vị thực hiện CTĐT.

Phần 2 – Nội dung tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của CTĐT của ngành Kế toán: Mô tả và phân tích, đánh giá các hoạt động của CTĐT Kế toán theo

các yêu cầu của từng tiêu chuẩn, trong mỗi tiêu chuẩn lần lượt xem xét theo từng tiêu chí để thấy được mức độ đáp ứng của CTĐT so với bộ tiêu chuẩn đề ra. Trong mỗi tiêu chí đều được mô tả cụ thể về tiêu chí, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và đánh giá điểm đạt của của từng tiêu chí.

Phần 3 – Kết luận: Báo cáo tổng hợp các điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, đồng thời chỉ ra những tồn tại của CTĐT và đưa ra các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trong tương lai.

Phần 4 – Phụ lục: Các số liệu minh hoạ cho thực trạng các tiêu chuẩn, tiêu chí.

Bản BCTĐG được thực hiện căn cứ theo những văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;
- Thông tư số 04/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn chung về sử dụng Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;
- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/ QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Thông tư 04/TT-BGD&ĐT, BCTĐG của CTĐT trình độ đại học của ngành Kế toán được viết theo 11 tiêu chuẩn, gồm 50 tiêu chí đánh giá. Kèm theo nội dung BCTĐG là các minh chứng diễn giải cụ thể cho hoạt động mà Ngành Kế toán đã thực hiện.

Cụ thể nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn như sau: Tiêu chuẩn 1- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; Tiêu chuẩn 2- Bản mô tả CTĐT; Tiêu chuẩn 3-Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Tiêu chuẩn 4- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Tiêu chuẩn 5- Đánh giá kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 6 -Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Tiêu chuẩn 7- Đội ngũ nhân viên; Tiêu chuẩn 8- Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 - Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 10 - Nâng cao chất lượng; Tiêu chuẩn 11- Kết quả đầu ra. Nội dung chi tiết của 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí được đề cập trong phần II của bản báo cáo.

Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá được mã hóa theo quy định của Thông tư 04/TT-BGD&ĐT và Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD. Việc mã hóa thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự. Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

H: Viết tắt của hộp MC ngành Kế toán.

n: Số thứ tự của hộp MC

ab: Số thứ tự của tiêu chuẩn

cd: Số thứ tự của tiêu chí

ef: Số thứ tự của MC

Ví dụ: **[H1.01.01.01]** là MC thứ nhất của Tiêu chí 1 thuộc Tiêu chuẩn 1 và được đặt ở Hộp 1.

Các minh chứng này được tập hợp trong Danh mục minh chứng được gửi kèm theo BCTĐG. Nội dung cụ thể từng minh chứng được đặt trong hộp lưu trữ của Ngành đào tạo. Các minh chứng được cung cấp, sử dụng có độ tin cậy cao và liên tục được cập nhật. Các minh chứng sẽ được đặt đúng vị trí hộp như đã mã hóa để bổ sung cho tính toàn diện của hoạt động tự đánh giá.

Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của cơ sở giáo dục. Giúp cơ sở giáo dục, đơn vị thực hiện CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn. Đây là điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm

định chất lượng giáo dục. Tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Cụ thể, tự đánh giá là việc tập hợp một cách có hệ thống CTĐT đang có của ngành Kế toán, từ đó có những báo cáo về chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các vấn đề liên quan tới CTĐT. Trên cơ sở những nhận định từ chính những hoạt động đã và đang làm được của Ngành kèm theo những tồn tại để đưa ra những hành động cụ thể cho việc phát triển Ngành, Khoa và Trường. Đây cũng chính là căn cứ để Ngành có những điều chỉnh cần thiết trong quá trình tổ chức thực hiện đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng NCKH, đóng góp cho cộng đồng để từ đó nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Hoạt động này tạo thành một chu trình khép kín và rất cần được nhận định cả từ bên trong và bên ngoài để có được hướng phát triển phù hợp xu thế, khẳng định thương hiệu và chất lượng của Ngành Kế toán.

Việc tự đánh giá là cơ sở để Nhà trường đánh giá và xem xét khả năng đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Quy trình tự đánh giá được tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng;
- Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 5: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường, Khoa được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học (Thông tư 04/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí Ngành Kế toán được tiến hành đồng thời với Trường và Khoa nên có sự đồng nhất về số liệu, thời điểm minh chứng, nguồn gốc rõ ràng, xác thực và có tính hệ thống trong bố cục. Việc tiến hành xem xét theo trình tự sau:

(i) Mô tả thực trạng: Cụ thể, có bảng hoá, biểu đồ để đảm bảo tính trực quan về thực tế các tiêu chí. Việc mô tả dựa trên MC thực tế.

(ii) Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại của CTĐT.

(iii) Lên kế hoạch hành động khắc phục những tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở thời gian, bộ phận thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

(iv) Tự đánh giá: tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu theo tiêu chí.

Sự tham gia của các bên liên quan

Quá trình đánh giá chất lượng đào tạo Ngành Kế toán có sự liên kết chặt chẽ của các giảng viên trong Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL với các cán bộ của các Phòng, Ban của Trường ĐHDL, đặc biệt là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) Phòng Đào tạo (ĐT), Phòng Công tác sinh viên (CTSV), Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), Trung tâm Học liệu (TTHL), Phòng Hành chính quản trị (HCQT), Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) và Trung tâm Công nghệ thông tin (CNTT). Các phòng ban chức năng có người đại diện tham gia các nhóm công tác chuyên trách trong việc thu thập minh chứng, đánh giá minh chứng và nội dung trong các tiêu chuẩn tương ứng.

Việc đánh giá được tham gia bởi đại diện sinh viên Ngành Kế toán, thành viên Hội đồng trường, đại diện công đoàn, đoàn thanh niên, Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp trong các buổi họp hội đồng và những lần gửi xin ý kiến gửi rộng rãi cho cán bộ giảng viên trong toàn trường.

2. Tổng quan chung

Trường Đại học Điện lực

Trường Đại học Điện lực là một trong những trường trọng điểm trực thuộc Bộ

Công Thương với bề dày hơn 50 năm xây dựng và phát triển. Ngày 19 tháng 05 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Trường Đại học Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 01 tháng 9 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1508/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2015 – 2017 và đến ngày 24 tháng 9 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ra Quyết định số 10268/QĐ-BCT về việc chuyển Trường Đại học Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về trực thuộc Bộ Công Thương. Trong nhiều năm qua, Trường ĐHDL thường xuyên quan tâm đến chất lượng đào tạo, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường đã được khẳng định thể hiện thông qua việc Nhà trường đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng vào năm 2017 theo 11 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT và được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 226 ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN. Trường đã, đang và tiếp tục triển khai nhiều hoạt động để đảm bảo chất lượng như: cải tạo cơ sở vật chất; nâng cao năng lực đội ngũ công việc chức; định kỳ rà soát, hiệu chỉnh các CTĐT trên cơ sở các ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, chuyên viên, người học, cựu người học, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và chuyên gia) về mọi mặt của nhà trường.

Tổng diện tích hiện có của Trường là 9,9 ha với 106 phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị nghe, nhìn, có đường truyền internet; diện tích phòng máy tính 875m². Thư viện của Nhà trường có diện tích 1.176 m² với 5.203 đầu sách và giáo trình điện tử. Nhà trường có bề dày kinh nghiệm, đã khẳng định được chất lượng và uy tín trong đào tạo, NCKH ở trong nước và khu vực.

Tính đến 30/11/2021, tổng số CBVC của Nhà trường hiện có 497 người; trong đó GV cơ hữu là 366 người với 30 GS và PGS, 126 TS. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội đồng tư vấn và đánh giá các cấp.

Sứ mạng: Trường Đại học Điện lực có sứ mạng là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hoá và phát triển bền vững. Với sứ mạng đó, nhà trường đã và đang phát triển trở thành trường đào tạo đa

ngành. Tính đến 30 tháng 11 năm 2021, nhà trường đã hoàn thiện việc xây dựng 19 CTĐT bậc đại học, 9 CTĐT bậc cao học và 4 CTĐT trình độ tiến sĩ.

Tầm nhìn: Trường ĐHĐL trở thành trường đại học hàng đầu trong nước về lĩnh vực năng lượng, đạt đẳng cấp quốc tế vào năm 2030.

Giá trị cốt lõi trong hoạt động đào tạo và NCKH của Trường ĐHĐL đã được khẳng định với sáu chữ sau: (1) Chuyên nghiệp; (2) Sáng tạo và (3) Nhiệt huyết.

Mục tiêu của nhà trường trong giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 là đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện, có sức khỏe, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước; có ý thức học tập suốt đời và khả năng thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội.

Chính sách chất lượng: Trường ĐHĐL đã luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội với kết quả tốt, đồng thời triển khai công tác tự đánh giá với một loạt các CTĐT khác trong đó có CTĐT ngành Kế toán. Quan điểm của Ban lãnh đạo Nhà trường luôn coi chất lượng là một phần của giáo dục và được thực hiện thường xuyên theo chu trình cải tiến liên tục PDCA.

Khoa Kinh tế & Quản lý

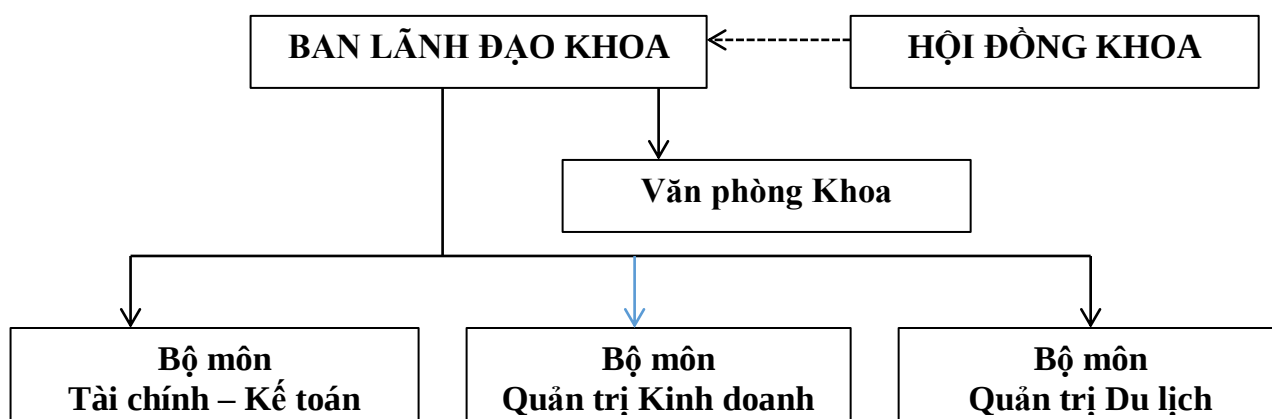
Khoa KT&QL tiền thân là Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) được thành lập ngày 15 tháng 10 năm 2008, là đơn vị trực thuộc Trường ĐHĐL với các nhiệm vụ ban đầu là thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực QTKD, TCNH, Kế toán, Kiểm toán, Thương mại điện tử.

Khoa Kinh tế và Quản lý là khoa có lịch sử nhiều cung bậc nhất của Trường ĐHĐL với một lần tách, một lần sáp nhập và một lần đổi tên. Từ ngày 01/01/2018, Khoa KT&QL đã chính thức được đổi tên từ Khoa QTKD theo Quyết định số 1818/QĐ-ĐHĐL của Hiệu trưởng Trường ĐHĐL. Việc thành lập Khoa KT&QL thể hiện định hướng phát triển của Trường ĐHĐL trong giai đoạn tiếp theo đó là phát triển Khoa KT&QL toàn diện trên tất cả các mặt của lĩnh vực của kinh tế và quản lý.

Từ năm 2020, Khoa KT&QL đào tạo 6 ngành (QTKD, TCNH, Thương mại điện tử, Kế toán, Kiểm toán và Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành) với 9 chuyên ngành

(QTDN, QT du lịch khách sạn, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Kinh doanh thương mại trực tuyến, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán & Kiểm soát, Kiểm toán, Quản trị du lịch và lữ hành) ở bậc đại học và 2 ngành ở bậc sau đại học (QTKD ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ, TCNH ở bậc thạc sĩ). Khoa KT&QL hiện cũng đang đào tạo các chương trình chất lượng cao cho sinh viên các chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, Khoa KT&QL có các chương trình đào tạo văn bằng 2 ngành Kế toán và một số chương trình đào tạo liên thông lên trình độ đại học các ngành đào tạo của khoa.

Cơ cấu tổ chức của Khoa KT&QL có 3 Bộ môn và 01 Văn phòng Khoa.



Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa KT&QL (theo Quyết định 997/QĐ-ĐHDL ngày 28/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về việc thành lập bộ môn thuộc Khoa KT&QL)

Khóa cử nhân đầu tiên năm 2008 khoa chỉ có 60 sinh viên (ngành Kế toán và TCNH). Trong vòng 5 năm qua (2016-2021), số lượng sinh viên đại học chính quy của các ngành được tuyển hằng năm tăng và quy mô sinh viên của Khoa tăng. Năm học 2021-2022, Khoa có tổng số hơn 3.500 SV đại học (SV Khoá D13, D14, D15, D16), 50 cao học (CH8,9 QTKD và TCNH), 08 tiến sĩ QTKD. Tỷ lệ sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 1 năm là trên 98%.

Tính đến 31/12/2021, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa KT&QL là 53, trong đó có 05 PGS, 15 TS và 33 cán bộ giảng viên có trình độ thạc sĩ (trong đó 15 giảng viên đang thực hiện làm NCS).

Từ năm 2016 đến nay, Khoa đã thực hiện thành công 15 đề cấp các cấp và 178 bài báo, 92 bài hội thảo trong nước và quốc tế. Các GV của Khoa biên soạn 07 giáo trình, sách chuyên khảo và bài tập. Các giảng viên trong khoa luôn nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu để đáp ứng mục tiêu đào tạo và nghiên cứu của nhà trường. Tháng 10/2018, Khoa KT&QL đã tổ chức thành công Hội thảo “Đổi mới sáng

tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam” (ngày 12/10/2018). Tháng 10/2020, Khoa KT&QL cùng các các khoa QTKD, Kế toán, Tài chính của Trường Đại học Quy Nhơn, Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia và Viện Nghiên cứu chiến lược thương hiệu và cạnh tranh tổ chức hội thảo *“Tăng trưởng xanh: Quản trị và phát triển doanh nghiệp”*. Các hội thảo đã tạo được dấu ấn tốt với các nhà khoa học, chuyên gia và các bên liên quan về năng lực nghiên cứu cũng như tạo lập mạng lưới liên kết tốt giữa Khoa KT&QL với các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp.

Tính đến 31/12/2021, Khoa KT&QL đã ký kết liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp trong nước để triển khai các hoạt động đào tạo, tạo nhiều hoạt động cho sinh viên. Các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, các trường đại học quốc tế đã được ký kết biên bản ghi nhớ như Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK), Hiệp hội Kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA -Mỹ), Đại học Busan (Hàn Quốc). Trong nước, mạng lưới liên kết của Khoa KT&QL được phát triển đa dạng gồm: Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), Công ty SmartTrain, Công ty cổ phần MISA, Viện đào tạo ngân hàng Vietnambankers, Công ty CP ACTAX, Tập đoàn FLC, Khách sạn Melia, TopCV, Công ty CP VNDirect, Tập đoàn Marriott, Khoa Kinh tế và Kế toán; Khoa TCNH và QTKD của Đại học Quy Nhơn,... Đây là một tiền đề tốt để thúc đẩy sự phát triển Khoa KT&QL trong thời đại hội nhập quốc tế và kết nối doanh nghiệp, mở rộng mạng lưới nghiên cứu.

Về phục vụ cộng đồng, CBGV của Khoa tổ chức các hoạt động thiện nguyện hàng năm (Tết ấm cho em tại Cao Bằng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Thư viện xanh tại Hà Giang), ủng hộ các bác sĩ nơi tuyến đầu chống dịch tại Hà Nội, Hà Giang. Bên cạnh đó những hoạt động đóng góp tham vấn cho Chính phủ, Quốc hội, Bộ Tài chính, World Bank, Hiệp hội nghề nghiệp trong xây dựng các dự luật, thông tư, chuẩn mực chuyên môn và đạo đức, khung năng lực nghề nghiệp. Các tài liệu học tập, phổ biến kiến thức được thông tin và truyền tải cho SV và cộng đồng thêm những kiến thức về quản lý, quản trị kinh doanh, kiểm soát, quản trị tài chính.

Với sự nỗ lực không ngừng trong những năm qua, Khoa KT&QL đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen của Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trường Đại học Điện lực nhà nước trong nhiều năm học từ 2008- 2021: Bằng khen của Bộ Công thương năm 2010, 2013, 2018 và Bằng khen cấp EVN năm 2014, 2015. Các

CBGV đạt được các thành tích cụ thể: 1 cá nhân nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ Công thương, các bằng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Bằng khen của Trường ĐHQG cho các cá nhân đạt thành tích cao trong nghiên cứu và giảng dạy của Khoa KT&QL.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo sát với thực tiễn, các CTĐT của Khoa thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, thời gian điều chỉnh gần đây nhất là vào các năm 2015, 2017, 2019-2020. Từ năm 2018, Khoa đã tiến hành thực hiện tự đánh giá CTĐT cho 04 ngành là Kế toán, TCNH, QTKD và Thạc sĩ QTKD. Trong quá trình triển khai hoạt động tự đánh giá, Khoa đã có nhiều hành động tích cực nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng

Bộ môn Tài chính - Kế toán

Bộ môn Tài chính – Kế toán (TCKT) trực thuộc Khoa KT&QL, Trường ĐHQG là đơn vị được giao quản lý CTĐT Ngành Kế toán. CTĐT ngành Kế toán được Bộ môn xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở có tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học danh tiếng ở Việt Nam (Đại học Kinh tế quốc dân, Học Viện Tài chính, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh), trên thế giới (Đại học Oxford Brookers –UK, Đại học Davenport, Đại học Franklin), chương trình đào tạo của Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA - UK), Hiệp hội Kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA -Mỹ) và theo yêu cầu của xã hội.

Bộ môn TCKT có 27 GV cơ hữu bao gồm 2 PGS, 7 TS, 10 NCS và 8 ThS, ngoài ra còn có nhiều cộng tác viên tại các trường thuộc khối Kinh tế như Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Thương mại, Viện nghiên cứu, ...Các GV trong khoa còn tham gia các khoá học chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như ACCA (UK), CPA (Việt Nam), CMA (Mỹ) và CFA (Mỹ) nhằm hướng đến việc chuyên nghiệp trong đào tạo. Đội ngũ giảng viên của bộ môn trẻ, đầy nhiệt huyết với công tác đào tạo và nghiên cứu, tinh thần học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo

CTĐT cử nhân Kế toán được thiết kế theo chuẩn 4 năm. CTĐT đại học của các ngành do Khoa KT&QL quản lý được chỉnh sửa đảm bảo tính hệ thống, có tính liên thông giữa các bậc, các hệ đào tạo.

Kế toán là một trong 6 ngành đào tạo của Khoa KT&QL có 2 chuyên ngành đào tạo là Kế toán doanh nghiệp và Kế toán và kiểm soát với 131 tín chỉ. Ngành Kế toán xác định chất lượng CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến chất lượng đào tạo của Khoa KT&QL và toàn trường. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán là việc làm hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT cho phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn lực xã hội hiện nay.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân của ngành Kế toán đảm bảo có năng lực về: Kiến thức chuyên sâu về kế toán, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp và quản trị trong tổ chức; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức và khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực kế toán - tài chính trong một tổ chức; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, CTĐT của ngành Kế toán được thiết kế phù hợp giữa lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời. CTĐT của ngành Kế toán thường xuyên được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể là CTĐT của ngành Kế toán được phê duyệt theo Quyết định số 1003/QĐ-ĐHĐL ngày 01/8/2013 và được được rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2015, 2017, 2019.

Năm 2015, CTĐT của ngành Kế toán được cập nhật, điều chỉnh với việc mở thêm chuyên ngành Kế toán tài chính và kiểm soát để đáp ứng yêu cầu thị trường về kiểm toán, kiểm soát hoạt động của các tổ chức (Quyết định 270/QĐ-ĐHĐL, ngày 27/3/2015).

Năm 2017, CTĐT của Kế toán được hiệu chỉnh theo Quyết định 1439/QĐ-ĐHĐL, ngày 2/11/2017 một cách tổng thể và được thiết kế CTĐT trên cơ sở chuẩn đầu ra (CDR). Mục tiêu, CDR của CTĐT và các học phần trong CTĐT được thực hiện dựa trên việc khảo sát, hội thảo để tiếp nhận ý kiến thay đổi. CTĐT của ngành Kế toán được chuẩn hoá với 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp (KTDN) và Kế toán và kiểm soát (KT&KS) gắn với kế toán quản trị ra quyết định và kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Trong lần hiệu chỉnh này 21 CDR được xác định cụ thể, ma trận CDR

được xác lập và tổng số tín chỉ của CTĐT là 129 TC. Quyết định số 1886/QĐ-ĐHDL, ngày 29/12/2017 ban hành CTĐT ngành Kế toán.

Năm học 2019 - 2020, CTĐT của ngành Kế toán tiếp tục được cập nhật và đánh giá theo Quyết định số 401/QĐ-ĐHDL, ngày 9/4/2019. CTĐT ngành Kế toán được chi tiết hơn trong đánh giá các CDR của CTĐT, chi tiết CDR các học phần, phương pháp kiểm tra, đánh giá, giảng dạy cũng được trình bày chi tiết, Để đáp ứng yêu cầu cập nhật chuẩn mực kế toán quốc tế, môn học Kế toán quốc tế trong CTĐT được tăng cường thêm 1 TC cũng như bổ sung số tín chỉ của các môn khoa học Mác – Lênin, tổng số TC của CTĐT ngành Kế toán là 131 TC ban hành theo Quyết định số 554/QĐ-ĐHDL, ngày 5/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực.

Từ 2019 - nay, Bộ môn TCKT, khoa KT&QL đã thực hiện tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán theo quyết định cập nhật của Nhà trường. Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập, xử lý MC, viết dự thảo báo cáo và từ việc tiếp thu ý kiến tư vấn của các chuyên gia và các bên liên quan, khoa KT&QL và ngành Kế toán đã tổ chức thảo luận và chỉnh sửa và hoàn thành BCTĐG CTĐT của ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành Kế toán đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại cùng với kế hoạch khắc phục những tồn tại.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán được xây dựng các mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) hướng tới đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. CDR được xây dựng trên cơ sở mục tiêu đào tạo ngành và như một tuyên bố với xã hội về những điều mà Khoa KT&QL, Trường Đại học Điện lực mong muốn SV ngành Kế toán có khả năng làm, biết hoặc hiểu CTĐT. Thông qua mục tiêu đào tạo, SV Kế toán của Trường ĐHDL nắm được đích hướng đến về kiến thức, kỹ năng và thái độ của ngành học. Hai mốt (21) CDR trong CTĐT ngành Kế toán thể hiện kỳ vọng của người học sẽ có được và làm được sau khi tốt nghiệp. Đây là cũng là những điều mà Trường ĐHDL cam kết với người học về chất lượng đào tạo và trên cơ sở đó, người học giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo và kết quả đạt được trong hoạt động nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Đề án mở ngành Kế toán tại trường Đại học Điện lực căn cứ vào Quyết định số 3058/QĐ-BGDĐT ngày 21/6/2006 về việc giao cho trường Đại học Điện lực mở ngành đào tạo trình độ đại học **[H1.01.01.01]**. Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác lập chính thức ngay trong Đề án mở ngành và CTĐT ban đầu được với 3 nhóm chi tiết kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mục tiêu chung của CTĐT này được xác định trong chương trình ban hành theo Quyết định số 1886/QĐ-ĐHDL ngày 29/12/2017, Quyết định số 554/QĐ-ĐHDL, ngày 5/6/2020 là “Kiến thức chuyên sâu về kế toán, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp và quản trị trong tổ chức; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức và khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực kế toán - tài chính trong một tổ chức; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng nhu cầu thực tiễn” **[H1.01.01.10], [H1.01.01.11]**. Mục tiêu của CTĐT trong lần hiệu chỉnh trong năm 2017 và cập nhật, đánh giá trong năm 2020 là tương đồng và thống nhất.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán năm 2017, 2020 đã có nhiều khác biệt so với mục tiêu của CTĐT năm 2013 ban hành theo Quyết định số 1003/ QĐ-ĐHĐL ngày 01/8/ 2013 về tính rõ ràng, chi tiết cần đạt được của CTĐT về kiến thức chuyên sâu, tăng cường kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý, phần mềm chuyên dụng trong kế toán, kỹ năng giải quyết vấn đề, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và khả năng tự học. Mục tiêu chung đó đã được làm rõ thông qua các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ sinh viên ngành kế toán cần đạt được qua quá trình đào tạo. Theo đó, sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành Kế toán cần có ý thức, có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc kế toán, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, nhận thức được giá trị về đạo đức nghề nghiệp, văn hoá doanh nghiệp trong công việc, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu tiến. Về kiến thức, sinh viên có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành cũng như chuyên ngành kế toán, nắm vững được các quy định pháp luật của ngành. Về kỹ năng, mục tiêu hướng đến của chương trình đào tạo là đào tạo sinh viên có kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những công nghệ tiên tiến để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kế toán; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh trong kỳ kế toán tại tổ chức.

Từ khi chuyển đổi CTĐT theo hệ thống tín chỉ (năm 2013) Nhà trường đã thực hiện rà soát điều chỉnh CTĐT. Trong lần sửa đổi năm 2017, nhà trường và Khoa KT&QL căn cứ vào Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.08]**, Khoa đã thực hiện đánh giá thực trạng mục tiêu CTĐT và tiến hành khảo sát các bên liên quan là một số đối tác của Khoa (các tổ chức nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động) và cựu sinh viên để xây dựng lại mục tiêu của CTĐT sau khi khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành Kế toán **[H1.01.01.14]**. Việc khảo sát để xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp được thực hiện với các nhà tuyển dụng, các cựu SV và các chuyên gia. Theo biên bản đánh giá, những năm gần đây về thị trường lao động kế toán được cho là tăng thêm nhưng có khuynh hướng tăng cường kế toán quản trị và kế toán gắn với chức năng kiểm soát trong doanh nghiệp. Đó là lý do, Khoa KT&QL mở thêm chuyên ngành Kế toán và kiểm soát với tập trung vào kế toán hỗ trợ việc ra quyết định của nhà quản lý. Bên cạnh đó những yêu cầu về công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý mới trong tổ chức dẫn đến sự thay đổi toàn diện về mục tiêu đào tạo trong CTĐT của

Nhà trường. Mục tiêu kiến thức không chỉ dừng ở kế toán mà tăng cường phân tích hoạt động tài chính, quản trị doanh nghiệp mang phổ rộng hơn. Mục tiêu kỹ năng tăng cường về sử dụng công cụ quản lý, phần mềm chuyên dụng được tăng cường. Ngành nghề kế toán gắn với việc trợ giúp đưa ra quyết định quản lý, cung cấp thông tin tài chính cho các bên liên quan, do đó sự thận trọng hay giữ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp được đề cao và là mục đích của CTĐT. Kế thừa và phát triển mục tiêu đào tạo cử nhân kinh tế tại ĐHDL nói chung, mục tiêu CTĐT năm 2017 đã được ban hành riêng biệt theo hướng điều chỉnh, cập nhật đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành cũng như yêu cầu thực tế. Ngoài mục tiêu trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành thì mục tiêu về đạo đức nghề nghiệp chuyên môn, tính tự chịu trách nhiệm được đề cập và là điểm khác biệt trong lần điều chỉnh này **[H1.01.01.13], [H1.01.01.14]**.

Mục tiêu đào tạo của ngành kế toán được xác định phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Nhà trường *“Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hoá và phát triển bền vững”* và tầm nhìn đó là *“Trở thành trường đại học hàng đầu trong nước về lĩnh vực năng lượng, đạt đẳng cấp quốc tế vào năm 2030 ”* trong định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030. Mục tiêu chung của CTĐT ngành Kế toán hướng tới sự phù hợp toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc chuyên nghiệp để tạo ra các cử nhân kế toán chất lượng và hướng tới phát triển bền vững từ yêu cầu học tập suốt đời đối với cử nhân kế toán. Có thể nói, mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán cũng phù hợp với tuyên bố sứ mạng và mục tiêu đào tạo của trường ĐH Điện Lực **[H1.01.01.04], [H1.01.01.05]**.

Giai đoạn trước 2017, mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán trong Quyết định số 1003/QĐ-ĐHDL ngày 01/8/2013 phù hợp với sứ mạng của Trường ĐHDL là *“Trường Đại học Điện lực là Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao về khoa học công nghệ và quản lý kinh tế, đồng thời cũng là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho ngành Điện lực Việt Nam và xã hội, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*, là cơ sở để đào tạo cử nhân Kế toán có trình độ cao. Mục tiêu đào tạo của ngành kế toán phù hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 16/6/2005 **[H1.01.01.06]**. Và quy định tại

Điều 5, Luật GDĐH số 08 năm 2012 “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.07].

Theo biên bản đánh giá, những năm gần đây nhu cầu về thị trường lao động ngành Kế toán có xu hướng tăng lên [H1.01.01.14]. Chính vì vậy, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp đã tiếp tục được nhắc đến trong chương trình đào tạo ngành Kế toán, thực hiện đào tạo đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp, tự chịu trách nhiệm nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa theo quy định về chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. So sánh với mục tiêu CTĐT của một số trường đại học trong nước có đào tạo ngành Kế toán thì Các mục tiêu trong CTĐT của Nhà trường được mô tả rõ ràng, chi tiết trong Bản mô tả CTĐT [H1.01.01.12] [H1.01.01.03], [H1.01.01.011], [H1.01.01.015], [H1.01.01.02], và được công khai trên trang web [H1.01.01.19], [H1.01.01.16].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán của khoa KT&QL được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Quá trình xây dựng và phát triển mục tiêu của CTĐT có thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành kế toán cũng như khảo sát ý kiến các bên liên quan là các chuyên gia giáo dục, cựu sinh viên và sinh viên. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã phản ánh nhu cầu nhân sự của tổ chức trong lĩnh vực kế toán, định hướng theo sự phát triển của thị trường lao động và sự phát triển tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực này.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu của CTĐT của các nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hiệp hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hiệp hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện Thông tư số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Trường ĐH Điện lực đã yêu cầu các khoa chuyên môn xây dựng CDR theo các văn bản, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. CDR của ngành Kế toán được ban hành lần đầu trong năm 2010 được chia thành CDR kiến thức, kỹ năng (cứng, mềm) và thái độ [H1.01.02.01]. CDR không có sự khác biệt với mục tiêu cụ thể của CTĐT và chưa rõ thang đo đánh giá.

Trong lần sửa đổi năm 2017 theo Quyết định số 1439/QĐ-ĐHDL giao nhiệm vụ hiệu chỉnh CTĐT [H1.01.02.04], Nhà trường và Khoa KT&QL đã vận dụng các quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.08] và Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg [H1.01.02.03] để rà soát lại CDR của CTĐT. Nhà trường đưa ra quy định về xây dựng điều chỉnh CDR và CTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT đồng thời giao cho Khoa KT&QL chủ trì lấy ý kiến của các bên liên quan theo mẫu phiếu chung [H1.01.02.06], [H1.01.02.07]. Sau khi lấy ý kiến, Khoa KT&QL phối hợp cùng Bộ môn TCKT (Trước đây là Bộ môn KTKT), nhóm biên soạn đưa ra dự thảo CDR trong CTĐT. CDR cùng với CTĐT được Hội đồng KH&ĐT Nhà trường thông qua và được Nhà trường ban hành chính thức trong năm 2017 [H1.01.02.02]. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành kế toán được xác định rõ ràng qua các bước triển khai, nhất quán với mục tiêu đào tạo. Trong lần cập nhật năm học 2019 - 2020, CDR của ngành Kế toán được điều chỉnh và cụ thể theo thang đo Bloom [H1.01.02.07], [H1.01.01.11], nhà trường chính thức ban hành CDR cho các ngành [H1.01.02.08] và được thể hiện trong bản mô tả CTĐT [H1.01.02.05].

CDR của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, súc tích phản ánh được

mục tiêu cụ thể của CTĐT và được phân tích như sau:

Bảng 1: Bảng thống kê chi tiết CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo cụ thể ngành Kế toán

Nhóm	CDR	Mục tiêu
Kiến thức	Áp dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên cơ bản, kỹ thuật, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong lĩnh vực kế toán;	Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật xã hội trong lĩnh vực kế toán để phát triển kiến thức mới cho ngành kế toán.
	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội để lĩnh hội chuyên môn, giải quyết các tình huống trong quản lý công việc;	Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật xã hội trong lĩnh vực kế toán để phát triển kiến thức mới cho ngành kế toán.
	Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán	Tích lũy được kiến thức nền tảng ngành kế toán
	Áp dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong quá trình thực hiện công tác kế toán	Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực kế toán.
	Áp dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành trong hoạt động kế toán	Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực kế toán.
	Áp dụng được chế độ, chuẩn mực kế toán, và các quy định pháp lý về tài chính trong việc thực hiện công tác kế toán trong đơn vị	Có kiến thức kế toán, tài chính
	Tổ chức được công tác kế toán trong các tổ chức (tổ chức công việc và bộ máy kế toán)	Có kiến thức kế toán, tài chính
	Áp dụng được các chuẩn mực kế toán,	Có kiến thức kế toán, tài chính

Nhóm	CDR	Mục tiêu
	các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống kế toán.	
	Áp dụng được các kỹ thuật kế toán quản trị, các quy định về kế toán và đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống phục vụ cho kiểm soát và ra quyết định quản trị	Có kiến thức kế toán, kiểm toán, tài chính
Kỹ năng	Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán;	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin
	Có kỹ năng dẫn dắt, hướng dẫn người khác thực hiện của công việc do mình quản lý, tư vấn thuộc ngành kế toán	Có năng lực chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh trong công việc tại tổ chức
	Có kỹ năng phân biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán	Tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những công nghệ tiên tiến để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kế toán.
	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả của các thành viên trong nhóm	Tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những công nghệ tiên tiến để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kế toán.
	Có khả năng viết, thuyết trình, sử dụng các công cụ biểu đồ, hình ảnh cho việc trao đổi thông tin, kiến thức ngành kế toán; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu chuyên môn, các chuẩn mực ngành nghề và các quy định pháp lý khác phục vụ cho công việc;	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin,

Nhóm	CDR	Mục tiêu
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Có năng lực chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh trong công việc tại tổ chức
	Hiểu và phân tích báo cáo tài chính và báo cáo kế toán khác trong đơn vị	Có kỹ năng hoàn thành công việc kế toán, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những loại hình doanh nghiệp khác nhau
	Phân tích và đánh giá công việc kế toán, tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra quyết định	Có kỹ năng hoàn thành công việc kế toán, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những loại hình doanh nghiệp khác nhau
	Thực hiện các phần hành kế toán, lập các báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính trong các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức khác	Có kỹ năng hoàn thành công việc kế toán, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những loại hình doanh nghiệp khác nhau.
	Thiết kế hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp cho đơn vị, thực hiện lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị cho nhu cầu thông tin của nội bộ đơn vị kế toán.	Có kỹ năng hoàn thành công việc kế toán, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những loại hình doanh nghiệp khác nhau
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	Hình thành khả năng làm việc độc lập hoặc làm theo nhóm; biết tự chịu trách nhiệm với kết quả làm việc của cá nhân và với nhóm.	Có ý thức, sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc kế toán
	Có trách nhiệm trong hướng dẫn cũng như giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đặt ra.	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận thức được giá trị

Nhóm	CDR	Mục tiêu
		về đạo đức nghề nghiệp, văn hoá doanh nghiệp trong công việc.
	Hiểu được những ảnh hưởng, tác động công việc thực hiện tới xã hội và các bên liên quan; Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng niềm tin các bên liên quan	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận thức được giá trị về đạo đức nghề nghiệp, văn hoá doanh nghiệp trong công việc
	Hình thành ý thức về đảm bảo chất lượng theo chính sách quản lý chất lượng công việc, quản lý các nguồn lực và liên tục cải tiến trong công tác; Có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình

Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo. Với 21 CDR, 8 CDR về kiến thức, 9 CDR kỹ năng và 4 CDR mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. CDR kiến thức được sắp xếp từ kiến thức chung trong khối khoa học xã hội, kinh tế, lĩnh vực Kế toán. SV Kế toán sau khi tốt nghiệp hiểu được chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán từ đó phân tích được tổ chức, hiểu được các quy định về công tác kế toán và từ đó những đề xuất về tổ chức công tác kế toán. Những kiến thức về vận dụng chuẩn mực, quy định đạo đức nghề nghiệp giải quyết tình huống kế toán được đề cập trong CDR của ngành đào tạo Kế toán là những kiến thức chuyên biệt trong CTĐT ngành Kế toán. Các kỹ năng về tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, đọc hiểu báo cáo tài chính trong tổ chức, kỹ năng đánh giá, phân tích công việc kế toán và tư vấn cho nhà quản lý ra quyết định cũng như kỹ năng ngoại ngữ được chú trọng với SV Kế toán. Sự khác biệt của SV ngành Kế toán của ĐHDL là kỹ năng Excel và sử dụng phần mềm kế toán, thuế chuyên dụng, bên cạnh đó là kỹ năng thiết kế và tổ chức hệ thống kế toán phục vụ ra quyết định quản lý và cung cấp thông tin tài chính cho các bên liên quan. Khả năng

làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm và đảm bảo chất lượng công việc là những yêu cầu của SV khối ngành kinh tế, với SV Kế toán tại ĐHDL đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cũng như tác động tới xã hội, các bên liên quan được đề cập trong quá trình đào tạo và kỳ vọng sẽ được các SV Kế toán sau khi tốt nghiệp đạt được [H1.01.02.02], [H1.01.02.08].

Khi tuyên bố CDR, Khoa KT&QL – ĐHDL cũng đã chỉ rõ sự chuyên biệt CDR chuyên ngành kế toán doanh nghiệp và kế toán và kiểm soát (1 CDR kiến thức và 1 CDR kỹ năng). Với chuyên ngành KTDN, CDR hướng tới “*Áp dụng được các chuẩn mực kế toán, các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống kế toán*” và “*Thực hiện các phân hành kế toán, lập các báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính trong các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức khác*”. Với chuyên ngành kế toán và kiểm soát, CDR hướng tới “*Áp dụng được các kỹ thuật kế toán quản trị, các quy định về kế toán và đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống phục vụ cho kiểm soát và ra quyết định quản trị*” và “*Thiết kế hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp cho đơn vị, thực hiện lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị cho nhu cầu thông tin của nội bộ đơn vị kế toán*”. Phù hợp với CDR ngành Kế toán, 4 nhóm công việc SV ngành Kế toán có thể đảm nhận sau tốt nghiệp như: Nhân viên kế toán, nhân viên phân tích tài chính, trợ lý kiểm toán và các nghiên cứu viên [H1.01.01.02], [H1.01.01.10].

Chuẩn đầu ra của ngành Kế toán thể hiện rõ ràng các đánh giá về kỹ năng, thái độ và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học chương trình. Các CDR được xác định trong thang đo nhận thức Bloom chú trọng các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và một phần sáng tạo phù hợp với cấp độ đào tạo đại học [H1.01.01.15]. CDR của CTĐT được thiết kế để có thể đo lường được, thông qua việc đánh giá KQHT của từng học phần và giúp SV có thể đánh giá mức đạt được thông qua bảng kiểm đánh giá năng lực người học trong Bảng mô tả CTĐT [H1.01.01.15]. Các CDR của CTĐT được chi tiết hoá thành CDR các học phần và tương ứng là cách kiểm tra, đánh giá trong từng học phần [H1.01.01.02] và được công khai trên trang web khoa [H1.01.01.09], [H1.01.01.16].

2. Điểm mạnh

Khoa KT&QL đã xây dựng và ban hành CDR cho CTĐT ngành Kế toán rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CDR của CTĐT được thiết kế phát

huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, sinh viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hiệp hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hiệp hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của ngành Kế toán [H1.01.02.02], [H1.01.02.08] đã đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục năm 2005 (Điều 2) [H1.01.01.06], của Luật Giáo dục đại học số 08 năm 2012 (Điều 5) [H1.01.01.07], Quyết định 1982/ 2016/QĐ-TTg [H1.01.02.03], Thông tư số 07/2015/TT-BGD [H1.01.01.08] của nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên tốt nghiệp với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp. Cụ thể yêu cầu của cựu sinh viên tăng kỹ năng thực hành, thực tập, tăng cường tiếng anh chuyên ngành, kỹ năng tin học, giảm khối lượng học tập các môn học chính trị, chuyển đổi ngành học, học cùng lúc hai chương trình. Đối với nhà tuyển dụng thì yêu cầu tăng thêm các môn học về kỹ năng, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, ngoại ngữ, tin học. Đối với giảng viên mong muốn truyền đạt cho sinh viên cả kiến thức trong giáo trình và kiến thức áp dụng thực tiễn thông qua bài tập lớn, bài thực hành, những thiết kế trong tổ chức công tác kế toán. Trong năm 2017, năm học 2019-2020, CDR của ngành kế toán được thực hiện khảo sát các bên liên quan như nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên [H1.01.03.04], [H1.01.03.05].

Trong lần ban hành lần đầu CDR vào năm 2010, việc xây dựng CDR chỉ có nhóm chuyên gia thực hiện, sự đóng góp và phản biện của các giảng viên Khoa KT&QL, Phòng Đào tạo, không có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan **[H1.01.03.08]**. Trong năm 2017, Khoa KT&QL thực hiện rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT ngành Kế toán theo Quyết định của Nhà trường **[H1.01.03.01]** và Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam **[H1.01.02.03]**. Việc điều chỉnh CDR dựa trên ý kiến khảo sát của cán bộ giảng viên, các nhà quản lý nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên đang theo học về CTĐT **[H1.01.03.04]**. Tất cả các thông tin phản hồi từ các bên liên quan là cơ sở quan trọng để Khoa KT&QL xây dựng, cập nhật và hoàn thiện CDR CTĐT CDR các học phần **[H1.01.01.13]**. Tháng 12/2017, Nhà trường ban hành quyết định chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kế toán **[H1.01.02.02]**. Năm 2020, trên cơ sở cập nhật, đánh giá CTĐT **[H1.01.01.13]**, CDR ngành Kế toán được cập nhật, bổ sung **[H1.01.01.15]**.

Hàng năm, Bộ môn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để trao đổi kiến thức, kỹ năng giảng dạy và có các báo cáo tổng kết hoạt động giảng dạy, những sáng kiến cải tiến, những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học. Từ đó những rà soát đóng góp, CDR của CTĐT được góp ý chỉnh sửa hoàn thiện hơn và đưa ra những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học **[H1.01.03.06]**, **[H1.01.03.07]**. Các nội dung CDR của CTĐT các phiên bản sau cập nhật, tiến bộ và phát triển hơn phiên bản trước. CDR năm 2017 vẫn bám sát nội dung của CDR năm 2013, gồm các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ. Tuy nhiên, theo kế hoạch rà soát, cập nhật đánh giá CTĐT năm 2019 - 2020 **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03]** CDR 2019 được trình bày cụ thể, chi tiết và bao quát được đầy đủ hơn, các yêu cầu chuyên biệt được thể hiện rõ nét hơn. Năm học 2019, Hội đồng Khoa và Bộ môn đã đưa ra đóng góp về thang đo cho CDR trong CTĐT ngành kế toán. CDR được điều chỉnh xây dựng theo thang đo Bloom và hướng tới các cấp độ Hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và một phần sáng tạo **[H1.01.01.15]**

Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện, CDR của CTĐT được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau:

- (1) Trên Website của Khoa, trường **[H1.01.01.16]**
- (2) Trong bộ lưu trữ tại Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa, Trung tâm Học liệu **[H1.01.03.10]**.

Việc công bố công khai CDR giúp cho Nhà trường chuyển tải được cam kết trong đào tạo tới người học và các bên liên quan. Đồng thời cũng để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng hiểu rõ được rằng CDR của CTĐT là phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về đầu ra của SV tốt nghiệp. Tuy nhiên, việc công bố CDR trên còn chưa đầy đủ để giúp SV tiếp cận và tìm hiểu CDR của ngành học.

Như vậy, CDR của CTĐT ngành Kế toán đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được rà soát và điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan và lấy ý kiến đánh giá từ sinh viên công tác giảng dạy của giảng viên [H1.01.01.13], [H1.01.03.09], do đó ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động về kiến thức, kỹ năng, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.03.10].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của ngành Kế toán được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, SV tốt nghiệp, các chuyên gia). CDR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối và công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố CDR tới sinh viên chưa được công bố trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2022, Khoa KT&QL cùng phòng ban chức năng tập trung truyền thông để sinh viên năm thứ 1 dễ dàng tìm kiếm thông tin về CDR của CTĐT trên website, cung cấp đường link truy cập thông qua Fanpage, Group Facebook của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Chuẩn đầu ra của ngành Kế toán được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CDR đáp ứng được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên môn của người học, của nhà tuyển dụng. CDR cũng tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT, Chính phủ. CDR được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên trang website, cổng thông tin đào tạo Nhà trường.

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được Khoa KT&QL xây dựng với đầy đủ các thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, mô tả ngắn gọn học phần cũng như đánh giá và tổ chức thực hiện CTĐT để người học đạt được các CDR của chương trình. Bản mô tả CTĐT đã cung cấp những thông tin cần thiết cho các bên liên quan và thông tin về bản mô tả được công bố công khai trên website của Nhà trường cũng như các kênh thông tin khác để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT&QL xây dựng bản mô tả CTĐT giúp người học và những người quan tâm có được đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc khoá học, nội dung căn bản, hoạt động đào tạo, ma trận khối kiến thức các học phần góp phần vào việc đạt CDR của CTĐT, những mô tả ngắn gọn về các học phần trong CTĐT được thể hiện qua bộ CTĐT, bản mô tả CTĐT qua các năm cập nhật 2013, 2015, 2017, 2019-2020 [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

Trong năm 2013, 2015, CTĐT ngành Kế toán được yêu cầu điều chỉnh theo học chế tín chỉ, Bản mô tả CTĐT chưa được chi tiết hóa mà chỉ là bản mô tả vắn tắt chương trình dạy học. Năm 2017, Nhà trường chỉ đạo về rà soát điều chỉnh CTĐT [H1.01.03.01] trong đó bám sát quy định trong Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.08] quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực người học. Với sự phối hợp của Khoa và Bộ môn TCKT (trước đây là Bộ môn Kế toán – kiểm toán), đến tháng 12/2017, Khoa KT&QL đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành Kế toán [H2.02.01.01] tuy nhiên vẫn chưa thật sự đầy đủ (thiếu Bản kiểm năng lực người học hay các điều kiện thực hiện CTĐT). Trong năm học 2019 -2020, việc cập nhật, đánh giá CTĐT được Nhà trường triển khai theo kế hoạch, cùng những hướng dẫn chi tiết về Bản mô tả CTĐT [H1.01.03.03], [H1.01.03.02], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H1.01.01.13], [H1.01.03.05], [H1.01.01.02]. Trên cơ sở đó Khoa KT&QL đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành Kế toán [H2.02.01.02] với đầy đủ thông tin của Bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT đã cập nhật các thông tin mới nhất và đảm bảo các yêu cầu

bao gồm: Tên Trường đào tạo, tên gọi văn bằng cử nhân, CTĐT ngành kế toán, thời gian đào tạo 4 năm, tiêu chí tuyển sinh, các thông tin về mục tiêu đào tạo, CDR, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, ma trận kỹ năng hiển thị kết quả chương trình với CDR và mô tả sơ lược nội dung các học phần **[H2.02.01.02]**.

Bản mô tả CTĐT đã đề cập đến những tin về chiến lược giảng dạy, học tập của chương trình là *“Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời”*. Quá trình giảng dạy được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, kết nối doanh nghiệp nhằm tăng cường tính thực tiễn cho sinh viên. Phương pháp đào tạo này giúp sinh viên có được cái nhìn gần gũi với thị trường lao động. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng thể về khoá học để thực hiện kế hoạch học tập phù hợp **[H2.02.01.02]**.

Bản mô tả chương trình còn đề cập đến ma trận CDR của các học phần, trong đó chỉ rõ mỗi học phần sẽ giúp sinh viên hình thành những CDR kiến thức, kỹ năng hay mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm nào. Điều này được chỉ rõ trong Ma trận tích lũy kiến thức theo CDR đã công bố. Bản mô tả chương trình cũng đề cập tới Kế hoạch giảng dạy của toàn khóa, trong đó chỉ ra mỗi học kỳ trong 4 năm học, sinh viên được dự kiến học tập những học phần chi tiết. Tất cả những thông tin trên sẽ giúp người học hình dung khái quát về lộ trình học tập trong 4 năm nhằm xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành CTĐT **[H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H1.01.01.02]**.

Trong quá trình giảng dạy, CTĐT luôn có sự điều chỉnh (bổ sung học phần mới, đổi mới đề cương học phần, bổ sung các học phần, đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,...) để giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CDR đã công bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng. Một số nội dung về phương pháp giảng dạy trong các môn thực hành và hình thức đánh giá môn học được đa dạng hoá. Bản mô tả CTĐT ngành Kế toán được rà soát và cập nhật định kỳ bao gồm cả phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra và tài liệu học tập (cập nhật gần đây trong năm 2017 và năm học 2019 - 2020) **[H2.02.01.02]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành Kế toán đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt CTĐT. Việc cập nhật định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện định kỳ 2 năm và kế hoạch yêu cầu cập nhật của nhà trường cho nên đôi khi bản mô tả CTĐT chưa cập nhật kịp thời các thông tin mới theo thực tiễn đào tạo và giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL chủ động cập nhật các thông tin mới đến CTĐT thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

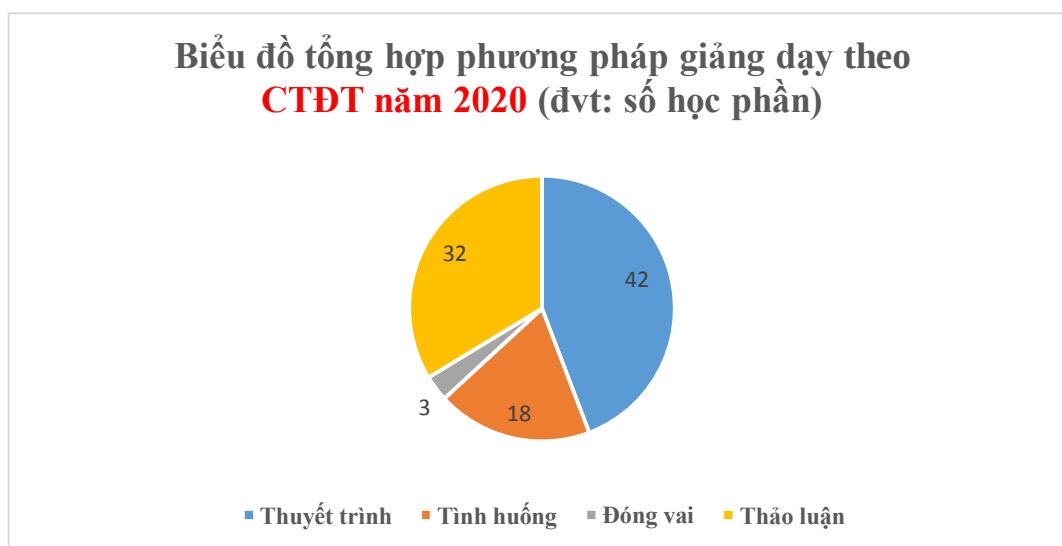
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng có 62 học phần (gồm cả học phần bắt buộc và học phần tự chọn, cho cả 2 chuyên ngành, không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) tương ứng với 62 đề cương chi tiết với 131 tín chỉ [H2.02.02.02]. Toàn bộ đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về nội dung học phần, mục tiêu và CDR môn học, phương pháp và hình thức dạy học, môn học tiên quyết, học liệu chính và tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, tên giảng viên và khoa phụ trách. Đề cương có tên giảng viên soạn đề cương và được thông qua Khoa KT&QL cùng các lần cập nhật. Đề cương đã bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học với CDR ngành kế toán, phương pháp giảng dạy sinh viên thông qua các nội dung yêu cầu sinh viên chuẩn bị, nội dung thảo luận và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy thông qua bài tập lớn, bài tập nhóm tăng cường cho thời gian tự học [H2.02.02.02]. Các nội dung cơ bản về học phần và phương pháp đánh giá học phần, tài liệu cập nhật trong các đề cương chi tiết và bản mô tả CTĐT cập nhật năm học 2019-2020 theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHDL, ngày 5/6/2020 [H2.02.01.02].

Bộ đề cương chi tiết các học phần được xây dựng đồng bộ khi xây dựng CTĐT

(từ năm 2008, thay đổi sang học chế tín chỉ 2013). Năm 2017, đề cương học phần cập nhật theo mẫu mới (Thông tư 22/2017) cùng với hướng dẫn của Phòng Đào tạo nhà trường [H2.02.02.01], [H2.02.02.03], [H1.01.03.01]. Trong quá trình đào tạo, theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn hàng năm, Khoa KT&QL giao cho Bộ môn, giáo viên phụ trách môn học tiến hành trao đổi về đề cương chi tiết môn học về nội dung, học liệu giảng dạy (đặc biệt cập nhật những nội dung mới hay việc thay đổi theo xu hướng nền kinh tế số như hiện nay), phương pháp kiểm tra định kỳ, phương pháp kiểm tra kết thúc học phần [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H1.01.03.05].



Hình 2: Biểu đồ tổng hợp phương pháp giảng dạy theo CTĐT năm 2020

Năm học 2019 - 2020, theo quyết định cập nhật, đánh giá CTĐT của Phòng Đào tạo [H1.01.03.02], [H1.01.03.03] 100% đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh cơ bản. Bộ đề cương chi tiết học phần qua các lần điều chỉnh vẫn đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực thích ứng thực tế và phẩm chất nghề nghiệp ngành kế toán. Đồng thời, đề cương nêu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá với các bài kiểm tra cụ thể (bài tập dài, bài kiểm tra,...) kèm theo việc xây dựng trọng số bài kiểm tra thành phần và bài thi kết thúc môn nhằm hỗ trợ người học nắm vững các yêu cầu của học phần và chủ động lập kế hoạch học tập [H2.02.02.02]. Riêng đối với các học phần chuyên ngành của ngành đào tạo, Khoa KT&QL đã xây dựng hệ thống các bài tập tình huống để tăng tính thực tế cho người học, bao gồm các học phần Kế toán tài chính 1, 2, Kế toán quản trị nhằm tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo, các môn học như Hệ thống thông tin kế toán, Thực hành kê khai và quyết toán thuế, Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp được đưa vào giảng dạy. Môn Thực hành môn học với 4 tuần trong học kỳ 1 năm thứ 4 với doanh nghiệp ngoài trường đã được Khoa

KT&QL triển khai từ năm học 2015-2016 đã đem lại những kết quả có tính ứng dụng cho sinh viên ngành Kế toán. Đối với học phần Khoa luận tốt nghiệp, đề cương chi tiết cũng được xây dựng và được thể hiện chi tiết trong Bộ đề cương chi tiết học phần **[H1.01.01.10]**, **[H2.02.02.02]** Trong quá trình giảng dạy, đề cương chi tiết học phần liên tục được rà soát, cập nhật và điều chỉnh thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, sự nhất trí của các giảng viên trong bộ môn về việc thay đổi đề cương chi tiết học phần được thể hiện qua các biên bản họp bộ môn **[H2.02.02.04]**. Trên cơ sở đó, Bộ môn phụ trách học phần sẽ lập tờ trình về việc thay đổi đề cương chi tiết học phần đề nghị Khoa phê duyệt. Hội đồng Khoa sẽ nghiên cứu, nhập xét và phê duyệt việc thay đổi này, sau đó Khoa lập tờ trình gửi Nhà trường thông qua phòng Đào tạo. Việc rà soát và cập nhật đề cương chi tiết nhằm mục đích thích ứng với các biến động của môi trường kinh doanh và quy định tài chính hiện hành, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của CDR và thực tiễn nghề nghiệp **[H1.01.01.13]**. Nhằm tăng cường các tình huống xử lý đạo đức nghề nghiệp, định hướng và tạo tình yêu với ngành nghề kế toán, môn học Đạo đức nghề nghiệp kế toán – kiểm toán được đưa vào giảng dạy và phù hợp với yêu cầu chung về chuẩn mực nghề nghiệp chuyên môn trong lần hiệu chỉnh năm 2017.

Việc tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát, các môn học mới của chuyên ngành được triển khai và lĩnh hội một số module từ một số khoá học của các hiệp hội nghề nghiệp (như Hiệp hội kế toán công chứng Hoa Kỳ - IMA, Hiệp hội kế toán công chứng Anh quốc ACCA), Khoa KT&QL đã bổ sung biên soạn đề cương các học phần mới bao gồm: Kế toán quản trị chuyên sâu, Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro,..., **[H2.02.02.02]**. Để đảm bảo các nội dung giảng dạy hỗ trợ sinh viên làm việc trong môi trường quốc tế, ngoài môn Tiếng Anh chuyên ngành, môn học Kế toán quốc tế được cập nhật theo những thay đổi về chuẩn mực kế toán quốc tế, những xu hướng thay đổi và lộ trình áp dụng chuẩn mực của Bộ Tài chính **[H2.02.02.07]** thì định kỳ có thực hiện đánh giá công tác giảng dạy và nội dung học phần giảng dạy trên cơ sở lấy ý kiến từ sinh viên **[H2.02.02.08]**.

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

3. Điểm tồn tại

Nội dung đề cương học phần chưa được rà soát toàn diện mà chỉ thực hiện tại một số học phần mà bộ môn phụ trách (do một số giảng viên đề xuất).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL chủ động cập nhật thường xuyên về nội dung đề cương học phần, có kế hoạch rà soát đề cương chi tiết trước mỗi học kỳ giảng dạy

5. **Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết của ngành kế toán đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau, thuận tiện cho các bên tra cứu và tìm hiểu về chương trình. Cụ thể:

(i) Trên trang website của Khoa KT&QL, sinh viên đang theo học, sinh viên tương lai, các đối tác của Khoa, nhà tuyển dụng lao động là những đối tượng chính tìm kiếm thông tin từ chương trình thông qua kênh này **[H1.01.01.16]**.

(ii) Giảng viên và cán bộ quản lý chương trình đều có thể tiếp cận khung CTĐT, Bản mô tả, đề cương các học phần... tại Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa KT&QL **[H2.02.01.02], [H2.02.02.02]**.

(iii) Một số thông tin cơ bản từ chương trình, trong đó có Bản mô tả được trích dẫn đưa vào trang thông tin tuyển sinh, thông tin về CDR và vị trí việc làm được đưa vào flyers thông tin tuyển sinh của Trường ĐHDL để dễ dàng giới thiệu về chương trình tới đối tác và sinh viên tiềm năng của chương trình. Đồng thời, tại các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm, các thông tin chính của bản mô tả và tờ rơi quảng cáo giới thiệu về chương trình đào tạo và cung cấp cho sinh viên tiềm năng và phụ huynh **[H2.02.03.01], [H2.02.03.02]**.

(iv) Tại các tuần định hướng tân sinh viên ngoài việc được cung cấp Sổ tay sinh viên, giới thiệu website của Khoa chứa thông tin về Bản mô tả, còn được trực tiếp nghe giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Bản mô tả CTĐT trong quá trình học tập **[H2.02.03.03]**.

(v) Sinh viên được cấp tài khoản riêng trên phần mềm quản lý sinh viên để có thể chủ động tiếp cận với các nguồn học liệu, trong đó có đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, bảng trọng số nội dung và cấu trúc đề thi để có định hướng học tập và hiểu rõ hình thức kiểm tra đánh giá kiến thức và năng lực học tập **[H2.02.03.04]**.

(vi) Sinh viên được công bố về đề cương chi tiết thông qua giảng viên giảng dạy đứng lớp trong đó chi tiết về nội dung, mục tiêu, học liệu sử dụng, phương pháp học tập, phương pháp đánh giá kiểm tra cũng như tiến trình học tập môn học **[H2.02.02.02]**.

(vii) Sinh viên tiếp cận toàn bộ đề cương chi tiết tại Trung tâm học liệu nhà trường **[H1.01.03.10]**.

Việc công khai các thông tin về Bản mô tả CTĐT trên các kênh thông tin giúp cho các đối tượng liên quan nắm bắt được một cách dễ dàng về CTĐT, nội dung các học phần, mục tiêu đào tạo cũng như các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, các yêu cầu chuẩn đầu ra học phần đóng góp vào CDR chung của ngành Kế toán. Qua các kênh thông tin trên, các bên liên quan dễ dàng tìm kiếm thông tin về CTĐT, đặc biệt các bạn sinh viên đang theo học nắm bắt và chủ động xây dựng kế hoạch học tập theo yêu cầu của chương trình học và tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía các giảng viên, cán bộ chuyên trách đào tạo của Nhà trường. Thông qua hội nghị đối tác của Khoa, quá trình ký kết hợp đồng đào tạo thực hành cho sinh viên năm cuối cũng là kênh thông tin để Khoa giới thiệu về CTĐT đến các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp để thuận tiện cho việc đóng góp các ý kiến về chương trình đào tạo.

Năm 2019, Khoa đã gửi các bên liên quan về dự thảo bản mô tả chương trình đào tạo tới các doanh nghiệp – người sử dụng lao động, các chuyên gia và cựu sinh viên, sau đó khoa lập Biên bản họp lưu trữ tài liệu về hoạt động rà soát để thu thập và phản hồi từ các bên liên quan **[H1.01.03.04]**, **[H1.01.01.13]**. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với cách tiếp cận, nắm bắt về bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của Khoa về cơ bản được thể hiện rõ ràng, logic, hợp lý và cung cấp được đầy đủ các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của

các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Trường chưa đánh giá cách tiếp cận bản mô tả CTĐT về tần suất, hình thức tiếp cận với các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL và Phòng KT&ĐBCL bổ sung câu hỏi về cách tiếp cận về bản mô tả CTĐT trong phiếu khảo sát các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT nhà trường và khoa chuyên môn đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới.

CTĐT của ngành Kế toán gồm 2 chuyên ngành tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đã có mục tiêu rõ ràng của từng chuyên ngành, có kết cấu gồm các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên môn ngành và chuyên ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các SV của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

CTĐT đại học hệ chính quy được làm cơ sở cho việc xây dựng CTĐT đại học thuộc các hệ liên thông, văn bằng 2, tạo ra sự liên thông giữa các chương trình, giúp SV có điều kiện trong việc chuyển đổi CTĐT. Ngoài ra chương trình này còn là căn cứ để xây dựng CTĐT bậc cao học các ngành liên quan.

CTĐT ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Có thể khẳng định, bản mô tả CTĐT của nhà trường xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định, có sự tham khảo CTĐT và sự tham gia của các bên liên quan, xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu của thực tiễn Việt Nam.

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

CTDH là cốt lõi của một CTĐT, bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR đối với mỗi ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

CTDH của ngành kế toán được thiết kế với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá hỗ trợ SV đạt được các CDR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành đến kiến thức chuyên ngành. Học phần trước làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CDR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2009-2010, Nhà trường giao cho khoa KT&QL xây dựng CTDH ngành Kế toán. Trên cơ sở đó, khoa KT&QL xây dựng CDR cho chương trình và được Nhà trường chính thức hóa bằng Quyết định QĐ 795/QĐ-ĐHDL ngày 25/11/2010 về việc ban hành qui chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Kế toán theo yêu cầu Bộ GDĐT [H1.01.02.01] cập nhật năm học 2019 - 2020 [H1.01.02.08] [H3.03.01.02]. Trong giai đoạn 2010 đến trước năm 2017, CTDH và CDR là hai nội dung song song và CTDH được xây dựng dựa trên mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ [H1.01.02.01]

Năm 2017, Nhà trường đã ra quyết định hiệu chỉnh CTĐT theo kế hoạch 1586/KH DHDL [H1.01.03.01]. Việc tiến hành rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT Kế toán đã cho thấy trách nhiệm của Trường trong việc đảm bảo CTĐT đáp ứng được CDR của CTĐT mà Trường đã công bố. Các CDR được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan [H3.03.01.04] và CTĐT hiệu chỉnh được xây dựng dựa trên quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp do Bộ Giáo Dục ban hành [H1.01.01.08] [H1.01.01.10] [H1.01.01.11].

Chương trình được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, bản CTDH đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nhà trường bao gồm các nội dung với 129 tín chỉ trong CTDH **[H1.01.01.10]** với:

- Mục tiêu đào tạo.
- CDR của ngành và CDR của mỗi học phần.
- Nội dung đào tạo.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Năm học 2019 -2020, Nhà trường tiến hành cập nhật, đánh giá CTĐT trong Kế hoạch 432/KH-ĐHDL-ĐT về việc cập nhật, đánh giá CTĐT đại học **[H1.01.03.02]** giao cho khoa KT&QL thực hiện việc cập nhật, đánh giá CTĐT ngành Kế toán bằng Quyết định 401/QĐ-ĐHDL **[H1.01.03.03]**. Trên cơ sở thực hiện khảo sát, tham gia ý kiến của các chuyên gia, người sử dụng lao động, CTDH của ngành Kế toán được thay đổi với tổng số tín chỉ là 131**[H3.03.01.02] [H3.03.01.05], [H3.03.01.03]**. Việc xây dựng các môn học trong CTDH theo các khối kiến thức đáp ứng tính logic, khoa học trong xây dựng CTDH và đáp ứng CDR (8 CDR kiến thức, 9 CDR về kỹ năng và 4 CDR về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm). Các khối kiến thức được xác định đáp ứng 3 nhóm CDR và được tổng hợp như sau:

Bảng 2: Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra với thiết kế của các khối kiến thức ngành Kế toán

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	- An ninh quốc phòng, giáo dục thể chất: đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh quốc phòng, hiểu biết chính sách chính trị.	14 học phần và tổng cộng số tín chỉ cho khối kiến thức này là 32 tín chỉ: - Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng - Triết học Mác Lênin - Kinh tế Chính trị Mác Lênin - Chủ nghĩa Xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam - Pháp luật đại cương
		- Khoa học cơ bản: có kiến thức về toán, khoa học	- Tiếng Anh 1, 2 - Toán cao cấp 1, 2

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
		tự nhiên và có khả năng ứng dụng vào nghiên cứu. - Có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 và tin học theo quy định.	- Xác suất thống kê - Nhập môn tin học - Quản trị học
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	- Khoa học kinh tế, cơ sở tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán - Cơ sở nghiên cứu định lượng và pháp luật - Là cơ sở học tập các môn học tiếp theo.	Với tổng số 18 tín chỉ: - Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô - Nguyên lý kế toán, Tài chính- tiền tệ - Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế, Nguyên lý thống kê kinh tế - Luật kinh tế
3	Kiến thức ngành bắt buộc	- Kiến thức ngành Kế toán là cơ sở cho các môn học chuyên ngành	Với tổng số 45 tín chỉ: - Kế toán tài chính 1,2 - Kế toán chi phí, Kế toán quản trị, - Tiếng Anh chuyên ngành kế toán, Kế toán quốc tế - Quản lý tài chính, Thuế và hệ thống thuế Việt Nam, Tài chính doanh nghiệp - Lý thuyết kiểm toán - Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế, Hệ thống thông tin kế toán, Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp - Phân tích hoạt động kinh doanh - Kinh tế lượng, Phương pháp nghiên cứu khoa học - Quản lý nhân lực
	Kiến thức ngành tự chọn	- Bổ sung thêm cho ngành tự chọn (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ trong công việc) - Tăng cường những giá trị đạo đức nghề nghiệp - Tăng cường kỹ năng thực hành	Với tổng số 10 tín chỉ: - Thương mại điện tử; Phân tích BCTC - Thực hành kê khai và quyết toán thuế - Tài chính quốc tế, Thị trường tài chính - Marketing căn bản, Phân tích

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
			thẩm định sự án - Kiểm soát quản lý, Kiểm toán nội bộ - Tiếng Anh chuyên ngành tài chính nâng cao
4	Kiến thức chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	- Kiến thức chuyên sâu kế toán trong các đơn vị đặc thù và đơn vị công, ngân hàng; kiểm soát và kiểm toán tài chính. - Kỹ năng thực hành kế toán qua phần mềm kế toán, thuế, Excel. - Rèn luyện trách nhiệm nghề nghiệp	Với 12 tín chỉ: - Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt - Kế toán công, Kế toán ngân hàng - Kiểm toán tài chính - Thực hành kế toán doanh nghiệp
	Kiến thức chuyên ngành Kế toán và kiểm soát	- Kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro gắn với chiến lược trong tổ chức. - Kỹ năng thực hành kế toán quản trị ra quyết định qua phần mềm, Excel. - Rèn luyện trách nhiệm nghề nghiệp	- Kế toán quản trị chuyên sâu - Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro, Quản lý chiến lược; - Thực hành kế toán và kiểm soát
5	Tốt nghiệp	- Tổng hợp kiến thức chuyên sâu - Khả năng viết, dẫn dắt vấn đề - Trách nhiệm độc lập trong công việc	Với số tín chỉ là 14: - Thực tập tốt nghiệp - Khoa luận tốt nghiệp

Trong quá trình xây dựng CTDH, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Cụ thể đối với phương pháp giảng dạy **[H3.03.01.06], [H2.02.01.02]:**

(i) Đối với các môn học thuộc khối kiến thức đại cương và khối cơ sở ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm và giải quyết vấn đề.

(ii) Đối với môn học kiến thức ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, trao đổi các vấn đề thực tế, đóng vai.

(iii) Đối với môn học kiến thức chuyên ngành và tốt nghiệp: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, thực tế doanh nghiệp.

Các giảng viên giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần, bài giảng, bài tập thống nhất của bộ môn. Các nội dung, kiểm tra, đánh giá được ghi chép đầy đủ và tiến trình giảng dạy, đảm bảo sự phù hợp và góp phần đạt được CDR môn học và CDR của CTĐT [H3.03.01.07].

Đối với phương pháp học tập: Sinh viên chủ động đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên yêu cầu; chủ động nghe giảng và tham gia vào bài giảng với giảng viên và các bạn trong lớp. Đối với môn học thực hành, sinh viên chủ động chuẩn bị máy tính theo hướng dẫn của giảng viên. Đối với môn học đi thực tập tại doanh nghiệp, sinh viên chuẩn bị tinh thần, phong cách làm việc, tìm hiểu thực tế về công việc của mình trong tương lai. Sự kết hợp phương pháp học tập thực tế này được sinh viên đón nhận tốt và được doanh nghiệp đánh giá cao [H3.03.01.09].

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành kế toán được thiết kế phù hợp với CDR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ

ràng.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của ngành, tiến độ giảng dạy hàng năm được chi tiết cụ thể trong thời khóa biểu theo kỳ học luôn được công khai trên trang web của Nhà trường giúp người học xác định rõ nội dung học tập trong từng kỳ, từng năm và trong cả khóa học [H3.03.02.01] [H3.03.02.02]. Tất cả các học phần trong CTDH khi được xây dựng đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR của ngành Kế Toán được thể hiện cụ thể trong các ĐCCT được hiệu chỉnh qua các năm 2017, 2019. Trên cơ sở 21 CDR (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm) của CTĐT cùng với danh mục các học phần trong CTĐT, Khoa tổ chức họp và thống nhất nguyên tắc xây dựng nội dung tóm tắt các học phần đó là các học phần phải được thiết kế dựa trên CDR đã được xác định và thể hiện ở nội dung chương trình các học phần theo các khối kiến thức. Từng học phần sẽ đáp ứng được những chuẩn đầu ra nào và chuẩn đầu ra nào sẽ được nghiên cứu, trao đổi giữa các nhóm GV, Bộ môn và Khoa dựa trên từng nội dung học phần. Mỗi học phần sẽ đáp ứng những CDR nào, ở cấp độ (mức độ nào) được thống kê lại một cách chi tiết. CDR của mỗi học phần góp phần đạt được CDR của ngành thông qua ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT [H1.01.01.10] Trong bảng ma trận này đã thể hiện được mối quan hệ giữa CDR với mục tiêu của các học phần trong CTĐT ngành Kế toán. Tỷ trọng đóng góp của mỗi học phần với các CDR của CTĐT cũng thể hiện tầm quan trọng của môn học và đảm bảo toàn diện các CDR. Với các môn học cơ bản, sự đóng góp vào CDR ở mức độ trung bình, đảm bảo kiến thức khoa học xã hội căn bản, kỹ năng cơ bản và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm thấp trong nghề nghiệp. Đối với các môn học ngành và chuyên ngành, mức độ đảm bảo CDR được nâng cao và đảm bảo toàn diện (như học phần Kế toán tài chính 1,2 đảm bảo mức độ cao CDR về kiến thức kế toán trong tổ chức doanh nghiệp, kỹ năng phân tích, nhận thức vấn đề kế toán hay ý thức trách nhiệm nghề nghiệp được đánh giá cao). Với các môn thực hành, kỹ năng thực hành và trách nhiệm nghề nghiệp, mức tự chủ, độc lập trong công việc cũng như vấn đề đạo đức nghề nghiệp được nhấn mạnh khi sinh viên thực hiện theo nhóm, đến thực tế tại doanh nghiệp [H1.01.02.08], [H3.03.02.04] [H3.03.02.05]. Nhìn vào ma trận CDR với học phần trong Bản mô tả CTĐT người học nắm rõ việc hoàn thành từng học phần sẽ đóng góp vào việc đạt được 21 CDR của

CTĐT như thế nào thông qua việc xếp hạng 5 cấp cấp đánh giá (1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá). Mỗi học phần khi hoàn thành sẽ tương ứng với việc đạt được một hoặc một số CDR ở mỗi cấp bậc khác nhau. Do đó, việc đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rất rõ ràng.

Bên cạnh đó, nhằm tăng kỹ năng thực hành đảm bảo CDR của sinh viên Khoa KT&QL đã và đang liên kết với các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp đưa sinh viên đi tìm hiểu thực tế thông qua các Jobtour, kiến tập ở năm thứ 2, 3. Đặc biệt ở năm thứ 4 trước khi đi thực tập tốt nghiệp sinh viên với học phần “*Thực hành môn học*” sinh viên được làm trên tài liệu thực tế dưới sự hướng dẫn của doanh nghiệp và giảng viên trong trường [H3.03.02.04] [H3.03.02.05].

Tương ứng với các các học phần trong CTDH, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR [H3.03.02.06], [H2.02.01.02]. Qua các lần điều chỉnh năm 2017, 2019, đề cương chi tiết các học phần đã được rà soát, điều chỉnh bổ sung thêm CDR và phương pháp kiểm tra đánh giá người học. Phương thức đánh giá kết quả người học theo tín chỉ là phương pháp đánh giá liên tục và đa dạng quá trình đào tạo. Bên cạnh điểm thi kết thúc học phần (trọng số 0,7) thì KQHT của người học còn được đánh giá qua điểm quá trình (trọng số 0,3) được xác định từ điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm bài tập lớn và điểm thi kết thi học phần (trọng số 0,7) được thể hiện trong Sổ tay sinh viên [H2.02.03.01]. Căn cứ vào kết quả khảo sát người học về CTDH, công tác kiểm tra đánh giá người học được đánh giá là tốt cho các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành [H3.03.01.09].

Từ năm học 2018-2019, các môn học cơ sở ngành được chuyển đổi theo hệ thống bộ đề thi trắc nghiệm, đem lại sự bao quát toàn diện trong quá trình kiểm tra, đánh giá (như Nguyên lý kế toán, Thuế và hệ thống thuế Việt Nam) [H3.03.02.07], [H3.03.02.08]. Một số môn học thực hành được tiến hành kiểm tra, đánh giá trực tiếp trên hệ thống máy tính nhằm khẳng định tính thực hành cao của sinh viên (Thực hành kê khai và quyết toán thuế, Hệ thống thông tin kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Tin học ứng dụng trong quản lý). Việc thi vấn đáp đối với môn Thực hành môn học giúp đánh giá khả năng làm việc theo nhóm, tính tự chịu trách nhiệm đối với các phần hành

được giao cũng như tính chuyên nghiệp khi đến thực tế tại doanh nghiệp [H3.03.01.05].

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể, khi xây dựng đề cương chi tiết các học phần, giảng viên luôn chú trọng đáp ứng các yêu cầu trong CDR. Theo ý kiến của các nhà tuyển dụng kỹ năng thực hành tăng cường (Thực hành kê khai và quyết toán thuế, phân tích báo cáo tài chính). Đề cương còn được phản biện và điều chỉnh từ ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán đáp ứng với xu thế phát triển của ngành trong nước và trên thế giới. Các cựu sinh viên đóng góp thêm các môn học mang tính phổ thông, giúp sinh viên tiếp cận thị trường và chuyển đổi công việc nếu cần như Thương mại điện tử được thể hiện trong biên bản góp ý CTĐT [H3.03.01.05], [H3.03.02.09] [H3.03.02.10].

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CDR của CTĐT. ĐCCT học phần Thực hành môn học cũng được thiết kế các phương pháp giảng dạy và đánh giá chi tiết tại doanh nghiệp và tại Trường trên cơ sở những góp ý của các bên có liên quan.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa đánh giá kết quả SV thi học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL thực hiện đánh giá kết quả SV thi học phần.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Kế toán có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Chương trình cũng đảm bảo sự cân

đối giữa lý thuyết và thực hành. Sự cân đối thể hiện ở tỷ lệ phân bố giữa các môn mang tính lý thuyết với số môn thực hành và tỷ lệ phân bố giữa tổng số giờ lý thuyết với số giờ thực hành trong tổng số giờ học của một môn học. Chương trình cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, chương trình đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lý thuyết, tăng cường thực hành giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học.

Trật tự các học phần trong CTDH được sắp xếp một cách hợp lý (từ các học phần cơ bản đến nâng cao) đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo đúng trình tự logic (giữa các học phần tiên quyết cần có và học phần nâng cao) đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu [H1.01.01.11]. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần. Quá trình thiết kế CTDH, cập nhật, bổ sung, tích hợp những nội dung thực tế dựa trên việc lấy ý kiến các biên liên quan [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], từ đó thiết kế ma trận kỹ năng [H1.01.01.15], thông tin về kế hoạch học tập mỗi kỳ [H3.03.02.02] đều được thực hiện theo một trật tự logic đảm bảo việc đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp trên cơ sở những hướng dẫn xây dựng CTDH của Phòng Đào tạo CTDH cũng như kế hoạch học tập được công bố trên các phương tiện thông tin giúp người học dễ dàng tiếp cận [H1.01.01.16].

Chương trình đã đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các môn khối kiến thức chung và các môn khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.11]. Khối lượng kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành và khối lượng kiến thức chuyên ngành đạt 76%, khối kiến thức đại cương đạt 24% để phù hợp với xu hướng đào tạo theo ngành. Cấu trúc này đảm bảo kiến thức rộng qua kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn ngành; kiến thức sâu qua kiến thức chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Cấu trúc này đảm bảo kiến thức rộng qua kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn ngành; kiến thức sâu qua kiến thức chuyên ngành.

Bảng 3: Cấu trúc khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành Kế toán

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	32	0	32	24

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
2	Cơ sở ngành	18	0	18	14
3	Ngành	45	10	55	42
4	Chuyên ngành	26	0	26	20
	Tổng	121	10	131	100

Khối kiến thức giáo dục đại cương (32 tín chỉ), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 99 tín chỉ gồm khối kiến thức cơ sở ngành 18 tín chỉ, khối kiến thức ngành 55 tín chỉ và khối kiến thức chuyên ngành 26 tín chỉ **[H1.01.01.11]**. Khối lượng kiến thức tích lũy của người học ngành Kế toán là 131 tín chỉ - phù hợp với quy định khối lượng kiến thức tối thiểu do Bộ GD&ĐT đưa ra là 120 tín chỉ (đào tạo 4 năm) đồng thời đáp ứng yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp ngành Kế toán.

Các học phần của toàn bộ CTDH của ngành Kế toán được sắp xếp trong quá trình đào tạo một cách hợp lý, logic: các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2, 3; các học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy ở các học kỳ 2,3,4, 5; các học phần khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 6, 7; thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 8 với số tín chỉ tương ứng; số tiết giảng lý thuyết thảo luận, bài tập lớn, thực hành, tự học quy định cụ thể cho từng học phần, mối quan hệ của các học phần với nhau (thể hiện ở quy định học phần tiên quyết) **[H1.01.01.11]**. Bên cạnh đó nhằm tăng cường tính thực tế trong đào tạo, ở các học kỳ 6, 7, 8 sinh viên được tiếp cận các tài liệu thực tế thông qua sự hợp tác giữa Trường ĐHDL với các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp được thể hiện trong các biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác của Khoa **[H3.03.03.08]** đưa sinh viên đi thực tế. Tất cả các học phần trong CTDH ngành Kế toán đều được xây dựng và bố trí hợp lý, trong đề cương chi tiết mỗi học phần đều quy định và xác định rõ điều kiện môn học tiên quyết, thời lượng cho học phần và thời điểm thực hiện học phần để làm cơ sở thực hiện tiến độ đào tạo sinh viên.

Khi thiết kế, xây dựng CTDH đã có sự tham gia nhận xét của các chuyên gia trong nước và tiếp nhận ý kiến đóng góp của người học cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về CTDH với đánh giá là đáp ứng yêu cầu **[H3.03.01.04]**. **[H3.03.01.05]**.

Công việc rà soát cập nhật CTĐT này được Nhà trường xây dựng kế hoạch chi tiết của Phòng Đào tạo cụ thể **[H1.01.02.04]** **[H1.01.03.03]** **[H3.03.03.02]** với mục tiêu chuẩn hóa công việc lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo, kịp

thời cập nhật những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Nhà trường. Nội dung rà soát cập nhật CTĐT bao gồm:

- Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của Chương trình đào tạo đang thực hiện,
- Đề xuất các giải pháp đổi mới cấu trúc CTĐT, điều chỉnh bổ sung nội dung cải tiến phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá dựa trên sự tham khảo đầy đủ các CTĐT tiên tiến, phân tích các ý kiến đóng góp để xây dựng điều chỉnh nội dung CTĐT phù hợp có tính thực tiễn
- Hoàn thiện bản mô tả CTĐT, cập nhật chỉnh sửa đề cương chi tiết học phần.
- Hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở cập nhật, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trình Hội đồng khoa học và đào tạo trường để đưa chương trình vào sử dụng.

Dựa trên mục tiêu và nội dung của việc rà soát CTĐT, Nhà trường xây quy trình đánh giá CTĐT bao gồm các bước:

Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật đánh giá CTĐT

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT

Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của Chương trình đào tạo đang thực hiện

Bước 4: Dự thảo những nội dung cần cập nhật điều chỉnh, lấy ý kiến hội đồng khoa học đào tạo Khoa

Bước 5: Thông qua hội đồng Khoa học đào tạo Trường

Bước 6: Ký ban hành CTĐT

CTDH mới sau khi điều chỉnh được đánh giá, so sánh với CTDH cũ đã điều chỉnh về mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy và đề cương chi tiết các học phần, đảm bảo việc học tập liên tục của SV [H3.03.02.10],[H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

Bảng 4: Bảng so sánh cấu tạo chương trình đào tạo 2017-2019

Khối kiến thức	Năm 2017		Năm 2019	
	Tín chỉ (TC)	Tỷ lệ %	Tín chỉ (TC)	Tỷ lệ

			Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn	%
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin		10		8	11		8
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên		9		7	9		7
	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn		5		4	5		4
	Ngoại ngữ		7		5	7		5
	Giáo dục thể chất		Chứng chỉ			Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Chứng chỉ			Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành		18		14	18		14
	Ngành bắt buộc		44		34	45		34
	Ngành tự chọn			10	8		10	8
	Chuyên ngành bắt buộc	Kế toán doanh nghiệp	12		9	12		9
		Kế toán và kiểm soát	12		9	12		9
	Thực tập tốt nghiệp		4		3	4		3
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		10		8	10		8
			119	10	100%	121	10	100%
			129			131		

Từ năm học 2015-2016, trong các buổi Seminar, nội dung, phương pháp kiểm tra hay học liệu sử dụng được các giảng viên chia sẻ và cập nhật. Các nội dung thay đổi này được ghi thành Biên bản và có đề cương điều chỉnh đính kèm **[H1.01.03.06]**.

Khi thực hiện điều chỉnh, CTDH được tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước (Đại học Kinh tế quốc dân, Học Viện Tài chính, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh), trên thế giới (Đại học Oxford Brookers –UK, Đại học Davenport, Đại học Franklin), chương trình đào tạo của Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK), Hiệp hội Kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA -Mỹ) đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.07]**, **[H3.03.03.08]**.

Với ngành kế toán, sự tiếp cận với các hội nghề nghiệp và chuyên nghiệp được đề cao. Việc tham khảo chương trình đào tạo của Hiệp hội kế toán công chứng Anh

quốc (ACCA), các chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS, chương trình đào tạo tích hợp tại các trường đại học kinh tế hàng đầu trong nước được tham khảo. Số lượng tín chỉ của CTDH kế toán của ĐHDL mức độ vừa phải, tăng cường chuyên sâu chuẩn mực quốc tế, thực hành nghề nghiệp đem lại sự tự tin cho sinh viên ngành kế toán **[H3.03.03.08]**.

Bảng 5: Bảng so sánh khung chương trình đào tạo Ngành Kế toán của ĐHDL với một số Trường Đại học ở Việt Nam 2019

Khối kiến thức	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng		Đại học Điện Lực	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	36%	38	30%	32	24%
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	64%	87	70%	99	76%
1. Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, trong đó các môn liên quan đến:						
Kế toán	69	56%	77	62%	85	65%
Kiểm toán	22	18%	30	24%	26	
Kiểm toán	6	5%	9	7%	6	
2. Khối kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp	10	8%	10	8%	14	11%
Tổng tín chỉ	123	100%	125	100%	131	100%

Trong quá trình đào tạo, một số môn học được xác định thay đổi để đảm bảo tính cập nhật như Kế toán quốc tế (tăng số tín chỉ từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ) trong lần cập nhật trong năm học 2019 - 2020 **[H3.03.03.04]**.

Về cơ bản cấu trúc CTĐT không có nhiều sự thay đổi. Những thay đổi nhỏ về cấu trúc nằm ở việc điều chỉnh một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương. Những thay đổi chính đó là nằm ở chính các nội dung học phần trong ĐCCT bao gồm:

- Điều chỉnh một số nội dung cụ thể trong một số chương của các học phần
- Điều chỉnh, bổ sung thêm các câu hỏi để SV chuẩn bị trước cho mỗi chương
- Bổ sung số trang cụ thể về nội dung các chương ở tài liệu tham khảo chính
- Chi tiết hơn phương pháp kiểm tra, đánh giá thi kết thúc học phần.
- Cụ thể hóa phương pháp học, nghiên cứu
- Cập nhật các tài liệu mới hơn, tái bản gần nhất hoặc thay thế các tài liệu tham

khảo phù hợp hơn.

2. Điểm mạnh

CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp kế toán.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới trong các lần cập nhật CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nâng cao chất lượng CTĐT góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong CTĐT thì CTDH đóng vai trò cốt lõi. CTDH của ngành kế toán được thiết kế khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của ngành Kế toán đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. CTDH kế toán được tiếp cận với các CTDH kế toán các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, cập nhật xu hướng mới, đề cao tính thực hành trong đào tạo.

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng. Với chiến lược học tập của Khoa KT&QL tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV.

Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra.

Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Điện lực công bố mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong Chiến lược phát triển của Nhà trường trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 (Quyết định 2261, ngày 13/12/2018): “*Đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện, có sức khỏe, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước; có ý thức học tập suốt đời và khả năng thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội*”. Với mục tiêu giáo dục đào tạo trên, các ngành đào tạo được Nhà trường thực hiện triển khai phù hợp **[H4.04.01.05]**.

Trước tháng 12/2018, Nhà trường chưa có công bố chính thức về mục tiêu giáo dục nhưng được phản ánh trong Báo cáo của Đảng bộ hàng năm, báo cáo cho cuộc họp công nhân viên chức hàng năm về mục tiêu giáo dục **[H4.04.01.01]**. Điều này cũng đã truyền tải được thông điệp hướng tới công tác đào tạo của Nhà trường sẽ tạo cho xã hội những nhân lực chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền đạt tới các cán bộ công nhân viên nhà trường

theo đường email **[H4.04.01.06]**, các cuộc họp với cán bộ chủ chốt cuối năm, cuộc gặp gỡ đầu năm mới đã được Thầy Hiệu trưởng chia sẻ với các cán bộ giảng viên nhà trường **[H4.04.01.07]**. Mục tiêu giáo dục này tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa như: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, gala chào Tân sinh viên, định hướng nghề nghiệp của Khoa tổ chức, các buổi sinh hoạt của lớp, của đoàn thanh niên và nó đã trở thành một phong trào để cho mọi sinh viên cùng thi đua nhau học tập và hành động **[H4.04.01.08]**, **[H4.04.01.02]**, **[H4.04.01.03]**, **[H4.04.01.04]**.

Từ mục tiêu đào tạo của Nhà trường, Khoa KT&QL chỉ rõ chiến lược giảng dạy và học tập là “*Kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời.*”. Chiến lược giảng dạy và học tập này được Ban Lãnh đạo Khoa truyền tải tới từng giảng viên thông qua các cuộc họp của Khoa **[H4.04.01.09]**, thể hiện trên Bản mô tả CTĐT đăng tải trên Website của Khoa **[H1.01.01.11]** như công bố và cam kết tới các bên liên quan (sinh viên đang học, sinh viên tiềm năng, người sử dụng lao động, xã hội, ...).

Để chuyển thể chiến lược giảng dạy và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục ngành Kế toán của Trường ĐHDL được khẳng định là “*Chương trình đào tạo cử nhân ngành kế toán đảm bảo có năng lực về: Kiến thức chuyên sâu về kế toán, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp và quản trị trong tổ chức; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức và khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực kế toán - tài chính trong một tổ chức; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng nhu cầu thực tiễn*”. Mục tiêu này đã được đăng tải trên website của Khoa KT&QL: www.fem.epu.edu.vn **[H1.01.01.16]**, **[H4.04.01.10]** và được truyền tải đến giảng viên, cán bộ khoa, các bên liên quan thông qua các kênh thông tin khác nhau. Không chỉ hướng đến trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học suốt đời được đề cao trong mục tiêu đào tạo của ngành kế toán.

Sự lan toả mục tiêu giáo dục không chỉ dừng trong giảng viên bộ môn, khoa mà tới sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp. Chính vì vậy, sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp về ấn phẩm nghề nghiệp, các buổi cố vấn kiến thức, kỹ năng, các buổi tiếp cận thực tế của giảng viên, sinh viên ngành kế

toán được diễn ra thường xuyên **[H4.04.01.11]**. Các giảng viên đóng vai trò cố vấn, cầu nối giữa doanh nghiệp và sinh viên, họ là người truyền cảm hứng để sinh viên nhận thấy việc học tập phải gắn liền với thực tế, các kỹ năng mềm cần được bổ sung thường xuyên. Các buổi định hướng nghề nghiệp, kỹ năng học tập cho sinh viên năm nhất hay các buổi kiến tập hè, đi thực tế được tổ chức bởi chính các giảng viên đứng lớp **[H4.04.01.12]**. Trong quá trình giảng dạy, các giảng viên chia sẻ việc học tập suốt đời, bên cạnh tấm bằng đại học những chứng chỉ nghề nghiệp trở nên quan trọng và là một phần cho sự phát triển sự nghiệp bản thân (Chứng chỉ ACCA, CMA, CPA,...), định hướng phát triển trở thành kế toán chuyên nghiệp cho sinh viên.

Chính từ mục tiêu giáo dục trên nên trong bản mô tả CTĐT ngành và đề cương từng học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CDR **[H1.01.01.10]**, **[H1.01.01.11]**. Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp thì khi xây dựng mục tiêu này Nhà trường, Khoa KT&QL, ngành Kế toán đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người sử dụng lao động ngành kế toán và các chuyên gia trong ngành kế toán) **[H1.01.03.05]**. Kết quả khảo sát năm 2021, đã nhận được nhiều góp ý và đánh giá tích cực cho thấy mục tiêu giáo dục của ngành Kế toán là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, thích nghi và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Các công ty được khảo sát trực tiếp đều có nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên ngành kế toán, không chỉ cho vị trí kế toán viên mà còn cho các vị trí khác nhau trong công ty, tập đoàn kinh tế như: kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên nội bộ **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.05]**. Trong lần khảo sát tháng 5/2019 về sự hài lòng của người sử dụng lao động đối với cử nhân ngành Kế toán là 100% (25 doanh nghiệp sử dụng SV tốt nghiệp) **[H3.03.01.05]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành Kế toán và được lan toả tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

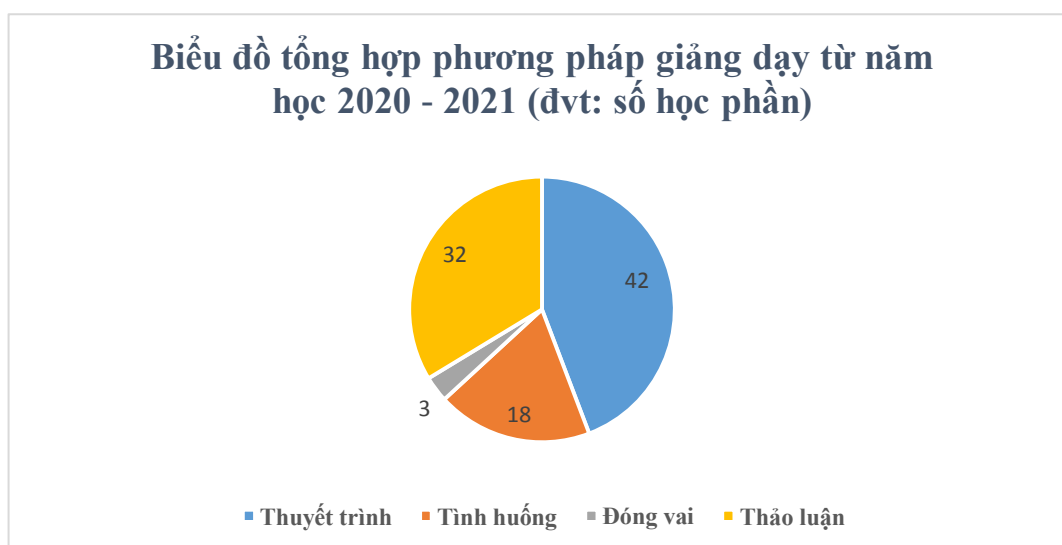
Từ năm 2022, các đơn vị trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền về mục tiêu giáo dục cho CBGV, SV và các đối tượng bên ngoài quan tâm. Nhà trường cần thường xuyên cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường để GV, người học và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa mục tiêu giáo dục của Trường, của Ngành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Bộ môn TCKT và Khoa KT&QL tổ chức các buổi Seminar thường kỳ và trao đổi về phương pháp giảng dạy phù hợp với các môn học trong CTDH và nhằm giúp SV đạt được các CDR của CTĐT [H4.04.01.09]. Từ năm học 2016-2017, Khoa KT&QL đã chủ động xây dựng các tổ hợp phương pháp giảng dạy phù hợp và trao đổi, thảo luận với GV [H3.03.01.06].



Hình 3: Biểu đồ tổng hợp phương pháp giảng dạy từ năm học 2020-2021

Các phương pháp giảng dạy được sử dụng linh hoạt cho phù hợp với diện tích lớp học và đối tượng người học. Nếu lớp đông SV (> 50 sv), giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình và làm việc nhóm, nếu lớp ít SV (< 25 sv) giảng viên có thể điều chỉnh phương pháp dạy và học, tăng giờ thảo luận và các buổi seminar [H4.04.02.02]. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H4.04.02.02], [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

Khi giảng dạy GV làm rõ trọng tâm và mối quan hệ logic giữa môn này với các

môn học khác. GV nêu vấn đề và hướng dẫn SV giải quyết, dẫn dắt SV tự đưa ra kết luận cần thiết. Ngoài ra GV còn liên hệ thực tế sinh động cùng sinh viên nghiên cứu và thảo luận từ đó làm sâu sắc thêm bài giảng. Bài tập về nhà không chỉ là những phép tính khô khan, những định nghĩa trong sách vở, GV đã kết hợp giữa lý thuyết và thực tế để đưa ra những bài tập tình huống sát với thực tế tạo hứng thú trong học tập, cũng như rèn yện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho SV. Đặc biệt, mỗi SV được cấp một tài khoản cá nhân có đầy đủ những thông tin liên quan đến quá trình học tập và nghiên cứu, giúp sinh viên chủ động nắm bắt thông tin và sắp xếp thời gian học tập. **[H4.04.02.03].**

Nhà trường và Khoa chuyên môn luôn tạo điều kiện để các GV được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để nâng cao phương pháp giảng dạy **[H4.04.02.04].** Khoa KT&QL cử GV tham gia các buổi hội thảo trong sử dụng công nghệ thông tin, phương pháp giảng dạy mới hay nắm bắt tâm lý giảng dạy của người học. Những tài liệu hội thảo này được chia sẻ với các GV, SV **[H4.04.02.05], [H4.04.02.06].** Để giúp SV chuyển hóa kiến thức từ lý thuyết sang thực tế, có được sự hiểu biết sâu hơn về kiến thức và biết cách vận dụng kiến thức đã học thì trong CTĐT có cấu trúc cho SV đi thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp. Từ đó tăng cường kỹ năng phân tích, đánh giá công việc kế toán trong doanh nghiệp, kế toán ra quyết định và nâng cao quan điểm nghề nghiệp, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, có ý thức đảm bảo chất lượng công việc được giao **[H3.03.02.05], [H4.04.01.12].**

Các giảng viên là CVHT được phân công theo quyết định vào đầu năm học **[H4.04.02.01]** sẽ phổ biến thông tin của Khoa, Nhà trường hướng dẫn, giúp đỡ SV tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu, học tập trong các buổi sinh hoạt tháng **[H4.04.01.8].** Đặc biệt để giúp SV năm thứ nhất thay đổi tư duy, phương pháp học tập từ môi trường phổ thông sang môi trường đại học, Khoa thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu và mời chuyên gia, cựu sinh viên về trao đổi các phương pháp học tập cũng như định hướng nghề nghiệp ngay từ thời gian đầu nhập trường và sự kiện này được SV đón nhận một cách tích cực **[H4.04.02.07], [H4.04.02.08].** Bản thân GV tại giờ lên lớp đầu tiên đã chia sẻ với SV về đề cương chi tiết với yêu cầu SV đọc tài liệu trước, tìm kiếm tài liệu và trả lời cho các nội dung chuẩn bị trước cho học phần, đảm

bảo việc tiếp thu kiến thức, vận dụng các kỹ năng và có thái độ tích cực, chủ động trong học tập **[H4.04.02.09]**.

Tuy vậy một bộ phận không nhỏ các SV năm thứ nhất do chưa quen với phương pháp dạy và học mới, vẫn còn bị ảnh hưởng của lối tư duy đọc chép từ phổ thông nên vẫn thụ động trong việc tiếp nhận kiến thức và chưa tích cực trong giờ học thảo luận, làm việc nhóm. Chính vì vậy, Khoa KT&QL đã có các hoạt động hỗ trợ thông qua 2 câu lạc bộ là: CLB Kế toán - Kiểm Toán – Tài chính (AAF) và CLB Tiếng Anh (FMEC). CLB AAF hỗ trợ các hoạt động ngoại khoá, kết nối doanh nghiệp đem lại những cuộc thi, các buổi Talkshow nâng cao kiến thức, kỹ năng mềm cho nghề nghiệp tài chính. CLB FMEC hỗ trợ kỹ năng ngoại ngữ giúp sinh viên Kế toán tự tin trong sử dụng Tiếng Anh, hỗ trợ sinh viên tham gia các kỳ thi về chuyên môn bằng Tiếng Anh **[H4.04.02.10]**.

Song song với việc học tập mang tính ứng dụng, nghề nghiệp, khoa học nghiên cứu là một phần không thiếu trong hướng dẫn SV của Khoa KT&QL. Trong năm học trước, 2016-2017 SV của Khoa dưới sự hướng dẫn của GV tham gia hoạt động NCKH cấp trường, đã bảo vệ thành công. Từ năm học 2017-2018 và 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 Khoa đã chủ động lên kế hoạch thực hiện phong trào NCKH SV. Các buổi phát động phong trào, sinh hoạt định kỳ, các SV tham gia được các GV trong Khoa chia sẻ về phương pháp nghiên cứu, hướng dẫn SV hoàn thành sản phẩm NCKH **[H4.04.02.11]**.

Không chỉ chú trọng nâng cao và đa dạng hóa các phương pháp dạy học trực tiếp truyền thống trên lớp, việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy đã được Nhà trường và Khoa rất quan tâm. Thông qua các buổi seminar bộ TCKT, các GV cũng thường xuyên trao đổi cập nhật kinh nghiệm trong việc sử dụng các ứng dụng phần mềm (Misa, Kahoot, Quizizz,...) vào bài giảng giúp SV hứng thú hơn với bài giảng. Đặc biệt trong năm học 2019-2020 và 2020-2021 trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19, để đảm bảo tiến độ năm học nhà trường đã kịp thời triển khai việc dạy học bằng hình thức trực tuyến qua các phần mềm như: Google classroom, Google meet, Zoom,... **[H4.04.02.12]**

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Nhà trường tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ hàng tháng, bình

chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở cho GV vào cuối mỗi năm học và tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ [H4.04.02.13]. Kết quả khảo sát người học đánh giá về hoạt động dạy và học đáp ứng CĐR đã cho kết quả khả quan với tỷ lệ hài lòng trên 90% [H4.04.02.14].

2. Điểm mạnh

Khoa KT&QL, ngành Kế toán cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên SV Kế toán của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy còn hạn chế, chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường và Khoa sẽ tăng cường tổ chức các buổi tập huấn cho GV về các phương pháp dạy học và học tập mới, cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học. Thêm vào đó, Khoa tăng cường tổ chức các hoạt động Jobtour giúp SV nâng cao hiểu biết thực tế về nghề nghiệp của mình.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng tin học văn phòng và một số kỹ năng mềm khác. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết

trình rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy này được thể hiện chi tiết trong đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh trong năm học 2019 -2020 **[H2.02.01.02]**. Trước năm học 2019 - 2020, tổ hợp phương pháp giảng dạy được Bộ môn TCKT và Khoa KT&QL cùng trao đổi và xác định **[H3.03.01.06]**. Hướng dẫn này hữu ích đối với các GV trẻ và đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo trong ngành.

Trong nội dung chi tiết các học phần, hoạt động tự nghiên cứu và tự học của SV được chú trọng nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. Đối với ngành kế toán, học tập suốt đời là yêu cầu cần thiết do sự thay đổi với nhịp điệu nền kinh tế, những thay đổi trong quản lý tài chính, thuế, kế toán. Dung lượng tiết tự học, tài liệu tham khảo (các website nghề nghiệp, phần mềm, ...), sách tham khảo quốc tế được cung cấp tương đối đầy đủ trong đề cương chi tiết làm cơ sở cho SV tìm tòi, nâng cao khả năng tự học. Các bài tập lớn, bài tập cá nhân được yêu cầu trong đề cương chi tiết môn học đòi hỏi sự tổng hợp, tự học cao **[H3.03.02.05]**, **[H2.02.01.02]**.

Bên cạnh đó, SV ngành Kế toán được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. Khoa KT&QL cũng thường xuyên tổ chức các buổi Talkshow định hướng nghề nghiệp SV, đào tạo cho SV kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm **[H4.04.03.01]**, **[H4.04.03.05]**.

Trong suốt năm học và toàn khóa học, SV được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi CVHT về đăng ký học tập, NCKH, tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp SV chủ động trong quá trình học tập **[H4.04.03.02]**. Để tìm kiếm tài liệu SV có thể truy cập vào thư viện địa tử của trường để tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc tự học. Ngoài ra, Nhà trường và khoa KT&QL cũng tạo các tài khoản mạng xã hội như Facebook, zalo... tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp nhận với các nguồn tài liệu phục vụ học tập từ GV ngoài giáo trình một cách kịp thời, việc trao đổi kiến thức giữa GV và SV cũng dễ dàng và thuận tiện hơn, sinh viên cũng mạnh dạn hơn trong việc đóng góp ý kiến. Qua các kênh này, SV cũng chia sẻ được những kinh nghiệm học tập cũng như các vấn đề khác nhau. Không những thế, đây cũng là một

kênh thông tin phản hồi hiệu quả khách quan giúp Nhà trường và Khoa nắm bắt được những phản hồi của người học về CTĐT, phương pháp dạy học, khả năng tiếp thu của SV,.... kịp thời [H4.04.03.06].

Giảng viên Khoa KT&QL trong quá trình giảng dạy, thường xuyên mời các chuyên gia có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học [H4.04.03.03]. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp cho việc nâng cao chất lượng dạy và học với kết quả khảo sát là trên 70% hoàn toàn đồng ý rằng GV liên hệ nội dung bài học với thực tiễn đời sống, tổ chức, hướng dẫn SV về cơ hội học tập và giao lưu để phát huy khả năng bản thân [H4.04.03.04].

2. Điểm mạnh

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích SV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa có nhiều hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL tăng cường hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện,

tôn trọng và nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng, kém ngoại ngữ. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Để xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với CDR của học phần và khóa học, Khoa KT&QL phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên thường xuyên trong suốt quá trình sinh viên theo học ngành Kế toán. Việc đánh giá này được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Qua đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành CDR chương trình đào tạo trình độ đại học [H1.01.02.08], [H1.01.02.02] và để người học đạt được những CDR này Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Điện lực [H5.05.01.01] nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu của CDR của CTĐT [H5.05.01.07], [H5.05.01.08]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học có khả năng đo lường mức độ đạt được CDR của chương trình đào tạo quy định [H5.05.01.02]. Ngoài ra, các quy định này được cập nhật, thông báo và hướng dẫn trên trang tài khoản cá nhân của sinh viên [H4.04.02.03].

Nhà trường đã có kế hoạch cụ thể trong từng năm học về kế hoạch đánh giá KQHT của người học theo Bảng tiến độ năm học [H3.03.02.02], các kế hoạch hay thông báo về đánh giá KQHT hết kỳ, tốt nghiệp [H5.05.01.10]. Các kế hoạch này được công bố trong các thông báo trong tài khoản của GV, SV. Bên cạnh đó, phần

đánh giá kết quả học tập còn được trình bày trong bản mô tả chương trình đào tạo đã thông tin rộng rãi trên trang web của Khoa. Bảng kiểm năng lực học tập của SV giúp mỗi SV tự theo dõi và đánh giá KQHT của mình với từng học phần và tương ứng các mức cần đạt được trong bản mô tả CTĐT **[H1.01.01.02]**.

Để hướng dẫn các GV thiết kế các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với đạt được CDR từng môn học, Khoa KT&QL đã có những buổi Seminar về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa các GV trong bộ môn, trong khoa. Tài liệu hướng dẫn được tập hợp theo nhiều nguồn như cách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, cách xây dựng bài tập lớn và cách đánh giá bài kiểm tra đối với SV **[H5.05.01.11], [H5.05.01.12]**.

Tại các cuộc họp trong đầu năm học về triển khai giảng dạy, các công việc đào tạo, nghiên cứu, Khoa KT&QL đã có những trao đổi và đưa ra phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa kỳ hay phương pháp kiểm tra kết thúc học phần **[H3.03.01.06]**. Tùy theo CDR của từng học phần, Khoa sẽ xây dựng hình thức đánh giá cho phù hợp. Đối với các học phần có CDR cần tập trung đánh giá kiến thức thì sẽ được tổ chức thi tự luận hoặc trắc nghiệm. Đối với các học phần có CDR cần tập trung đánh giá về kỹ năng, năng lực thì được tổ chức thi bằng làm các bài tập lớn, bài tiểu luận, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp,... Và các hình thức đánh giá này đều được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần. Do đó, các đề thi kết thúc học phần được thiết kế đa dạng bao gồm đề thi tự luận, trắc nghiệm trên máy tính, thực hành, bài tập lớn **[H3.03.01.06], [H5.05.01.05]**.

Trong từng đề cương của các học phần đều có quy định rõ ràng về mục tiêu học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá điểm quá trình và điểm kết thúc học phần, trong đó tỷ lệ giữa điểm quá trình và điểm kết thúc học phần được quy định cụ thể theo từng loại học phần lý thuyết, bài tập, thực hành, trên cơ sở đó sinh viên nắm bắt được thông tin về cách đánh giá môn học ngay khi bắt đầu môn học **[H1.01.01.02]**.

Từ năm 2017, Nhà trường đã có kế hoạch kiểm tra và phân loại trình độ ngoại ngữ của SV nhằm giúp SV hoàn thành CDR về ngoại ngữ **[H5.05.01.04]**. Chính vì vậy sinh viên nhập trường sẽ phải tham dự kỳ thi để kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ, trên cơ sở đó phân loại trình độ và cấp học cho sinh viên.

Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc xem xét sinh viên đủ điều kiện được làm khóa luận

đề ra quyết định giao đề tài và giáo viên hướng dẫn, cho đến việc tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy trình. Khoa thực hiện quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, các mẫu phiếu chấm, mẫu nhận xét của giáo viên phản biện. **[H5.05.01.03]**.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động kiểm tra đánh giá cho thấy đại đa số SV đánh giá tốt sự công bằng, khách quan, chính xác trong kiểm tra đánh giá môn học. Trong trường hợp SV có kiến nghị về kết quả học tập **[H5.05.01.06]** sẽ được giảng viên, Bộ môn, Khoa và Nhà trường giải quyết nhanh chóng và kịp thời **[H5.05.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa KT&QL có hệ thống văn bản quy định tài liệu hướng dẫn, kế hoạch đánh giá kết quả trong suốt quá trình học tập. Từ đó, việc đánh giá kết quả người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của CĐR về kỹ năng, kiến thức và mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Cấu trúc đề thi hiện tại còn sơ sài, chưa đánh giá được đầy đủ, toàn diện kết quả của người học theo đúng CĐR các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường và phòng KT&ĐBCL tiếp tục xây dựng, ban hành và hoàn thiện các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận và trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR. Bên cạnh đó, Khoa KT&QL sẽ kết hợp với phòng KT&ĐBCL rà soát, bổ sung, phân loại các câu hỏi trong ngân hàng đề thi để phù hợp với CĐR ngành kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Điện lực **[H5.05.01.08]** cùng với đó là các hướng dẫn trên trang ktdbcl.epu.edu.vn hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá, thi và kiểm tra **[H5.05.02.01]**, **[H5.05.02.11]**. Ngoài ra, mỗi sinh viên khi nhập trường đều được phát 1 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại **[H2.02.03.01]**. Ngoài ra mỗi học phần đều được cung cấp cho sinh viên đề

cương chi tiết trên tài khoản cá nhân, trong đó cũng nêu rõ cách đánh giá: Tỷ trọng điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thi kết thúc học phần [H2.02.03.04], [H1.01.01.02].

Cách thức tính điểm học phần được quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Điện lực, sau đó sẽ tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, từ đó xếp loại kết quả học tập cho sinh viên theo 2 loại đạt và không đạt [H5.05.01.08] và được thể hiện rõ trong cuốn sổ tay sinh viên phát cho sinh viên vào thời điểm sinh viên nhập trường [H2.02.03.01]. Hệ thống điểm đánh giá bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận, báo cáo chuyên đề và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70% [H5.05.01.08], [H5.05.01.03].

Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học. Nhà trường đã ban hành quy chế xây dựng ngân hàng đề thi, ra đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính, trong đó nêu rõ: Ngân hàng câu hỏi phục vụ thi trắc nghiệm: các câu hỏi trắc nghiệm cần có đủ 4 phương án lựa chọn trong đó có duy nhất một phương án đúng, số lượng câu hỏi từ 150 đến 200 câu/đơn vị tín chỉ; ngân hàng câu hỏi đề thi phục vụ thi tự luận: câu hỏi/bài tập bao gồm cả đáp án và biểu điểm chi tiết, điểm mỗi câu được chia nhỏ thành điểm của các ý, mỗi ý không quá 0,5 - 1,0 điểm, số lượng câu hỏi/bài tập từ 50 đến 70/đơn vị học [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06], [H5.05.02.07].

Trưởng Khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên phụ trách môn học trực thuộc Khoa/Bộ môn biên soạn ngân hàng đề thi, đáp án, thang điểm dưới sự giám sát về mặt chuyên môn của nhóm trưởng phụ trách môn học và Trưởng Bộ môn. Trưởng Bộ môn trực tiếp chỉ đạo hoặc chỉ định người đánh máy vi tính, mã hóa, in, niêm phong, bảo quản và bảo mật ngân hàng đề thi trước khi bàn giao cho Phòng KT&ĐBCL [H5.05.02.08].

Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá [H5.05.02.11]. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập của toàn trường do Phòng KT&ĐBCL theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công

tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá trong báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm của Phòng KT&ĐBCL [H5.05.02.10].

Kết quả học tập của người học được đánh giá theo quá trình bao gồm điểm đánh giá do giảng viên trực tiếp đánh giá và điểm thi kết thúc học phần [H5.05.02.09] được tổ chức thi tập trung vào cuối mỗi học kỳ, sau khi đã có kết quả thi kết thúc học phần (muộn nhất là 05 ngày kể từ ngày thi) người học sẽ biết được kết quả học tập của từng học phần đã đăng ký học thể hiện trong quy định về việc ban hành tổ chức thi kết thúc học kỳ và được công bố trên tài khoản của từng SV [H2.02.03.04], [H5.05.02.12]. Mọi quy định, quy chế phản hồi về đánh giá kết quả học tập SV được công khai trên trang web www.ktkd.epu.edu.vn, <http://sinhvien.epu.edu.vn>.

Trong bối cảnh dịch covid 19 ảnh hưởng tới quá trình học và thi của người học, Khoa KT&QL chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để có những thay đổi hình thức thi đối với các học phần phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn đảm bảo việc đánh giá khách quan, công bằng, đúng năng lực người học [H5.05.02.14], [H5.05.02.15], [H5.05.02.16].

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập có thể thấy 100% sinh viên hiểu được các quy định cũng như việc công bố cách thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ thể hiện trong ý kiến phản hồi người học [H5.05.02.13].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Việc tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thuận tiện, dễ dàng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong những Quy định của Trường ĐHDL và của Khoa KT&QL, bao gồm: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ, quy định đào tạo đại học, đề cương chi tiết các học phần, quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy **[H5.05.01.07], [H5.05.02.03]**.

Việc xây dựng các tiêu chí cho từng loại hình kiểm tra, đánh giá, tổ chức thi kết thúc học phần đa dạng, đáp ứng yêu cầu về việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận), vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo thực hành môn học, Báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy định tổ chức thi kết thúc học phần **[H3.03.01.06], [H5.05.02.14], [H5.05.02.15], [H5.05.02.16]**.

Bảng 6: Biểu thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật từ năm học 2019-2020

Phương pháp kiểm tra định kỳ				Phương pháp thi kết thúc học phần				
Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập lớn	Kiểm tra TH trên máy	Tiểu luận	Trắc nghiệm	Tự luận	BC chuyên đề	Thi TH trên máy
20	35	15	4	6	17	31	4	4

Các tổ hợp phương pháp kiểm tra, đánh giá được chi tiết theo các mức đánh giá nhằm kiểm tra mức độ đạt được CDR của học phần **[H3.03.01.06]**.

Đối với các môn học được tiến hành đánh giá kiểm tra trực tiếp trên máy tính, bộ bài tập thực hành (như môn Hệ thống thông tin kế toán, Thực hành môn học) được tiến hành nghiêm túc, có sự kiểm tra về độ tin cậy của đề thi, điểm thi của Ban Lãnh đạo khoa trước khi công bố cho SV trong chương trình thực hành môn học **[H5.05.03.03]**. Việc quy định tính điểm, đánh giá chất lượng SV về kỹ năng nghề nghiệp của môn Thực hành môn học, Báo cáo thực tập tốt nghiệp hay Khóa luận tốt nghiệp còn được phản ánh ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp **[H5.05.03.06]**. Điều này thể hiện tính nghiêm túc, công bằng trong đánh giá kết quả học tập và tích hợp đánh giá của người sử dụng lao động đối với kết quả học tập.

Đối với một số môn học được tiến hành bằng các phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên giữa kỳ qua bài tập lớn như Nguyên lý kế toán, Tổ chức công tác kế toán, Lý thuyết kiểm toán, Đạo đức nghề nghiệp kế toán – kiểm toán **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.03.07]**. Bên cạnh đó, việc sử dụng hệ thống phần mềm về thuế, kế toán được kiểm chứng trong kiểm tra, đánh giá và nhận được kết quả phản hồi tích cực về tính khách quan, chính xác cho kết quả kiểm tra, đánh giá **[H5.05.03.04]**, **[H5.05.03.05]**.

Hàng năm, trong quá trình thực hiện phương pháp kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, khoa KT&QL đã thực hiện việc xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm và tự luận các học phần trong hệ thống. Với ngân hàng đề thi trắc nghiệm, Nhà trường quy định tối thiểu 150 câu/tín chỉ, mỗi môn học 3 tín chỉ có 450 câu hỏi. Đối với ngân hàng đề thi tự luận, mỗi tín chỉ có khoảng 30 câu hỏi, mỗi môn học có 3 tín chỉ tương đương có 90 câu hỏi. Nội dung trong ngân hàng đề thi câu hỏi thường xuyên được cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung cho phù hợp với đánh giá mức độ đạt CDR của môn học.

Quá trình lưu trữ kết quả thi với hình thức thi trắc nghiệm đã được thực hiện ở các bộ phận khác nhau như Phòng đào tạo, Phòng khảo thí, trên hệ thống máy chủ. Vì vậy, công tác giám sát, lưu trữ bài thi của trường ĐHDL với hình thức thi trắc nghiệm đã được thực hiện đúng quy định trong những năm vừa qua.

Với hình thức thi tự luận, ngân hàng đề thi sẽ được bốc thăm trước khi thi, thực hiện niêm phong phôi tô, và bài thi đã được đánh số phách để tổ chức thi và chấm thi một cách nghiêm túc. Phòng chấm thi có camera và chuyên viên giám sát, GV nhận bài thi và chấm theo thời gian quy định của phòng khảo thí. Vì vậy, công tác đánh giá kết thúc học phần đảm bảo tính khách quan trong đánh giá năng lực người học.

Hàng năm, các ngân hàng đề thi được rà soát, kiểm tra, hiệu chỉnh những lỗi sai để tăng thêm giá trị và độ tin cậy của đề thi. Nội dung trong câu hỏi trắc nghiệm và tự luận được điều chỉnh thông qua đề cương chi tiết của mỗi học phần 2 năm/lần.

Việc đánh giá kết quả học tập năm trong chủ trương của Nhà trường nhằm đánh giá khả năng đạt CDR của người học. Mỗi học kỳ các CVHT tổ chức sinh hoạt lớp đồng thời lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về việc đánh giá kết quả học tập, nhìn chung đều nhận được những phản hồi tốt **[H5.05.03.01]**. Thông qua khảo sát người học về phương pháp kiểm tra đánh giá, đại đa số sinh viên được hỏi đánh giá tốt về phương pháp đánh giá kết quả học tập. Hàng năm khi sinh viên đi thực tập đều nhận được những phản hồi tốt của đơn vị thực tập, nhà tuyển dụng **[H5.05.03.06]**,

[H1.01.02.06].

Công tác phúc khảo bài thi được quy định cụ thể, khi GV hoàn thành công tác chấm thi phúc khảo thì kết quả về dữ liệu về điểm phúc khảo bài thi của người học được thể hiện ngay trong tài khoản người học **[H5.05.03.01]**. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KTĐBCL thực hiện tổng kết kết quả điểm học tập SV theo từng lớp đối với mỗi học phần với tỷ lệ phần trăm phân loại điểm số làm cơ sở đánh giá hệ số chất lượng GV và đề xuất điều chỉnh đề thi đối với một số học phần có kết quả đặc biệt **[H5.05.03.05]**. Bên cạnh đó, đối với mỗi khóa SV tốt nghiệp, Khoa thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan đối với phương pháp kiểm tra đánh giá làm cơ sở điều chỉnh phương pháp đánh giá cho phù hợp **[H1.01.02.06]**. Công tác xây dựng đề thi kết thúc học phần cũng được Nhà trường thường xuyên thực hiện song song với việc hiệu chỉnh CTĐT để đảm bảo việc đánh giá được đa dạng hóa ngân hàng đề và công bằng cho NH.

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Kế toán giúp kiểm tra chính xác CDR (thuế, thực hành kế toán) hay đánh giá trong thực hành thực tế giúp SV có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích kết quả bài thi (phân tích phổ điểm) toàn diện của từng học phần giữa các khoá, các lớp học ngành kế toán với nhau để có sự so sánh kết quả học tập, từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong CTĐT và bộ ngân hàng đề thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL sẽ phối hợp với Phòng KT & ĐBCL rà soát, đánh giá ngân hàng đề ngành kế toán thông qua phân tích kết quả thi từng học phần để có những điều chỉnh phù hợp với CTĐT, bộ ngân hàng đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập, công bố kết quả tới người học luôn được nhà trường thực hiện theo đúng quy định. Năm 2011, nhà trường thành lập Phòng

KT&ĐBCL, với nhiệm vụ xây dựng các văn bản hướng dẫn quy trình công tác khảo thí theo quy định của Bộ GD&ĐT; chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong trường xây dựng quy trình kiểm tra, tổ chức thi hết học phần; quản lý lưu trữ bảo mật đề thi, bài thi; công bố kết quả thi cho người học,... **[H5.05.04.01]**.

Nhà trường đã đưa vào khai thác phần mềm tổ chức thi và triển khai công tác tổ chức thi nói chung theo một quy trình thống nhất **[H5.05.02.03]**. Theo đó, Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và thực hiện tất cả các khâu của hoạt động trong công tác tổ chức thi. Kết quả đánh giá thường xuyên được giảng viên giảng dạy trực tiếp nhập vào hệ thống và thông báo tới sinh viên ngay khi có kết quả thi, kiểm tra; kết quả thi được hệ thống tự động tổng hợp từ kết quả chấm thi của giảng viên và thông báo công khai tới từng tài khoản sinh viên. Sinh viên có thể tra cứu kết quả học tập của mình tại trang cá nhân theo địa chỉ <http://svdbcl.epu.edu.vn> hoặc <http://sinhvien.epu.edu.vn> **[H5.05.04.04]**. Như vậy, các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV.

Nhờ việc ứng dụng CNTT vào quản lý quá trình tổ chức thi, kiểm tra, hệ thống tự động đưa ra các cảnh báo về thời gian, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên, do đó việc thông báo kết quả tới người học luôn kịp thời và đúng quy định của Nhà trường. Người học có thể tra cứu kết quả học tập từ nhiều nguồn. Các vấn đề phản hồi kết quả đánh giá về điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần được quy định và có biểu mẫu thực hiện. Các phản hồi như phúc khảo điểm thi đều có sự rà soát của Ban Lãnh đạo Khoa và được công bố cho SV **[H3.03.02.02]**.

Qua kết quả khảo sát người học và thông qua các buổi họp lớp các CVHT về việc đánh giá kết quả học tập có thể thấy tất cả các sinh viên hài lòng về các quy định cũng như việc công bố cách thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ **[H5.05.04.03]**. Một số ít sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập, phòng khảo thí sẽ lập danh sách SV phúc khảo bài thi gửi Trưởng khoa phân công GV chấm thi **[H5.05.04.05]**, **[H5.05.04.06]** và đã được Nhà trường giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên **[H5.05.02.13]**.

Sự phản hồi kết quả học tập của SV, đánh giá tổng hợp hoạt động học tập được Phòng KT&ĐBCL phối hợp cùng Khoa KT&QL để có những bước cải thiện **[H5.05.04.03]**, **[H5.05.02.13]**. Qua kết quả phản hồi từ sinh viên, Khoa đã có những điều chỉnh phù hợp về nội dung môn học, về cách đánh giá học phần, thông qua các

buổi seminar bộ môn và các đợt hiệu chỉnh chương trình đào tạo. Tỷ lệ hài lòng về kết quả kiểm tra đánh giá của sinh viên hiện tại và cựu sinh viên cho việc đánh giá, kiểm tra có tỷ lệ cao [H5.05.04.02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa KT&QL có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận kết quả đánh giá của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT tăng cường ứng dụng thông tin trong việc tiếp nhận kết quả đánh giá kịp thời.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 4/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Đối với hoạt động học tập, người học sẽ được đánh giá quá trình học và bài thi kết thúc học phần. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau:

(i) Đối với điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng. Nếu SV có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi học đó.

(ii) Đối với điểm bài thi kết thúc học phần, sau khi thi kết thúc học phần 5 ngày, người học có thể xem kết quả thi của mình trên hệ thống phần mềm quản lý thi PMT-EMS. Người học có thể nộp đơn phúc tra online về kết quả thi của mình nếu thấy có sai sót. Người học được phép nộp đơn phúc tra trong khoảng 3 ngày tính từ thời gian công bố điểm.

Mỗi sinh viên khi nhập trường đều được phát 1 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại [H2.02.03.01]. Việc phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập được công bố trên website quản lý người học, trang www.ktdbcl.epu.edu.vn, sinhvien.epu.edu.vn để SV nắm bắt trước mỗi học kỳ [H5.05.04.04].

Trên cơ sở các quy định liên quan đến quá trình đào tạo và tổ chức hoạt động dạy và học, rèn luyện, chế độ chính sách đã được Nhà trường, Khoa Kinh tế & Quản lý phổ biến tới sinh viên trong tuần lễ định hướng đầu khóa học và đề cập trong cuốn sổ tay sinh viên. Sinh viên có đủ các thông tin cụ thể và rõ ràng về lộ trình học tập cũng như các quy định, quy chế cần thiết liên quan đến quá trình học như: Điều kiện tốt nghiệp, cách tính điểm đánh giá thành phần, cách tính điểm học phần, hệ thống điểm số, điểm chữ và cách quy đổi, cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, ...

Các quy trình về đào tạo, tổ chức thi kiểm tra; các hướng dẫn và quy trình đánh giá quá trình rèn luyện của sinh viên với các tiêu chí đánh giá cụ thể và các hướng dẫn về quyền khiếu nại kết quả học tập, ... cũng được thông báo cho sinh viên từ đầu khóa học. Ngoài ra, các thông báo này sinh viên cũng dễ dàng tiếp cận được trên hệ thống website của Nhà trường, ví dụ khi sinh viên phúc tra điểm của học phần, sinh viên có thể xem và tải mẫu trên website của Trường **[H5.05.04.04]**.

Tại buổi học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy có trách nhiệm thông báo chi tiết đến sinh viên những nội dung như: tên học phần, số tín chỉ, nội dung học tập, đề cương chi tiết, hình thức điểm danh, hình thức và những tiêu chí đánh giá kết quả học tập như số lượng bài kiểm tra, số lượng bài tập về nhà (nếu có), bài thảo luận nhóm, các tiêu chí đánh giá sẽ áp dụng trong học phần đó. Cuối học phần, GV sẽ thông báo cho sinh viên kết quả đánh giá điểm thành phần để sinh viên chủ động có kế hoạch cải thiện kết quả học thông qua bài thi kết thúc học phần chủ động lên kế hoạch đăng ký học lại; học bổ sung các học phần không được dự thi hoặc chưa học. CTĐT cũng được công bố công khai trên website của Trường nhằm hỗ trợ GV, sinh viên chủ động trong dạy và học **[H1.01.01.16]**.

Chính việc công bố rõ ràng và công khai, minh bạch về các quy định trong KTĐG kiến thức, công bố kết quả học tập và xét thành tích học tập, ... là cơ sở để sinh viên nắm rõ các quy định và có đề xuất khiếu nại và thắc mắc về điểm số. Và để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Trường đã có kênh thu thập các thắc mắc khiếu nại của sinh viên qua hòm thư đồng thời hàng năm tổ chức buổi gặp mặt giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên để lắng nghe tâm tư nguyện vọng, trao đổi, trả lời giải đáp các ý kiến khiếu nại, thắc mắc của sinh viên **[H5.05.04.04]**.

Vào đầu khóa học, đầu mỗi năm học, Nhà trường và Khoa phổ biến về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập cho sinh viên trong buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm. Ngoài ra, sinh viên còn có các buổi họp lớp với CVHT. Hoặc, sinh viên có thể hỏi về các thủ tục cũng như các quy định về khiếu nại hoặc thắc mắc về kết quả học tập qua Thư ký khoa, CVHT, Trưởng khoa. Các kênh khiếu nại và địa điểm

tiếp cận dễ dàng, đa dạng. Phòng KT & ĐBCL có trách nhiệm tiếp nhận thông tin kết quả giải quyết các khiếu nại, phàn nàn của sinh viên.

Trong quá trình học tập, nếu có sai sót, hoặc nhầm lẫn về điểm số, sinh viên hoàn toàn có quyền khiếu nại ngay trên lớp với GV hoặc làm đơn khiếu nại điểm thành phần gửi tới Bộ môn, Khoa để được giải quyết **[H2.02.03.01], [H5.05.04.04]**.

Kết thúc mỗi học kỳ, sinh viên được thông báo kết quả học tập qua tài khoản cá nhân của sinh viên trên hệ thống nhập điểm và thông báo điểm trực tuyến của Nhà trường **[H5.05.04.01]**. Sau thời gian có thông báo cụ thể về kết quả thi và thời gian tiếp nhận các khiếu nại của sinh viên về kết quả học tập, Phòng KT & ĐBCL sẽ rà soát về các khiếu nại của sinh viên và có thông báo chính thức kết quả học tập.

Nếu sinh viên còn chưa thỏa đáng với kết quả phúc khảo, có thể tiếp tục làm đơn thư khiếu nại gửi Phòng KT & ĐBCL. Tiếp theo Phòng KT & ĐBCL sẽ thực hiện theo quy trình để giải quyết các khiếu nại của sinh viên và trả lời thỏa đáng cho sinh viên. Thông qua quy định mới của Phòng KT & ĐBCL thì hiện nay sinh viên có tối đa 7 ngày để thực hiện việc khiếu nại về điểm số học tập của mình các học phần trong học kỳ kể từ ngày công bố điểm trên hệ thống website của Nhà trường và tài khoản của sinh viên **[H2.02.03.01], [H5.05.05.01]**.

Kết quả cuối cùng của sinh viên được ghi nhận và in thành bảng điểm học tập để lưu trữ **[H5.05.02.12]**. Như vậy, sinh viên được đảm bảo tiếp cận với quy trình khiếu nại, các chuyên viên, GV và CVHT của Khoa Kinh tế & Quản lý, Ban chủ nhiệm khoa thường xuyên quan tâm và theo dõi mọi ý kiến thắc mắc, khiếu nại của sinh viên về kết quả học tập để kịp thời hỗ trợ và giải quyết cũng như liên hệ các bộ phận liên quan cùng giải quyết đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

Thực tế thì tỷ lệ khiếu nại, phúc khảo điểm khá nhỏ khoảng dưới 1% (33/3.560sv) và kết quả điểm bài phúc tra thay đổi là tương đối thấp 02/33 bài, chiếm tỷ lệ khoảng 6% và có xu hướng giảm dần qua các năm từ 2016 - 2021 **[H5.05.04.04]** (xem bảng 7).

Bảng 7: Tổng hợp kết quả chấm lại bài thi học phần

STT	Năm học	Tổng bài phúc tra	Số bài thay đổi điểm	Tỷ lệ thay đổi (%)
1	2016 - 2017	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu
2	2017 - 2018	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu
3	2018 - 2019	9	1	11%
4	2019 - 2020	10	1	10%

STT	Năm học	Tổng bài phức tra	Số bài thay đổi điểm	Tỉ lệ thay đổi (%)
5	2020 - 2021	14	0	0%
	Tổng	33	2	6%

2. Điểm mạnh

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số sinh viên chưa thực sự tiếp cận và nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT nên chưa thực hiện phúc khảo điểm kịp thời theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT & ĐBCL cùng các đơn vị trong trường tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa KT&QL được thực hiện một cách công bằng, khách quan theo các hướng dẫn của Trường ĐHĐL để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa KT&QL luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi cử, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Trường ĐHĐL có sứ mạng là “*Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hóa và phát triển bền vững*”. Mục tiêu của Nhà trường hướng tới đào tạo sinh viên trở thành những kỹ sư, cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo và tiến hành NCKH và phát triển công nghệ, kết hợp đào tạo với NCKH và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ. Do đó, đội ngũ giảng viên có vai trò then chốt, quyết định việc thực hiện thành công của hoạt động đào tạo nói chung và thực hiện cho bất kỳ một chương trình đào tạo nào của nhà trường. Chính vì thế, việc xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, các khoa đào tạo chuyên ngành nói chung và cụ thể là Khoa KT&QL nói riêng.

Hiểu rõ như vậy, Nhà trường và Khoa KT&QL đã xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý trong từng năm học phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và Khoa. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng. Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm cho thấy các cán bộ quản lý và giảng viên Khoa KT&QL đều có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ chuyên môn của các cán bộ quản lý và giảng viên, nhà trường và Khoa KT&QL đã có những chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia học tập, nghiên cứu nâng cao trong nước và ngoài nước, đồng thời có những biện pháp tích cực để thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ cao. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên Khoa KT&QL đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trường.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc quy hoạch - tuyển dụng đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên để đáp ứng nhu cầu về đạo tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã đưa ra Chiến lược phát triển trong giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 [H1.01.01.05]. Trong đó, Nhà trường đề cập đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng thực hành đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, trường tiếp tục tuyển sinh đa ngành, đa cấp, tập trung đào tạo đạt chuẩn chất lượng cao, quy mô đào tạo ổn định khoảng 12.000 đến 15.000 sinh viên chính quy. Về NCKH, số công trình công bố hàng năm đạt 300 (trong đó 15% là công bố quốc tế đạt ISI, SCOPUS) . Bên cạnh đó, Khoa KT&QL đã tổ chức chương trình hội thảo về Chiến lược và kế hoạch phát triển Khoa trong giai đoạn 2017-2022 ngày 21/10/2017. Nội dung buổi hội thảo đề cập đến: Chương trình đào tạo kết hợp chương trình quốc tế (ACCA, CMA...), kết nối doanh nghiệp để sinh viên có nhiều cơ hội đi khảo sát thực tế tại doanh nghiệp với phương châm “*Học đi đôi với hành*”; đẩy mạnh phong trào và tăng cường hiệu quả của công tác NCKH đối với các cán bộ giảng viên và sinh viên của Khoa [H5.05.04.07]. Các chỉ số về mục tiêu phát triển đội ngũ GV của bộ môn TCKT được thể hiện qua số lượng GV được tuyển mới, số lượng GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cụ thể được thể hiện ở bảng sau [H6.06.01.13] [H6.06.04.04] [H4.04.02.04] [H6.06.05.02] [H6.06.01.52]:

Bảng 8: Số lượng GV được tuyển mới, được cử đi đào tạo, nâng cao trình độ trong giai đoạn 2017-2021:

Chỉ số	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
GV được tuyển mới	0	0	01	02	0
GV được cử đi đào tạo	02	01	01	02	0

Chỉ số	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
GV tham gia khóa bồi dưỡng, nâng cao trình độ	03	01	28	17	8

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng được các tiêu chuẩn của một trường đại học, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ luôn được nhà trường và Khoa KT&QL quan tâm, triển khai thực hiện. Nhà trường đưa ra rất nhiều quy chế thu hút và khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao [H6.06.01.23] [H6.06.01.24] [H6.06.01.25] [H6.06.01.26] [H6.06.01.27] [H6.06.01.29] [H6.06.01.30] [H6.06.01.34] [H6.06.01.35] [H6.06.01.65]. Đề án vị trí việc làm là cơ sở để Nhà trường xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức, giảng viên để thực hiện hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong Nhà trường [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Hàng năm, trên cơ sở mục tiêu, khối lượng công việc, cân đối với thực trạng đội ngũ giảng viên Bộ môn TCKT và sinh viên hiện có cùng với kế hoạch chiến lược đã đề ra, Khoa KT&QL xác định nhu cầu bổ sung nhân sự cho đơn vị [H6.06.01.66], [H5.05.04.07], [H6.06.01.83], [H6.06.01.86], [H6.06.01.53], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Với kế hoạch tuyển sinh, phát triển ngành mới, kế hoạch quy hoạch cán bộ quản lý cấp bộ môn và cấp khoa, Nhà trường và Khoa KT&QL thực hiện phân tích nhu cầu và có những đề xuất phù hợp đảm bảo cơ cấu lao động phù hợp với các bộ môn, ngành đào tạo và tuân thủ theo các văn bản quy định [H6.06.01.82], [H6.06.01.18], [H6.06.01.19], [H6.06.01.20], [H6.06.01.21], [H6.06.01.22], [H6.06.01.59], [H6.06.01.60], [H6.06.01.61], [H6.06.01.62], [H6.06.01.63], [H6.06.01.64]. Tính đến 30/12/2021, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa KT&QL là 53 cán bộ giảng viên, trong đó có 5 PGS, 15 Tiến sĩ, 33 Thạc sĩ. Với mục tiêu Chiến lược của Khoa là tăng học vị tiến sĩ để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đưa ra những chương trình đào tạo tích hợp quốc tế hiệu quả đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo sinh viên và công tác NCKH. Số lượng giảng viên Bộ môn TCKT là 27, trong đó ngành Kế toán là 17 giảng viên với 04 NCS của ngành kế toán [H6.06.01.87], [H6.06.01.88]. Các GV làm NCS trong và ngoài trường luôn nhận

được sự quan tâm và sát sao của Nhà trường và Khoa, để đảm bảo tiến độ sớm và đúng hạn **[H6.06.01.06]**.

Hàng năm, Khoa căn cứ vào điều lệ, chế độ làm việc và quy mô sinh viên tuyển sinh của ngành Kế toán do Phòng Đào Tạo gửi, Khoa làm bản kế hoạch nhu cầu nhân sự gửi Phòng Tổ chức cán bộ **[H6.06.01.51]**, **[H6.06.01.52]**, **[H6.06.01.53]**, **[H6.06.01.54]**, **[H6.06.01.55]**, **[H6.06.01.56]**, **[H6.06.01.57]**, **[H6.06.01.58]**, **[H6.06.01.59]**. Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của Khoa gửi lên, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng **[H6.06.02.03]**, **[H6.06.01.80]**, **[H6.06.01.81]**, **[H6.06.01.89]**. Dựa vào kế hoạch tuyển dụng, Phòng TCCB triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, gửi email về cho các phòng ban và Khoa chuyên ngành và công khai một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.03]**.

Công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với các trường hợp hết tập sự, chuyển ngạch được thực hiện đúng quy trình **[H6.06.03.05]**, **[H6.06.01.83]**, **[H6.06.03.07]**. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý Khoa KT&QL được thực hiện dựa trên năng lực và thành tích trong công tác đào tạo, NCKH nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo cũng như đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường. Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý các Khoa đều thực hiện công khai, đảm bảo đúng tiêu chuẩn và quy trình theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương **[H6.06.01.36]**, **[H6.06.01.37]**, **[H6.06.01.38]**, **[H6.06.01.39]**, **[H6.06.01.40]**, **[H6.06.01.41]**. Nhằm xây dựng nguồn cán bộ kế cận đồng bộ, đảm bảo số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới, xây dựng và phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Điện lực cũng đã thực hiện công tác quy hoạch cán bộ các giai đoạn và tiến hành rà soát, bổ sung hàng năm và cử đi học phát triển đội ngũ **[H6.06.01.67]**, **[H6.06.01.68]**, **[H6.06.01.69]**, **[H6.06.01.70]**, **[H6.06.01.71]**, **[H6.06.01.72]**, **[H6.06.01.73]**, **[H6.06.01.74]**, **[H6.06.01.75]**, **[H6.06.01.76]**, **[H6.06.01.77]**, **[H6.06.01.78]**, **[H6.06.01.79]**, **[H6.06.01.83]**, **[H6.06.01.84]**, **[H6.06.01.85]**. Đội ngũ GV của Nhà trường và Khoa KT&QL được đánh giá thi đua hàng tháng, hàng năm nhằm quản lý và khuyến khích nâng cao chất lượng đào tạo, củng cố và đẩy mạnh

phong trào NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.07], [H6.06.01.28], [H6.06.01.31], [H6.06.01.32], [H6.06.01.33], [H6.06.01.42], [H6.06.01.43], [H6.06.01.44], [H6.06.01.45], [H6.06.01.46], [H6.06.01.47], [H6.06.01.48].

Việc xét hết hạn hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ của giảng viên được thực hiện nghiêm túc và đúng kế hoạch. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ chế độ đều được Nhà trường thông báo trước tới Khoa và đương sự. Đối với cán bộ GV sắp nghỉ hưu, GV sẽ được thông báo 2 lần (thời hạn 6 tháng trước khi nghỉ hưu và thời hạn 3 tháng trước nghỉ hưu). Tuy nhiên, với hiện trạng của Khoa là nguồn cán bộ GV tương đối trẻ nên trong 5 năm gần đây không có trường hợp GV đến tuổi nghỉ hưu. Đối với GV ký hợp đồng có thời hạn, Nhà trường và Phòng TCCB sẽ gửi thông báo qua email trước thời hạn kết thúc hợp đồng. Khoa sẽ họp bộ môn với cán bộ GV để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và đưa ra Biên bản lấy ý kiến của Trưởng khoa gửi Nhà trường và Phòng TCCB [H6.06.01.13], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15], [H6.06.01.49], [H6.06.01.50]. Công việc thực hiện của GV được đánh giá hàng tháng, hàng năm [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.06.02] để làm cơ sở đề xuất đăng ký nhu cầu đào tạo của GV trong bộ môn, khoa [H6.06.01.83], [H6.06.01.86].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhờ đó, Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong ngành kế toán, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ giảng viên trong ngành Kế toán có học hàm PGS, học vị tiến sỹ chưa cao. Tuy nhiên, điểm tồn tại này sẽ được Khoa và ngành khắc phục trong tương lai gần, khi các GV của Khoa và ngành hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh của mình. Bên cạnh đó, một số giảng viên trong ngành Kế toán còn chưa tập trung nghiêm túc cho công việc nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2022, Phòng TCCB xây dựng chính sách khuyến khích các giảng viên nâng cao trình độ học hàm, học vị.

Năm 2022, Khoa tăng cường tổ chức các buổi seminar chuyên đề, sinh hoạt bộ môn mang tính chuyên sâu nhằm đẩy mạnh tinh thần nghiên cứu khoa học theo nhóm và cá nhân, xây dựng các chính sách của Khoa nhằm khuyến khích các giảng viên tinh thần nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong chuyên môn giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa hiện nay là 53 giảng viên, độ tuổi bình quân là 44,4 tuổi; số cán bộ đạt trình độ PGS.TS là 5 giảng viên (chiếm 9,4%), Tiến sĩ là 15 giảng viên (chiếm 28,3%), Thạc sĩ là 33 giảng viên (chiếm 62,3%) [H6.06.01.87]. Trong đó ngành Kế toán, số lượng GV hiện tại đáp ứng nhu cầu đào tạo với 2 PGS.TS, 3 TS, 4 nghiên cứu sinh và 8 thạc sĩ [H6.06.02.01], [H6.06.01.87], [H6.06.01.88], [H6.06.02.04]. Ngoài ra, Khoa KT&QL còn hợp tác với các giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước (như ACCA, VACPA, Smart Train...).

Bảng 9: Bảng thống kê GV thuộc Bộ môn TCKT

TT	Trình độ, học vị,	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	-		-	-	-				-
2	Phó Giáo sư	2	7%	1	1	-				2
3	Tiến sĩ khoa học	-		-	-	-				-
4	Tiến sĩ	6	22%	4	2		2	1		3
5	Thạc sĩ	19	70%	4	15	4	13	2		
6	Đại học	-			-					-
	Tổng số	27	100%	9	18	4	15	3	-	5

Hàng năm, Phòng Đào tạo thực hiện tính toán xác định tỷ lệ GV/người học của CTĐT làm căn cứ tuyển sinh. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đều đảm bảo quy định theo

Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H6.06.01.53], [H6.06.01.89].

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Khoa KT&QL được quy định cụ thể trong Quyết định 136 về chế độ làm việc giảng viên (theo Bảng 10) và được phân công tới từng giảng viên trong kế hoạch giảng dạy từng kỳ [H6.06.01.61] [H6.06.01.04] [H6.06.01.05].

Bảng 10: Khung định mức chuẩn giảng dạy các nhiệm vụ của giảng viên

Chức danh giảng viên	Giảng dạy		Nghiên cứu khoa học	
	Khoa chuyên môn	GDTC, GDQP	Khoa chuyên môn	GDTC, GDQP
Giáo sư và giảng viên cao cấp	380	550	280	190
Giảng viên chính	360	500	210	140
Giảng viên	320	440	160	110
Giảng viên tập sự	270	370	80	50
Giảng viên hợp đồng	200	260	0	0

Cuối kỳ, khối lượng công việc giảng dạy và các công việc khác của GV được quy đổi về giờ tiêu chuẩn và tính thừa giờ đối với các bậc đào tạo khác nhau và các lớp có lượng sĩ số khác nhau theo hệ số quy đổi theo Bảng 11, 12:

Bảng 11: Hệ số quy đổi giữa các bậc đào tạo

Bậc đào tạo	Hệ số quy đổi
Cao học (cho GV biên chế EPU)	1.5
Tiến sĩ	2
Đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề	1
Dạy môn Tiếng Anh và dạy các môn chuyên môn bằng Tiếng Việt cho lớp CLC	1.2
Dạy các môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh cho các lớp CLC	1.5

Bảng 12: Bảng quy đổi hệ số theo sĩ số cho tiết lý thuyết

Số lượng sinh viên/lớp	Hệ số quy đổi	
	Niên chế	Tín chỉ
Sĩ số ≤ 40	1	1.1
$40 < \text{Sĩ số} \leq 60$	1.1	1.2
$60 < \text{Sĩ số} \leq 80$	1.2	1.3
$80 < \text{Sĩ số} \leq 100$	1.3	1.4

Sĩ số > 100	1.4	1.5
-------------	-----	-----

Trung bình 1 năm học, GV ngành kế toán phải đáp ứng 270 tiết (tương đương với 900 giờ quy đổi) giảng dạy và 160 tiết (tương đương với 600 giờ quy đổi) nghiên cứu khoa học.

Bảng 13 là thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy và FTE của toàn bộ giảng viên của Bộ môn TCKT giảng dạy ngành Kế toán từ 2016-2021. Số liệu về FTE hàng năm cho thấy thời gian tiếp xúc và tư vấn học thuật của giảng viên đối với sinh viên.

Bảng 13: Bảng thống kê giảng viên và FTE giảng viên Bộ môn TCKT giảng dạy ngành Kế toán

Năm học	Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng PGS, tiến sĩ
				Số lượng thực cán bộ giảng viên	(FTEs)* của giảng viên ngành KT	
Năm học 2016-2017	Giảng viên toàn thời gian	2	10			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	2	10	12	16,8	3/12
Năm học 2017-2018	Giảng viên toàn thời gian	2	10			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	2	10	12	16,8	3/12
Năm học 2018-2019	Giảng viên toàn thời gian	3	10			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	3	10	13	17,8	4/13
Năm học 2019-2020	Giảng viên toàn thời gian	4	13			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			

Năm học	Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng PGS, tiến sĩ
				Số lượng thực cán bộ giảng viên	(FTEs)* của giảng viên ngành KT	
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	4	13	17	20,8	5/17
Năm học 2020-2021	Giảng viên toàn thời gian	4	13			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	4	13	17	20,8	5/17

Tỷ lệ Tiến sĩ của Ngành Kế toán năm 2020-2021 là 5/17 và sẽ đạt cao hơn nữa trong yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của trường là đến hết năm 2022 khi 4 NCS hoàn thành nghiên cứu. Bảng 14 là số liệu và tỷ lệ GV/SV trong các năm học gần đây:

Bảng 14: Bảng tỷ lệ giảng viên/ người học ngành Kế toán

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số sinh viên	Tổng số FTEs của sinh viên	Tỷ lệ sinh viên/tổng giảng viên quy đổi	Tỷ lệ FTEs của giảng viên/ sinh viên
2016-2017	16,8	686	468.1	27.9	1/28
2017-2018	16,8	606	413.5	24.6	1/25
2018-2019	17,8	672	458.5	25.8	1/26
2019-2020	20,8	699	476.9	22.9	1/23
2020-2021	20,8	897	612.0	29.4	1/29

Định kỳ hàng tháng, Khoa KT&QL và Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc, tuân thủ kỷ luật của các giảng viên, từ đó tiến hành xếp loại thi đua giảng viên [H6.06.01.31], [H6.06.01.43]. Việc quy đổi khối lượng công việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV được Khoa KT&QL và Nhà trường thực hiện vào cuối năm và đảm bảo quy định trong mô tả vị trí công việc [H6.06.01.02]. Quy đổi khối lượng được dựa trên văn bản quy định của Nhà nước (*Thông tư 47*) và văn bản hướng dẫn của Nhà trường (*Quyết định 136 về định mức làm việc của GV*) [H6.06.01.61], [H6.06.01.59]. Các cán bộ giảng viên tự tổng hợp và quy đổi khối lượng giảng dạy hàng kỳ, gửi về cho Giáo vụ khoa để tổng hợp [H6.06.02.02]. Trong các năm học, việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cán bộ giảng viên thực hiện theo các công văn về triển khai công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức, cụ thể như khoản

4, mục II Công văn số 9226/BCT-TCCB, Công văn số 6837/BCT-TCCB và các hướng dẫn của Nhà trường hàng năm **[H6.06.01.45]**.

Nhà trường có ban hành quy định về đánh giá CBCC và GV hàng tháng thông qua hệ số đánh giá việc tuân thủ nội dung, quy chế, đánh giá hiệu quả hoạt động (Quyết định 1177/QĐ-ĐHĐL ngày 06 tháng 08 năm 2018 và Quyết định 2083/QĐ-ĐHĐL ngày 07 tháng 11 năm 2018; Quyết định 38/QĐ-ĐHĐL, ngày 16/01/2020) **[H6.06.01.31]**, **[H6.06.01.32]**, **[H6.06.01.33]** trong đó có kèm theo biểu mẫu đánh giá việc thực hiện chức trách đánh giá cán bộ GV, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện các nội quy về giờ giấc, theo thang bậc định lượng. Cuối tháng, Ban lãnh đạo khoa và Công đoàn khoa sẽ tiến hành tổng kết đánh giá từng giảng viên trong khoa về hiệu quả làm việc và công khai kết quả trong khoa. Sau đó, kết quả được gửi về Hội đồng Thi đua Khen thưởng để phê duyệt **[H6.06.02.02]**. Đồng thời Quyết định 38/QĐ-ĐHĐL đã quy định hệ số áp dụng để làm cơ sở chi trả tiền lương, quy định đưa ra các thang định lượng tính điểm đánh giá với điểm số cao nhất là 100. Thang điểm này đã đánh giá được tổng thể mức độ hoàn thành công việc của GV đối với các chức danh PGS, TS và các chức danh GV khác **[H6.06.01.34]**, **[H6.06.01.35]**.

Vào cuối năm học, các giảng viên Khoa KT&QL đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua bản tự đánh giá kết quả dựa trên khối lượng giảng dạy và NCKH **[H6.06.02.03]**, **[H6.06.01.05]**. Căn cứ trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đối với mỗi giảng viên, lãnh đạo Khoa đánh giá, trình lên Nhà trường và Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường phân loại, bình xét và xếp loại thi đua: “*Chiến sĩ thi đua cơ sở*”, “*Bằng khen cấp Bộ*”, “*Bằng khen cấp EPU*”, “*Giấy khen cấp trường*” Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả đào tạo, đăng ký học tập để bồi dưỡng và đánh giá quá trình học tập không ngừng của giảng viên **[H6.06.01.86]**, **[H6.06.01.83]**. Một số cán bộ và giảng viên của Khoa và Bộ môn TCKT nhiều năm liền đạt được thành tích như Bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Đây là kết quả của sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của toàn bộ GV trong Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, sự phát triển của Nhà trường và nâng cao phẩm chất năng lực bản thân mỗi giảng viên **[H6.06.01.07]**.

Bảng 15: Thống kê giờ giảng của giảng viên

Năm học	Khoa	TCKT
2017-2018	11,848	5,167
2018-2019	12,011	6,484
2019-2020	12,744	6,921
2020-2021	14,634	10,291

Bảng 16: Thống kê giờ NCKH của giảng viên

Năm học	Khoa	TCKT
2017-2018	6,517	3,294
2018-2019	5,274	2,970
2019-2020	7,176	3,518
2020-2021	6,431	4,322

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của khối ngành đào tạo KT đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Nhà trường đã ban hành những quy định trong đó có tiêu chí cụ thể và đầy đủ để đánh giá hiệu quả công việc của CBGV theo các chức danh khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Số lượng sinh viên/giảng viên còn cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng TCCB và Khoa KT&QL thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đối với ngành Kế toán, xây dựng thêm

nhiều biện pháp khuyến khích GV nâng cao chuyên môn, tham gia các khóa học online và offline để tăng chất lượng và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học.

Trong năm 2022, Khoa có kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho ngành Kế toán và một số giảng viên sẽ hoàn thành chương trình nghiên cứu sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển dụng là một trong những yếu tố then chốt để xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ để đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.03.05]. Vì vậy, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng [H6.06.01.80], [H6.06.01.81], [H6.06.01.82]. Quy định tiêu chí, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với từng chức vụ Trưởng khoa, phó trưởng khoa, GV chính, GV tập sự được quy định trong Quyết định 555/QĐ-ĐHDL ngày 27/4/2018, Quyết định 20/QĐ-HĐT ngày 01/10/2019 và Quyết định 39/QĐ-HĐT ngày 26/8/2020 của Nhà Trường [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]. Đối với Trưởng khoa phải có trình độ Tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại Khoa, đối với Phó khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ trở lên.

Các ứng viên tham gia dự tuyển làm giảng viên ngành KT của Khoa KT&QL phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 và điều 4 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư 36/2014/TT-BGD&ĐT, có trình độ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản [H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.02.04] và phải vượt qua bài sát hạch theo hình thức giảng dạy và phỏng vấn trực tiếp. Tất cả các tiêu chuẩn tuyển chọn giảng viên đều được Nhà trường công bố công khai trong thông báo tuyển dụng, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.01.03]. Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Giảng viên mới

trúng tuyển phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự phải hoàn thành việc nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường theo chính sách nhân sự của Trường **[H6.06.01.17]**. Giảng viên sẽ được chính thức bổ nhiệm ngạch khi hoàn thành chương trình tập sự và đạt được các yêu cầu của Nhà trường. Đối với GV tập sự, khi kết thúc thời hạn tập sự, Khoa sẽ tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV tập sự, căn cứ vào kết quả của Khoa gửi lên, Nhà trường và phòng TCCB tổ chức họp rà soát để đưa ra kết luận về kéo dài/kết kết Hợp đồng lao động đối với GV tập sự **[H6.06.01.07], [H6.06.01.14] [H6.06.01.15]**.

Khoa KT&QL tuân thủ các quy định thực hiện tuyển dụng GV. Từ năm 2016-2021, Khoa KT&QL đã tuyển dụng được 21 cán bộ giảng viên, trong đó có 3 giảng viên trình độ chuyên môn PGS.TS, 7 cán bộ giảng viên có trình độ chuyên môn Tiến sĩ, 11 cán bộ GV có trình độ Thạc Sĩ và đang làm nghiên cứu sinh. Đối với Bộ môn TCKT, Khoa bổ sung 1 PGS.TS, 3 Tiến sĩ, 3 Thạc sĩ, tất cả đều là GV cơ hữu của Khoa **[H6.06.01.88], [H6.06.02.04]**. Các cán bộ giảng viên này đều có phẩm chất đạo đức và năng lực học thuật, NCKH tốt; được trau dồi kiến thức và học tập tại nước ngoài (Pháp, Australia, Trung Quốc...) hoặc tại các trường đại học có danh tiếng trong nước (Trường ĐH KTQD, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, Trường Học viện Tài chính...).

Nhà trường và Khoa KT&QL cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của giảng viên (giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa, phó trưởng khoa và các trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm; đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương **[H6.06.03.04], [H6.06.01.68], [H6.06.01.69], [H6.06.01.70]**. Năm học 2017 - 2018, có 01 cán bộ giảng viên của Khoa được bổ nhiệm làm giảng viên chính, đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo Thông tư 08/2018/TT_BDGT về điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các trường đại học **[H6.06.03.04], [H6.06.01.83], [H6.06.03.05], [H6.06.03.06], [H6.06.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí kinh nghiệm thực tế kế toán, kiểm toán; ngoại ngữ chưa được chú trọng trong tiêu chí tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL và Phòng TCCB nâng cao tiêu chí tuyển dụng GV, NCV ngành kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, vì vậy công tác đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Nhà trường và Khoa KT&QL.

Tiêu chí về năng lực đội ngũ giảng viên đã được xác định rất rõ ràng ngay từ khâu tuyển dụng. Mặc dù, những ứng viên trúng tuyển làm giảng viên của Khoa KT&QL đều đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị Thạc sĩ, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm theo quy định và trình độ tiếng Anh phải đạt IELTS 5.0 hoặc TOEFL 450 quốc tế. Trong những năm qua, nhằm chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm cho đội ngũ giảng viên, Nhà trường thường xuyên cử các giảng viên của Khoa đi tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và cũng đã tổ chức riêng 2 khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên **[H6.06.04.05]**. Thông qua các chương trình học này, giảng viên được trang bị kiến thức, kỹ năng để chuẩn hóa năng lực sư phạm, nâng cao năng lực NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của giảng viên ngày càng hiệu quả. Giảng viên của Nhà trường được đào tạo bài bản, tỷ lệ giảng viên được đào tạo trình độ Tiến sĩ tại nước ngoài cao. Từ năm 2016-2021, Khoa KT&QL đã tuyển dụng cán

bộ giảng viên đáp ứng trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng của Nhà trường tổ chức và đạt được Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm **[H4.04.02.04]**. GV ngành KT thường xuyên được cử tham gia các hội thảo khoa học, khóa học nâng cao chuyên môn, cập nhật chuyên môn của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA), Hiệp hội kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA).

Kết thúc mỗi học phần, Nhà trường đều khảo sát lấy ý kiến người học đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá khuyết danh. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của sinh viên đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học **[H5.05.01.05]**. Chất lượng công tác giảng dạy của mỗi giảng viên cũng được nhà trường đánh giá hàng tháng, năm và làm căn cứ để chi trả thu nhập hàng tháng cho đội ngũ giảng viên **[H6.06.01.61]**, **[H6.06.01.08]**. Các cán bộ GV của Khoa luôn nhận được thông tin phản hồi tích cực từ kết quả đánh giá của người học về môn học giảng dạy thông qua phiếu đánh giá khuyết danh **[H6.06.04.10]**.

Khoa KT&QL luôn tích cực thực hiện đánh giá năng lực giảng dạy cùng với tổ chức hoạt động Seminar thường xuyên **[H1.01.03.06]**. Năm học 2018-2019, GV của Bộ môn TCKT hoàn thành một đề tài cấp bộ. CBGV luôn có ý thức nâng cao năng lực bản thân thông qua những chứng chỉ nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán có uy tín trong nước và quốc tế. Cụ thể, có 01 GV đạt chứng chỉ ACCA - Chứng chỉ kiểm toán Anh Quốc, 01 GV đạt chứng chỉ CPA của Bộ Tài Chính, 03 GV đang theo học chương trình ACCA và 01 GV đạt học bổng chứng chỉ CertIFR tại Smarttrain - tổ chức đào tạo hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp các chương trình đào tạo kế toán - tài chính quốc tế chuyên sâu. Cán bộ GV ngành KT thường xuyên được cử đi học và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ các khóa đào tạo chuyên sâu và các hội thảo trong nước và quốc tế **[H6.06.04.04]**, **[H6.06.04.05]**, **[H6.06.04.06]**, **[H6.06.01.52]**.

Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên; định mức giờ chuẩn cho từng giảng viên **[H6.06.01.61]**, **[H6.06.04.01]**, **[H6.06.04.02]**, **[H6.06.04.03]**. Đây là cơ sở để Nhà trường tổ chức đánh giá, bình xét thi đua năm học và đánh giá viên chức hàng năm. Theo đó, mỗi giảng viên báo cáo kết quả giảng dạy, NCKH của cá nhân, tự đánh giá, phân loại và tự nhận hình thức thi đua khen thưởng **[H6.06.01.04]**, **[H6.06.02.05]**, **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.04.08]**. Báo cáo

đánh giá được trình bày trong cuộc họp Khoa để tập thể Khoa đóng góp ý kiến và đánh giá, phân loại, bình bầu các danh hiệu thi đua hàng năm cho từng cán bộ GV của Khoa và Trường [H6.06.01.10]. Sau đó, kết quả này được Nhà trường và Hội đồng thi đua đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Các kết quả đều được lưu trữ tại phòng Hành chính quản trị và Nhà trường. Trong năm học 2017-2018, 2019-2020, 2020-2021, Khoa KT&QL đã nhận được danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, GV bộ môn luôn hoàn thành xuất sắc, tốt các nhiệm vụ, thể hiện sự nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao năng lực giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.04.09], [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn thường xuyên triển khai và tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực và nghiệp vụ, thu hút số lượng GV tham gia đông đảo [H4.04.02.04]. Tỷ lệ GV đạt trình độ tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm của Khoa từ năm 2017-2021 đạt mức cao.

Bảng 17: Tỷ lệ giảng viên của Khoa và bộ môn TCKT đạt bằng, chứng chỉ

Chứng chỉ	Tỷ lệ có bằng, chứng chỉ của GV khoa	Tỷ lệ có bằng, chứng chỉ của GV BM TCKT
Tin học	100%	100%
Ngoại ngữ	97,3%	100%
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	97,3%	100%

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy kế toán được Nhà trường và Khoa KT&QL xác định rất rõ ràng và nhất quán; được thực hiện đánh giá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau [H6.06.01.07]. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng phấn đấu nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH; các cấp quản lý có cơ sở để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực giảng viên của Khoa KT&QL được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của phiếu đánh giá giảng viên. Việc đánh giá GV chưa tổng hợp đầy đủ các ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT&ĐBCL kết hợp với Khoa KT&QL sẽ phổ biến tới sinh viên tầm quan trọng của phiếu đánh giá trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần thay đổi phương thức thực hiện đánh giá giảng viên để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn trong công tác đánh giá. Việc đánh giá cần được đánh giá toàn diện (bao gồm các bên liên quan) và có tỷ trọng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin, việc học tập, bồi dưỡng, nâng cao phát triển trình độ chuyên môn là nhu cầu tất yếu. Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên đóng vai trò là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Nhà trường và Khoa KT&QL rất chú trọng trong những năm vừa qua. Hàng năm, Nhà trường có gửi thông báo về đăng ký kế hoạch bồi dưỡng. Sau đó, Khoa KT&QL tiến hành tổ chức đăng ký kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cho các cán bộ GV trong Khoa theo yêu cầu của Nhà trường. Bản kế hoạch đăng ký có nội dung về thời gian học, hình thức các khóa học (online, offline) và kinh phí được tài trợ [H6.06.01.83]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của giảng viên, cũng như nhân sự cho công tác chuyên môn, Khoa sẽ gửi bản tổng hợp đăng ký kế hoạch lên Phòng TCCB [H6.06.01.83], [H6.06.05.02]. Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.85]. Cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động này đều được nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương và giảm định mức giảng dạy; Hỗ trợ kinh phí khi hoàn thành chương trình NCS và được cấp bằng tiến sĩ; đảm bảo các chế độ đúng theo quy định trong thời gian đi học [H6.06.01.52]. Đối với cán bộ giảng viên làm nghiên cứu sinh tại Trường sẽ được hỗ trợ học 100% học phí nghiên cứu sinh và giảm trừ 40% định mức giảng dạy mỗi năm [H6.06.01.34], [H6.06.01.35].

Khoa và Bộ môn TCKT thường xuyên cử GV tham gia các buổi hội thảo về nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán được tổ chức bởi các tổ chức đào tạo quốc tế có uy

tín trong và ngoài nước như: ACCA, CMA, VACPA, Smarttrain... Từ năm 2017 - 2020, 8 cán bộ giảng viên của Khoa (danh sách GV được cử đi học đính kèm trong minh chứng) đã được cử đi tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế IFRS của Bộ Tài Chính tổ chức **[H6.06.05.01]**. Thông qua những khoá học ngắn hạn này, các giảng viên được cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên để đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên đúng như Chiến lược của Khoa đã đề ra **[H5.05.04.07]**. Bên cạnh đó, cán bộ GV bộ môn TCKT của Khoa luôn có tinh thần bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn bằng cách tham gia các Hội thảo online và offline về cập nhật kiến thức của các bên đối tác - trung tâm đào tạo chuyên môn Kế toán - Kiểm toán có danh tiếng như: ACCA, ICAEW, CPA Việt Nam, Smarttrain, Vietsourcing, ... Các hoạt động này nhận được sự hưởng ứng và tham gia tích cực từ đội ngũ cán bộ GV bộ môn TCKT. Bên cạnh các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nằm trong kế hoạch của Nhà trường, GV ngành Kế toán cũng tích cực tham gia các khóa học không nằm trong kế hoạch đăng ký với nhà trường, do cá nhân tự bỏ kinh phí để học tập như: khóa học dài hạn và ngắn hạn về chứng chỉ kiểm toán quốc tế ACCA, khóa học Cer-IFR, Dip-IFRS, khóa học ngắn hạn về thuế của BTC, khóa học Management accounting của Smarttrain...

Việc nâng cao chuyên môn, phát triển đội ngũ học tập có chất lượng cao đã đưa đến những sự phát triển trong nghiên cứu, triển khai nội dung chuyên môn cập nhật yêu cầu quốc tế. Cụ thể, tháng 10/2018, Trường Đại học Điện Lực và Khoa KT&QL kết hợp với Viện nghiên cứu chiến lược thương hiệu và cạnh tranh (BSCI) đã tổ chức Hội thảo Khoa học cấp Quốc gia “*Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của DN Việt Nam*”, các cán bộ GV đã tích cực tham gia xây dựng, viết bài và chỉnh sửa bài Hội thảo, đóng góp công sức to lớn vào sự thành công của Hội thảo Khoa học. Năm 2020, hội thảo khoa học quốc gia “ *Tăng trưởng xanh: Quản trị và phát triển doanh nghiệp*”, Khoa KT&QL – Trường ĐHDL cùng Khoa Kinh tế và Kế toán, Khoa TCNH và QTKD - Trường Đại học Quy Nhơn (QNU), Khoa QTKD - Trường Đại học Thương mại (TMU), Khoa Kế toán – Kiểm toán -Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (UEB) và BCSI, các nghiên cứu thể hiện năng lực NCKH của GV trong khoa, ứng dụng đào tạo chuyên môn trong kết nối mạng lưới **[H6.06.05.01]**.

Khoa KT&QL hiện tại có 15 GV đang học NCS. GV ngành KT đang có 4 NCS, số GV còn lại đang chuẩn bị các điều kiện về ngoại ngữ, NCKH và các ý tưởng cho

việc đăng ký NCS trong năm tới. Khoa luôn đề cao và khuyến khích GV bổ sung kiến thức cũng như thi chứng chỉ nghề nghiệp kế toán - kiểm toán trong và ngoài nước. Hiện tại, Bộ môn TCKT đang có 03 GV theo học Chứng chỉ ACCA của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc, 01 GV đạt học bổng chứng chỉ CertIFR tại Smarttrain - tổ chức đào tạo hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp các chương trình đào tạo kế toán - tài chính quốc tế chuyên sâu. Số lượng GV tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn khác của đội ngũ GV bộ môn TCKT được thể hiện ở bảng 18.

Bảng 18: Thống kê hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Khoa trong giai đoạn 2016 - 2021

Năm	Nội dung	Số lượng GV khoa tham gia	Số lượng GV TCKT tham gia
2017	Chương trình bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, khoa	6	2
2017	Bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp hội nghị	2	1
2018	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	2	0
2019	Tập huấn khai thác tài nguyên giáo dục cho cán bộ chủ chốt về CNTT và thư viện điện tử	1	1
2019	Bồi dưỡng chứng chỉ CNTT cơ bản	22	11
2019	Tập huấn nghiệp vụ viết báo	2	1
2019	Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên dạy chuyên môn bằng tiếng Anh	7	3
2019	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III	30	16
2019	Tập huấn nghiệp vụ văn thư lưu trữ	3	1
2020	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng II	19	11
2020	Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính 2020	4	1
2020	Trung cấp chính trị - hành chính K7-CT11	4	1
2021	Khóa đào tạo giảng viên nguồn về quản trị DNNN	8	6

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các GV ngành KT được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

3. Điểm tồn tại

Các GV chưa thực hiện đăng ký đầy đủ các nhu cầu đào tạo chuyên sâu ngành kế toán, chưa chủ động trong quá trình cập nhật các khóa học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Bộ môn TCKT và Khoa KT&QL có kế hoạch khuyến khích học tập chuyên sâu cho các GV Kế toán nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá hiệu quả công việc của GV dựa trên khối lượng giảng dạy và NCKH, Nhà trường ban hành Quyết định 136 về chế độ làm việc của giảng viên và Quyết định 796 về Quy chế quản lý hoạt động KHCN, có quy định cụ thể riêng cho GS và giảng viên cao cấp, GV chính, GV và GV tập sự [H6.06.01.61], [H6.06.01.64]. Định kỳ năm, Khoa triển khai kế hoạch làm việc theo năm của GV theo các nội dung đào tạo (giảng dạy, ra đề thi, chấm thi), nghiên cứu khoa học, phát triển khoa, học tập bản thân, truyền thông, hỗ trợ cộng đồng,... [H5.05.04.07], [H6.06.01.02], [H6.06.06.05].

Hàng tháng, GV tự đánh giá xếp loại thi đua gửi về Khoa, Khoa sẽ tổng hợp xếp loại gửi về phòng TCCB. Sau đó, Nhà trường tổ chức cuộc họp về kết quả lao động trong tháng để làm cơ sở trả thu nhập cho đội ngũ giảng viên (hiện tại là Quyết định 38/QĐ-ĐHĐL, ngày 16/01/2020) và có gửi lại Kết luận cuộc họp của Hội đồng Thi đua - khen thưởng qua email cho từng Khoa và cán bộ GV. Cuối năm, Nhà trường có thông báo về các đơn vị tổ chức đánh giá, phân loại công chức, viên chức [H6.06.01.08]. Các Khoa sẽ tổ chức buổi tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên trong năm học để làm cơ sở bình xét các hình thức thi đua, khen thưởng khác nhau theo những tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong các quy chế về thi đua khen thưởng [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03], [H6.06.06.04].

Những giảng viên hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác; cụ thể là đối với mức độ đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, cán bộ giảng viên phải đáp ứng các tiêu chí a, b, c, d tại khoản 1 Mục 4.1 Công văn số 9226/BCT-TCCB của Bộ Công Thương, trung bình cộng điểm thi đua trung bình 7 tháng đầu năm đạt từ 97 điểm trở lên và trung bình cộng điểm đánh giá hiệu quả công việc 3 tháng cuối năm đạt từ 81 điểm trở lên. Đối với mức độ đánh giá “Hoàn thành nhiệm vụ”, cán bộ GV phải đáp ứng các tiêu chí a, b, c, d tại khoản 1 Mục 4.1 Công văn số 9226/BCT-TCCB, trung bình cộng điểm thi đua trung bình 7 tháng đầu năm đạt từ 94 điểm trở lên và trung bình cộng điểm đánh giá hiệu quả công việc 3 tháng cuối năm đạt từ 80 điểm trở lên. Mức độ đánh giá cuối cùng là “Không hoàn thành nhiệm vụ”, cán bộ GV có 1 trong các tiêu chí tại khoản 1 Mục 4.1 Công văn số 9226/BCT-TCCB, trung bình cộng điểm thi đua trung bình 7 tháng đầu năm đạt dưới 91 điểm và trung bình cộng điểm đánh giá hiệu quả công việc 3 tháng cuối năm đạt dưới 78 điểm [H6.06.01.45]. Trong các năm từ 2015-2020, Khoa KT&QL và ngành KT luôn có cán bộ, GV đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua” theo hướng dẫn của Bộ Công thương và hướng dẫn hàng năm của Trường Đại học Điện lực, tỷ lệ GV ngành KT “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao” [H6.06.01.07], [H6.06.01.10]. Bên cạnh đó, Khoa KT&QL có thực hiện hệ thống đánh giá riêng của khoa đối với từng GV [H6.06.06.02], [H6.06.06.07], [H6.06.06.08], [H6.06.06.09], [H6.06.01.28] .

Bảng 19: Số lượng giảng viên của ngành KT được khen thưởng các cấp:

Hình thức	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Chiến sĩ thi đua	02	02	01	01	01
Hoàn thành XS nhiệm vụ	02	04	02	01	01
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	07	05	09	10	11

Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ giảng viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân sẽ tạo động lực cho cán bộ giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu. Ngoài ra, hàng tháng Nhà trường đều tổ chức đánh giá hiệu quả công việc của mỗi giảng viên để làm cơ sở trả thu nhập hàng tháng cho đội ngũ giảng viên. Trong nhiều năm, các GV của Khoa đa số được đánh giá đạt hiệu quả cao trong công việc, một số GV được cộng điểm do có sự đóng góp trong các hoạt động ngoại khóa của Trường và Khoa [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.07], [H6.06.01.08].

Nhà trường cũng có quy định khen thưởng đối với những công trình khoa học công bố trên các tạp chí uy tín của nước ngoài. Theo đó, những bài báo được đăng tải trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus, ISI đều được thưởng tiền từ 20.000.000 triệu đến 30.000.000 triệu đồng [H6.06.01.34], [H6.06.01.35]. Đối với giảng viên là NCS, nhà trường luôn chú trọng sát sao theo dõi kết quả học tập của các NCS để có thể kịp thời đôn đốc, hỗ trợ và khuyến khích NCS hoàn thành kế hoạch trước thời hạn [H6.06.06.01]. Đối với giảng viên là tiến sĩ, nhà trường có định mức về các công trình công bố hàng năm, và đây là cơ sở để các giảng viên được hưởng hệ số thu hút khi chi trả lương hàng tháng [H6.06.01.26]. Từ năm 2016 đến nay, Khoa KT&QL có 7 GV được hưởng hệ số thu hút chi trả lương. Khối lượng nghiên cứu, giảng dạy và năng lực chuyên môn của GV được ghi chép trong hồ sơ khoa học, năng lực để từ đó có cơ sở đánh giá, ghi nhận [H6.06.01.88].

Bằng những chính sách quản trị theo kết quả công việc nêu trên nên trong những năm qua, nhiều giảng viên của nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua. Số lượng các công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín ngày càng tăng. Số lượng công trình nghiên cứu khoa học của Khoa từ năm 2016-2021 tăng theo cấp số nhân [H6.06.01.05].

Các quy chế về lương, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý khoa học và công nghệ, quy chế thi đua khen thưởng đều được lấy ý kiến góp ý của tất cả các cán bộ, giảng viên trong nhà trường; quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động. Các công văn lấy ý kiến xây dựng, góp ý cho dự thảo các Văn bản quy định hiện hành về đánh giá hiệu quả công việc đều được gửi qua email cho cán bộ GV của Khoa, của ngành và thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động [H6.06.04.01], [H6.06.04.02].

Qua các buổi họp Khoa, Nhà trường, các cán bộ, GV hài lòng với kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của Khoa, Nhà trường. Các cán bộ, GV trong Khoa có kết quả thi đua khen thưởng đều được đánh giá cao của tập thể cán bộ GV Khoa [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi giảng viên, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH mà

còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Chính sách NCKH mới áp dụng cho GV, NCV tiến sĩ, chưa được mở rộng cho GV, NCV có trình độ Thạc sĩ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2022, Phòng TCCB xây dựng chính sách khuyến khích NCKH (cho các GV, NCV có trình độ thạc sĩ).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa KT&QL đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác NCKH đối với từng giảng viên. Các loại hình và định mức NCKH của giảng viên được quy định rõ trong quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường. Từ năm 2017, ngoài các định mức chung về khối lượng NCKH quy định trong quy chế quản lý hoạt động KHCN, đối với các giảng viên của Khoa có trình độ tiến sĩ, nhà trường còn có quy định cụ thể về số lượng công trình công bố trên các tạp chí là tối thiểu 02 bài báo trên các tạp chí được tính. Việc triển khai các hoạt động KH&CN đã được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục; được quy định cụ thể trong Quy chế Hoạt động Khoa học công nghệ [H6.06.04.07], [H6.06.06.03]. Quy chế về QLKH CN của Trường đã xác định rõ các loại hình nghiên cứu khoa học của trường, đồng thời, quy chế này cũng đưa định mức chuẩn về NCKH cho từng chức danh giảng viên, từ GV cao cấp đến GV hợp đồng, GV cao cấp là 280 tiết nghiên cứu KH/năm, GV phải đạt 160 tiết NCKH/năm. Quy chế cũng quy đổi tính giờ NCKH cho GV giữ chức vụ quản lý (đối với Trưởng khoa, phó Khoa).

Tổng hợp khối lượng NCKH qua 5 năm (2016-2021) đã được Khoa KT&QL thống kê gồm 15 đề tài các cấp, 178 bài báo đăng trên các tạp chí và 92 bài hội thảo trong nước và quốc tế [H6.06.01.05].

Bảng 20: Bảng so sánh khối lượng nghiên cứu khoa học qua trong 5 năm của Khoa KT&QL

Khoa	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Tổng cộng
Đề tài Cấp Bộ	1	0	1	1	0	3
Đề tài Cấp trường	6	5	1	0	0	12
Bài báo	9	18	38	24	45	178
Hội thảo	6	23	10	28	30	92

Để đánh giá chính xác và khoa học về chất lượng KH&CN của giảng viên, Nhà trường và Khoa KT&QL tổ chức định kỳ rà soát yêu cầu tất cả đề tài NCKH các cấp đều phải có công bố khoa học. Trước khi được nghiệm thu, mỗi đề tài phải có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học hoặc 01 bài hội thảo **[H6.06.04.07]**. Nhà trường cũng có các chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên đăng tải các bài báo trên các tạp chí uy tín quốc tế (ISI, SCOPUS) cũng như khuyến khích công bố các kết quả NCKH tại các hội nghị trong và ngoài nước.

Bảng 21: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2016-2021)

TT	Phân loại đề tài	Hệ số (**)	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm 2016- 2017	Năm 2017- 2018	Năm 2018- 2019	Năm 2019- 2020	Năm 2020- 2021	
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	1	0	1	1	0	3
3	Đề tài cấp trường	0.5	6	5	1	0	0	6
4	Tổng	15	7	5	2	1	0	9

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 9

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,3

Bảng 22: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong giai đoạn 2016 - 2021

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	4	5	14
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	17	38	24	41	48	168
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	0	0	0	0	1
	Tổng	178	18	38	24	45	53	182

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 182

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,5

Cán bộ giảng viên của Khoa cũng tích cực tham gia biên soạn xuất bản sách tham khảo, sách giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng.

Bảng 23: Số lượng cán bộ cơ hữu thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2016 – 2021

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	2				-	4
2	Sách giáo trình	1,5			2	-	-	3
3	Sách tham khảo	1,0		2	1	-	-	3
4	Sách hướng dẫn	0,5					-	-
5	Tổng	7	2	2	3	-	-	10

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 10

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,19

Bảng 24: Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2016 – 2021

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách
----------------------	--

	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	8	7	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	5	8	7	

Kết thúc năm học, Khoa KT&QL luôn có hoạt động đánh giá, so sánh kết quả thực hiện các hoạt động NCKH của giảng viên qua các năm. Mỗi GV có tổng hợp công trình NCKH hàng năm đảm bảo yêu cầu của một GV đại học [H6.06.01.88]. Từ đó, Khoa và các giảng viên sẽ đưa ra các định hướng nghiên cứu mới và khắc phục những nhược điểm còn tồn tại trong công tác NCKH [H1.01.03.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh giảng viên. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hằng năm khi kết thúc năm học. GV Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có phân tích, đánh giá thống kê để có định hướng NCKH giảng viên những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng QLKH&HTQT và Khoa KT&QL thực hiện phân tích, đánh giá số liệu thống kê NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên của Nhà trường và Khoa KT&QL đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. Hoạt động NCKH được Khoa KT&QL rất coi trọng, nhờ đó các giảng viên được nâng cao năng lực chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường và Khoa KT&QL đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên hằng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng khoa. Giảng viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được nhà trường công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên được nhà trường và Khoa KT&QL thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ hỗ trợ, phục vụ là thành phần không thể thiếu và là một trong những yếu tố quan trọng giúp giảng viên hoàn thành tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của nhà trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đối với mỗi loại chức danh công việc, hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo ngành kế toán.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Các căn cứ vào kế hoạch sử dụng lao động, các công văn của trường Đại học Điện lực, quyết định của trường về phê duyệt kế hoạch bổ sung lao động cho các đơn vị trực thuộc trường, kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ các bộ phận (trung tâm Học liệu, trung tâm Công nghệ thông tin, phòng Đào tạo, Khảo thí và đảm bảo chất lượng, phòng Công tác sinh viên, trực giảng, trung tâm Thực hành – thí nghiệm) **[H6.06.01.03]**. Điều này đã thể hiện rõ công tác phân tích/ dự báo về nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường ĐHDL nói chung, ngành KTDN nói riêng.

Tại Trường ĐHDL, các quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ rõ ràng, các quy định hiện hành về việc chấm dứt hợp đồng và cho cán bộ nghỉ hưu đối với cán bộ hỗ trợ được áp dụng theo Luật lao động, Luật viên chức **[H6.06.01.73]**, **[H6.06.01.81]**. Đồng thời, nhà trường có chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt, đội ngũ cán bộ hỗ trợ có trình độ là tiến sỹ, nhà trường có hệ số phụ cấp lương thu hút, nhằm thu hút được lực lượng lao động chất lượng cao trong quản lý **[H6.06.01.85]**, **[H1.01.01.05]**.

Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của các đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng **[H6.06.01.03]**, **[H7.07.01.01]**. Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng, Phòng TCCB nhà trường triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình về công tác tuyển dụng **[H6.06.01.81]**. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử

của Trường và một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.03]**. Cơ cấu, số lượng của từng vị trí việc làm đối với đội ngũ hỗ trợ, phục vụ cũng được nhà trường phân tích và xác định rõ trong đề án vị trí việc làm **[H6.06.01.01]**, **[H6.06.01.02]**.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các bộ phận như trung tâm Học liệu, trung tâm Công nghệ thông tin, phòng Đào tạo, Khảo thí và đảm bảo chất lượng, phòng Công tác sinh viên, trực giảng, trung tâm Thực hành – thí nghiệm ... được thực hiện theo các quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp đơn vị giai đoạn 2017-2021 và 2021-2026 nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt luôn đủ về số lượng, chất lượng, thực hiện nhiệm vụ nhà trường giao trong mọi giai đoạn công việc **[H6.06.01.54]**, **[H6.06.01.55]**, **[H6.06.01.58]**.

Việc thu hút, tuyển dụng, phát triển và quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.85]** **[H7.07.01.01]**. Đội ngũ hỗ trợ phục vụ cho CTĐT KTDN đơn vị chuyên môn luôn được đào tạo, phát triển hàng năm. **[H6.06.01.83]**.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên trong trường cụ thể như sau:

Trung tâm Học liệu có 06 lao động với chuyên môn phù hợp **[H7.07.01.15]**, **[H7.07.01.16]**, **[H7.07.01.17]** có nhiệm vụ hỗ trợ quản lý đầu mục giáo trình, sách tham khảo, báo cáo và luận văn tốt nghiệp của ngành; tư vấn hỗ trợ sinh viên nhiệt tình trong quá trình mượn, trả học liệu. Thư viện luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin và lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên trong trường nói chung và cho ngành Kế toán nói riêng. Thư viện nhà trường mở cửa phục vụ SV học tập từ 7h30 tới 19h hằng ngày (trong đó có thời gian hỗ trợ mượn tài liệu thư viện và thời gian tự học của sinh viên tại thư viện), thể hiện rõ qua bản mô tả công việc của Trung Tâm học liệu **[H7.07.01.13]**.

Phòng Đào tạo có 08 lao động **[H7.07.01.15]**, thực hiện quy trình đào tạo, hỗ trợ sinh viên đăng ký môn học và xếp thời khóa biểu, tư vấn lịch học phù hợp đối với các đối tượng sinh viên của ngành KTDN; hỗ trợ xét điều kiện tốt nghiệp, phát bằng

tốt nghiệp. Thái độ của nhân viên hỗ trợ đào tạo luôn nhẹ nhàng, niềm nở và nhiệt tình đối với sinh viên **[H7.07.01.09]**.

Phòng KT&ĐBCL có 06 lao động **[H7.07.01.15]**, bao gồm các công việc hỗ trợ xây dựng quy trình, kế hoạch thi kết thúc học phần, thi cuối khóa, quản lý hệ thống ngân hàng đề thi cho từng môn học của ngành Kế toán; hỗ trợ quản lý bài thi và lưu trữ bài thi; hỗ trợ cập nhật và thống nhất điểm thi cho sinh viên ngành Kế toán **[H7.07.01.11]**.

Phòng CTSV có 07 lao động **[H7.07.01.15]**, thực hiện hỗ trợ quản lý sinh viên nghỉ học, bỏ học, quản lý báo cáo kết quả rèn luyện của sinh viên, hỗ trợ thống kê học bổng cho sinh viên; hỗ trợ quản lý chế độ bảo hiểm, miễn giảm học phí cho sinh viên **[H7.07.01.10]**.

Bộ phận công nghệ thông tin có 04 lao động **[H7.07.01.15]**, thực hiện công việc hỗ trợ quản lý account, email; hỗ trợ đăng nhập sử dụng các phần mềm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và quản lý sinh viên.

Trung tâm CNTT có 4 lao động đều có bằng cấp về CNTT **[H7.07.01.15]**, đảm bảo khả năng hỗ trợ GV và SV trong việc giảng dạy và học tập về các vấn đề liên quan hệ thống thông tin, mạng Internet **[H7.07.01.14]**.

Phòng Trục giảng có 05 lao động **[H7.07.01.15]**, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ việc sử dụng có hiệu quả hệ thống giảng đường và thiết bị trên giảng đường, hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo của ngành kế toán cả môn lý thuyết và môn thực hành **[H7.07.01.09]**.

Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm có 9 lao động **[H7.07.01.15]**, thực hiện quản lý hệ thống phòng thí nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác giảng dạy và học tập các môn thực hành, thực tập.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tốt về nhu cầu nghiên cứu khoa học. Hiện tại Phòng QLKH&HTQT có 07 lao động **[H7.07.01.15]**, thực hiện công việc hỗ trợ tổng hợp kết quả sơ duyệt các sáng kiến, các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên ngành KTDN để xét duyệt, xác nhận khối lượng nghiên cứu khoa học **[H7.07.01.12]**.

Tất cả đội ngũ hỗ trợ, phục vụ đều được đảm bảo số lượng nhân viên phù hợp, hiệu quả trong hoạt động, đều có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, (đa phần các trưởng phòng đều có trình độ Tiến sĩ, như trung tâm CNTT, Đào tạo, CTSV,

KT&ĐBCL, QLKH và HTQT) để đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực để giải quyết các vấn đề cho giảng viên và người học ngành Kế toán [H7.07.01.15], [H7.07.01.16], [H7.07.01.17].

Bên cạnh đó, các giảng viên ngành Kế toán cũng được phân công kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập. Cố vấn học tập là những người am hiểu cấu trúc chương trình đào tạo, nội dung của các khối kiến thức có trong chương trình, nội dung và vị trí của từng môn học được nhà trường tổ chức giảng dạy. Không chỉ cung cấp thông tin, cố vấn học tập còn là người khích lệ, động viên, giúp đỡ sinh viên phát huy năng lực bản thân để có thể tự giải quyết các vấn đề cá nhân trong quá trình theo học tại trường. Mỗi cố vấn học tập là một nhân tố then chốt trong mối quan hệ nhà trường-sinh viên. Cố vấn học tập là một chuyên gia tư vấn về học tập và việc làm cho sinh viên, đồng hành cùng sinh viên trong suốt quá trình học tập. Bên cạnh đó, các cố vấn học tập còn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong việc tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động, phong trào xã hội, hoạt động cộng đồng; phối hợp với Phòng CTSV, Đoàn thanh niên nhà trường để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên; kết hợp với Ban cán sự và Chi đoàn lớp chấm điểm rèn luyện hàng tháng, học kỳ, năm học của sinh viên. Đội ngũ giảng viên ngành Kế toán gồm 13 giảng viên đều được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập các lớp chuyên ngành kế toán, đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có trình độ công nghệ thông tin, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc kịp thời, nhiệt tình cho sinh viên của ngành và để thực hiện nhiệm vụ này hiệu quả, mỗi giảng viên không quản lý quá 02 lớp trong 1 năm. Bên cạnh đó, việc tương tác giữa cố vấn học tập và nhân viên hỗ trợ của các phòng ban tạo điều kiện cho sinh viên dễ dàng tiếp cận được các thông tin về học tập, nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động xã hội một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ. Điều này đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Dưới đây là danh sách giảng viên bộ môn KTDN kiêm cố vấn học tập các lớp thuộc chuyên ngành KTDN [H7.07.01.20]; [H7.07.01.21]; [H7.07.01.22]; [H7.07.01.23]

Bảng 25 : Danh sách cố vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2018-2019

TT	Lớp	Họ và tên giảng viên	Thời gian CVHT	Số QĐ
1	D10KT1	Nguyễn Thị Kim Chi	Từ 06/8/2018 đến 30/6/2019	QĐ1190 ngày 07/8/2018
2	D13KT2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 04/9/2018 đến 30/6/2019	QĐ1507 ngày 31/8/2018

TT	Lớp	Họ và tên giảng viên	Thời gian CVHT	Số QĐ
3	D11KT2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 06/8/2018 đến 30/6/2019	QĐ1190 ngày 07/8/2018
4	D13KT1	Đinh Thị Lan	Từ 04/9/2018 đến 30/6/2019	QĐ1507 ngày 31/8/2018
5	D11KT1	Đinh Thị Lan	Từ 06/8/2018 đến 30/6/2019	QĐ1190 ngày 07/8/2018
6	D13KT3	Nguyễn Đức Quang	Từ 04/9/2018 đến 30/6/2019	QĐ1507 ngày 31/8/2018
7	D12KT1	Nguyễn Đức Quang	Từ 06/8/2018 đến 30/6/2019	QĐ1190 ngày 07/8/2018
8	CLC.D12KTDN	Ngô Thị Thúy Ngân	Từ 06/8/2018 đến 30/6/2019	QĐ1190 ngày 07/8/2018
9	D10KT2	Trần Thu Huyền	Từ 06/8/2018 đến 30/6/2019	QĐ1190 ngày 07/8/2018
10	D13LTKTDN1	Bùi Nhất Giang	Từ 13/2/2019 đến 30/6/2019	QĐ402 ngày 09/4/2019
11	D13LTKTDN2	Bùi Nhất Giang	Từ 13/2/2019 đến 30/6/2019	QĐ402 ngày 09/4/2019

Bảng 26: Danh sách cố vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2019-2020

TT	Lớp	Họ và tên giảng viên	Thời gian CVHT	Số QĐ
1	D11KTDN2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
2	D13KTDN2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
3	D11KTDN1	Đinh Thị Lan	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
4	D13KTDN1	Đinh Thị Lan	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
5	CLC.D11KTDN	Lê Quỳnh Anh	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
6	D14KTDN3	Bùi Nhất Giang	Từ 01/9/2019 đến 30/6/2020	QĐ1171 ngày 16/9/2019
7	D12KTDN1	Nguyễn Đức Quang	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
8	D13KTDN3	Nguyễn Đức Quang	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
9	CLC.D12KTDN	Ngô Thị Thúy Ngân	Từ 05/8/2019 đến 30/6/2020	QĐ978 ngày 02/8/2019
10	CLC.D14KTDN	Ngô Thị Thúy Ngân	Từ 01/9/2019 đến 30/6/2020	QĐ1171 ngày 16/9/2019
11	D14KTDN1	Trần Thu Huyền	Từ 01/9/2019 đến 30/6/2020	QĐ1171 ngày 16/9/2019
12	D14KTDN2	Trần Xuân Giao	Từ 01/9/2019 đến 30/6/2020	QĐ1171 ngày 16/9/2019

Bảng 27: Công tác cố vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2020-2021

TT	Lớp	Họ và tên giảng viên	Thời gian CVHT	Số QĐ
1	D15KTDN1	Nguyễn Thị Kim Chi	Từ 19/10/2020 - 30/6/2021	QĐ1337 ngày 16/10/2020
2	D13KTDN2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 10/8/2020 -	QĐ889 ngày

TT	Lớp	Họ và tên giảng viên	Thời gian CVHT	Số QĐ
			30/6/2021	11/8/2020
3	D15KTDN2	Lê Quỳnh Anh	Từ 19/10/2020 - 30/6/2021	QĐ1337 ngày 16/10/2020
4	D15KTDN3	Lê Quỳnh Anh	Từ 19/10/2020 - 30/6/2021	QĐ1337 ngày 16/10/2020
5	D14KTDN3	Bùi Nhất Giang	Từ 10/8/2020 - 30/6/2021	QĐ889 ngày 11/8/2020
6	D12KTDN1	Nguyễn Đức Quang	Từ 10/8/2020 - 30/6/2021	QĐ889 ngày 11/8/2020
7	D13KTDN3	Nguyễn Đức Quang	Từ 10/8/2020 - 30/6/2021	QĐ889 ngày 11/8/2020
8	D14KTDN2	Trần Xuân Giao	Từ 10/8/2020 - 30/6/2021	QĐ889 ngày 11/8/2020
9	D15KTDN4	Trần Xuân Giao	Từ 19/10/2020 - 30/6/2021	QĐ1337 ngày 16/10/2020
10	D14KTDN1	Ngô Thị Hiền	Từ 10/8/2020 - 30/6/2021	QĐ889 ngày 11/8/2020
11	D15LTKTDN	Ngô Thị Hiền	Từ 1/12/2020- 30/6/2021	QĐ1704 ngày 18/12/2020

Bảng 28: Danh sách cố vấn học tập các lớp thuộc bộ môn KTDN năm học 2021-2022

TT	Lớp	Họ và tên	Thời gian CVHT	Số QĐ
1	D15KTDN1	Nguyễn Thị Kim Chi	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
2	D13KTDN2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
3	D15KTDN2	Nguyễn Ngọc Hiền	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
4	D14KTDN3	Bùi Nhất Giang	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
5	D13KTDN1	Đinh Thị Lan	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
6	D16KTDN1	Đinh Thị Lan		QĐ984 ngày 26/10/2021
7	D13KTDN3	Nguyễn Đức Quang	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
8	D16KTDN4	Ngô Thị Thúy Ngân		QĐ984 ngày 26/10/2021
9	D15LTKTDN	Trần Thu Huyền	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
10	D14KTDN2	Trần Xuân Giao	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
11	D15KTDN3	Trần Xuân Giao	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
12	D14KTDN1	Ngô Thị Hiền	Từ 16/8/2021 đến 30/6/2022	QĐ791 ngày 04/10/2021
13	D16KTDN2	Ngô Thị Hiền		QĐ984 ngày 26/10/2021
14	D16KTDN3	Vũ Thị Hương		QĐ984 ngày 26/10/2021

TT	Lớp	Họ và tên	Thời gian CVHT	Số QĐ
15	D16KTDN5	Vũ Thị Hương		QĐ984 ngày 26/10/2021

Ngoài ra, khoa có 1 giáo vụ khoa thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổ chức sắp xếp và quản lý văn bản, hồ sơ, tài liệu của ngành kế toán; trực văn phòng, cập nhật và gửi các văn bản, thông báo, quyết định, các thông tin của nhà trường tới các giảng viên; đảm bảo yêu cầu thông tin liên lạc, tổ chức sắp xếp công việc hàng ngày nhằm hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của ngành Kế toán.

Phiếu khảo sát sinh viên, giảng viên hàng năm về mức độ hài lòng đối với các phòng ban, Trung tâm Học liệu, Trung tâm CNTT đã được thực hiện nhằm tìm hiểu về trạng thái thỏa mãn mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ giảng viên và hỗ trợ [H7.07.01.18].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng TCCB cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực để đáp ứng được yêu cầu công việc được phân công, nhà trường luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng. Nhà trường có văn bản thông báo tuyển dụng bao gồm tiêu chí tuyển dụng đối

với cán bộ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm cụ thể **[H6.06.01.03]**, **[H7.07.02.01]**, **[H7.07.01.07]**.

Các tiêu chí được đưa ra cụ thể trong quá trình tuyển dụng, lựa chọn các nhân viên hỗ trợ thực hiện chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện của ngành đào tạo.

Tiêu chí chung áp dụng đối với các cán bộ nhân viên trong trường học:

1. Đủ sức khỏe, kỹ năng, chuyên môn, trình độ phù hợp trong công việc được phân công để làm việc.
2. Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống phù hợp, ý thức kỷ luật tốt.
3. Có năng lực làm việc tốt, yêu nghề, giao tiếp và hỗ trợ tốt khoa chuyên môn và sinh viên trong thực hiện chương trình đào tạo.

Trên thực tế, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm **[H6.06.01.83]**, **[H7.07.02.01]**; đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương **[H6.06.01.73]**. Việc tuyển dụng, điều chuyển dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu lao động và ý kiến đóng góp về vị trí việc làm **[H7.07.02.07]**. Dựa vào các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên hỗ trợ đào tạo ngành **[H7.07.02.04]**, nhà trường xét cụ thể các tiêu chí tuyển dụng hàng năm nhằm tuyển dụng nhân lực phù hợp, nhằm đạt hiệu quả cao trong tuyển dụng, đồng thời tuyển dụng được nguồn nhân lực phù hợp cho nhiệm vụ hỗ trợ ngành đào tạo.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trong thông báo tuyển dụng của Nhà trường **[H7.07.02.02]** **[H7.07.02.03]**, **[H7.07.02.04]** với những tiêu chí cụ thể sau:

- Có quốc tịch Việt Nam và có địa chỉ thường trú tại Việt Nam;
- Có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật tốt;
- Có văn bằng, chứng chỉ, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của ngành dự tuyển; trình độ ngoại ngữ phù hợp theo quy định của Bộ Giáo dục.
- Có lý lịch rõ ràng

Bên cạnh đó, các ứng viên dự tuyển cần đáp ứng thêm một số tiêu chuẩn như tuổi đời dự tuyển không quá 40, không có khuyết tật về hình thể và không nói ngọng, nói lắp.

Các nhân viên hỗ trợ đều được đào tạo đúng chuyên ngành, có trình độ từ đại học (cao đẳng) trở lên, luôn nhiệt tình hỗ trợ giảng viên, sinh viên khi có nhu cầu. Nhờ tính chuyên môn hóa cao, mỗi nhân viên hỗ trợ phụ trách từng phân hành công việc khác nhau, phục vụ chung cho các chuyên ngành đào tạo. Ví dụ, tại phòng đào tạo, để hỗ trợ cho hoạt động đăng ký môn học của sinh viên là cô Vũ Thị Thoa; hỗ trợ cho hoạt động tra cứu điểm của sinh viên là cô Tô Thị Phương Lan; hỗ trợ sắp xếp lịch dạy và học là cô Trần Thị Kim Dung... Tại phòng công tác sinh viên, để hỗ trợ cho hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là cô Dương Thị Thu Hồng; hỗ trợ quản lý hoạt động ngoại khóa sinh viên là thầy Phùng Minh Tuấn... Tại phòng KT&ĐBCL, để hỗ trợ công tác tổ chức thi tốt nghiệp, tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Anh cho sinh viên có cô Nguyễn Vân Anh, thầy Dư Quang Trung; hỗ trợ công tác trực và coi thi có thầy Trần Nam Dương.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB thực hiện phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược của nhà trường. Chính vì vậy, công tác xây dựng và chuẩn hóa

đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được Nhà trường quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Các quy định về các phương thức đánh giá năng lực của cán bộ công nhân viên được ghi rõ ràng trong một số văn bản **[H7.07.03.01]**.

Căn cứ dựa trên các tiêu chí của mỗi công việc theo đề án việc làm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi viên chức đều được Nhà trường đánh giá theo tháng dựa trên các tiêu chí về chấp hành các quy định của nhà trường, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.01]**. Kết thúc năm, nhà trường cũng triển khai đánh giá, phân loại viên chức, bình xét thi đua năm học **[H7.07.03.01]** nhằm làm rõ ưu, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể các viên chức trong nhóm đội ngũ công tác hỗ trợ khoa chuyên môn trong triển khai chương trình đào tạo, được xem xét và đánh giá khá chi tiết quá trình thực hiện công việc của cá nhân.

Việc xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đã được thực hiện hàng năm và đồng thời được lưu tại 02 bộ phận: phòng ban chức năng và Phòng TCCB **[H7.07.03.02]**. Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá bởi sự hài lòng của các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cụ thể phiếu khảo sát sự hài lòng đã được thực hiện từ năm 2018 **[H7.07.01.18]**.

Thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá thông qua các cuộc họp thường xuyên tại các bộ phận chức năng. Kết quả đánh giá đội ngũ hỗ trợ, phục vụ ngành đào tạo đều đạt mức hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho thấy đội ngũ hỗ trợ, phục vụ của nhà trường đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu của vị trí việc làm và được ghi nhận trong báo cáo, hồ sơ hàng năm của đội ngũ hỗ trợ **[H7.07.03.03]**, **[H7.07.03.04]** **[H7.07.03.05]** **[H7.07.03.06]**. Tuy nhiên trong một số trường hợp, các cán bộ công nhân viên thực hiện công việc chưa tốt, hoặc không đạt tiêu chuẩn, nhà trường thực hiện luân chuyển cán bộ phù hợp để thực hiện triển khai công việc hỗ trợ đào tạo hợp lý **[H7.07.03.03]**. Cụ thể, tổng hợp kết quả đánh giá hàng năm trong giai đoạn 2017-2021 đối với các bộ phận hỗ trợ như sau:

Bảng 29: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2017
Theo QĐ100 ngày 25/01/2018

STT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG	Tổng
1	Đào tạo	0	10	0	0	0	10
2	Hành chính quản trị	0	26	1	0	0	27
3	Khảo thí & kiểm định chất lượng	3	5	0	0	1	9
4	Kế hoạch tài chính	1	4	1	0	2	8
5	Quản lý khoa học & hợp tác quốc tế	1	6	0	0	2	9
6	Tổ chức cán bộ	1	5	1	0	1	8
7	TT ACT	1	4	0	0	0	5
8	TT ART	0	4	0	0	1	5
9	Dịch vụ đời sống	0	12	1	0	0	13
10	Đào tạo thường xuyên	0	5	1	0	0	6
11	TT Học Liệu	1	7	0	0	0	8
12	TT Hợp tác & Quốc tế	0	4	1	0	1	6
13	Thanh tra pháp chế	0	19	2	0	0	21
Tổng		8	111	8	0	8	135

Bảng 30: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2018
Theo QĐ2257 ngày 13/12/2018

TT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không đánh giá	Tổng
1	Đào tạo	0	7	0	0	0	7
2	Hành chính quản trị	0	21	0	0	0	21
3	Khảo thí & kiểm định chất lượng		0	0	0	0	0
4	Kế hoạch tài chính	0	2	0	0	0	2
5	Quản lý khoa học & hợp tác quốc tế	0	1	0	0	0	1
6	Tổ chức cán bộ	0	1	0	0	0	1
7	TT ACT	0	5	0	0	0	5
8	TT ART	0	2	0	0	0	2

TT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không đánh giá	Tổng
9	Dịch vụ đời sống	0	11	0	0	0	11
11	TT Học Liệu	0	6	0	0	0	6
12	TT Hợp tác & Quốc tế	0	4	0	0	0	4
13	Thanh tra pháp chế	0	14	0	0	0	14
Tổng		0	74	0	0	0	74

Bảng 31: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2019
Theo QĐ1691 ngày 25/12/2019

STT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG	Tổng
1	Đào tạo	1	8	1	0	0	10
2	Hành chính quản trị	0	23	0	0	0	23
3	Khảo thí & kiểm định chất lượng		0	0	0	0	0
4	Kế hoạch tài chính	0	6	0		1	7
5	Quản lý khoa học & hợp tác quốc tế	1	6	1	0	0	8
6	Tổ chức cán bộ	0	4	0	0	0	4
7	TT ACT	0	0	0	0	0	0
8	TT ART	0	0	0	0	0	0
9	Dịch vụ đời sống	0	10	0	0	0	10
10	Đào tạo thường xuyên	0	5	1	0	0	6
11	TT Học Liệu	0	6	0	0	0	6
12	TT Hợp tác & Quốc tế	0	0	0	0	0	0
13	Thanh tra pháp chế	0	12	0	0	0	12
Tổng		2	80	3	0	1	86

Bảng 32: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2020
Theo QĐ1758 ngày 28/12/2020

STT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG	Tổng
1	Đào tạo	6	3	0	0	0	9

STT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG	Tổng
2	Hành chính quản trị	7	12	1	0	1	21
3	Khảo thí & kiểm định chất lượng	2	4	0	0	0	6
4	Kế hoạch tài chính	0	7	0	0	1	8
5	Quản lý khoa học & hợp tác quốc tế	0	8	0	0	0	8
6	Tổ chức cán bộ	1	4	0	0	0	5
7	TT ACT	0	5	0	0	0	5
8	TT ART	0	1	0	0	1	2
9	Dịch vụ đời sống	0	9	0	0	0	9
10	Đào tạo thường xuyên	0	5	1	0	0	6
11	TT Học Liệu	0	6	0	0	0	6
12	TT Hợp tác & Quốc tế	0	0	0	0	0	0
13	Thanh tra pháp chế	0	12	0	0	0	12
Tổng		16	76	2	0	3	97

*Bảng 33: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2021
Theo QĐ36 ngày 11/01/2022*

STT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG	Tổng
1	Đào tạo	1	7	0	0	0	8
2	Hành chính quản trị	4	16	0	0	4	24
3	Khảo thí & kiểm định chất lượng		0	0	0	0	0
4	Kế hoạch tài chính	1	6	0	0	1	8
5	Quản lý khoa học & hợp tác quốc tế	1	6	0	0	0	7
6	Tổ chức cán bộ	1	4	0	0	0	5
7	TT ACT	0	5	0	0	0	5
8	TT ART	0	1	0	0	1	2
9	Dịch vụ đời sống	1	7	0	0	0	8

STT	Phòng ban	HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG	Tổng
10	Đào tạo thường xuyên	1	5	0	0	0	6
11	TT Học Liệu	1	5	0	0	0	6
12	TT Hợp tác & Quốc tế	0	0	0	0	0	0
13	Thanh tra pháp chế	2	10	0	0	0	12
Tổng		13	72	0	0	6	91

Và kết quả đánh giá xếp loại giảng viên kiêm cố vấn học tập chuyên ngành KTDN và giáo vụ khoa được tổng hợp thông qua các bảng dưới đây:

Bảng 34: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2017

(Theo số 100/QĐ-ĐHĐL ngày 25/01/2018)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tố Tâm	Trưởng Bộ môn TCKT	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 22%, hoàn thành tốt: 78%,
2	Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
3	Nguyễn Ngọc Hiền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
4	Đinh Thị Lan	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
5	Nguyễn Đức Quang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
6	Lê Quỳnh Anh	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
7	Trần Thu Huyền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
9	Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
10	Vương Thị Hồng	Giáo vụ khoa	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

Bảng 35: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2018

(Theo số 2257/QĐ-ĐHĐL ngày 13/12/2018)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tố Tâm	Trưởng Bộ môn KTDN	Hoàn thành XS nhiệm vụ	Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 44,4%, hoàn thành tốt: 55,6%,
2	Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
3	Nguyễn Ngọc Hiền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
4	Đinh Thị Lan	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
5	Nguyễn Đức Quang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
6	Lê Quỳnh Anh	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
7	Trần Thu Huyền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
9	Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
10	Vương Thị Hồng	Giáo vụ khoa	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

Bảng 36: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2019

(Theo số 1691/QĐ-ĐHDL ngày 25/12/2019)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tố Tâm	Trưởng Bộ môn KTDN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 18%, hoàn thành tốt: 50%, hoàn thành: 25%, không xét: 7%
2	Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
3	Nguyễn Ngọc Hiền	Giảng viên	Hoàn thành nhiệm vụ	
4	Đinh Thị Lan	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
5	Nguyễn Đức Quang	Giảng viên	Hoàn thành nhiệm vụ	
6	Lê Quỳnh Anh	Giảng viên	Hoàn thành nhiệm vụ	
7	Trần Thu Huyền	Giảng viên	Hoàn thành XS nhiệm vụ	
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
9	Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
10	Bùi Nhất Giang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
11	Trần Xuân Giao	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
12	Ngô Thị Hiền	Giảng viên	Không xét	
13	Vương Thị Hồng	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

Bảng 37: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2020

(Theo số 1758/QĐ-ĐHDL ngày 28/12/2020)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tố Tâm	Trưởng Bộ môn KTDN	Hoàn thành XS nhiệm vụ	Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8%, hoàn thành tốt: 77%, hoàn thành: 15%
2	Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên	Hoàn thành nhiệm vụ	
3	Nguyễn Ngọc Hiền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
4	Đinh Thị Lan	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
5	Nguyễn Đức Quang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
6	Lê Quỳnh Anh	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
7	Trần Thu Huyền	Giảng viên	Hoàn thành nhiệm vụ	
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
9	Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
10	Bùi Nhất Giang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
11	Trần Xuân Giao	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
12	Ngô Thị Hiền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
13	Vũ Thị Hương	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
14	Vương Thị Hồng	Giáo vụ khoa	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

Bảng 38: Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại giảng viên kiêm CVHT bộ môn KTDN và giáo vụ khoa năm 2021

(Theo số 36/QĐ-ĐHDL ngày 11/1/2022)

TT	Họ và tên	Chức danh/chức vụ	Kết quả đánh giá	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tô Tâm	Trưởng Bộ môn KTDN	Hoàn thành XS nhiệm vụ	Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8%, hoàn thành tốt: 84%, hoàn thành: 8%
2	Nguyễn Thị Kim Chi	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
3	Nguyễn Ngọc Hiền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
4	Đinh Thị Lan	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
5	Nguyễn Đức Quang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
6	Lê Quỳnh Anh	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
7	Trần Thu Huyền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
9	Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên	Hoàn thành nhiệm vụ	
10	Bùi Nhất Giang	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
11	Trần Xuân Giao	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
12	Ngô Thị Hiền	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
13	Vũ Thị Hương	Giảng viên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
14	Vương Thị Hồng	Giáo vụ khoa	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

2. Điểm mạnh

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt; liên tục được đào tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo; được đánh giá kết quả lao động hàng tháng và hàng năm.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng TCCB và các đơn vị sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động nhằm duy trì và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên góp phần quyết định để Nhà trường phát triển trong môi trường cạnh tranh trong đào tạo như hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ được nhà trường thực hiện một cách bài bản [H7.07.04.01], [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Hàng năm, trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên thông qua nhu cầu đào tạo cá nhân, đồng thời nhu cầu của nhà trường để xác định các nội dung đào tạo trong tương lai gần cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Dựa trên đánh giá nhu cầu đào tạo cá nhân, tổ chức, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.83].

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, số lượng cán bộ công nhân viên đã tham dự các khóa đào tạo tại mỗi năm học. Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã cử 212 người đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; mở 01 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng cho 139 người và cử 52 lượt viên chức phòng chức năng tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác [H6.06.01.83]. Cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia các hoạt động này đều được nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương; đảm bảo các chế độ trong thời gian đi học.

Tất cả các chế độ chính sách đào tạo được công khai trong toàn trường thông qua quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm, Trường ĐHDL đã chi với số tiền hàng trăm triệu đồng cho đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng viên và cán bộ công nhân viên tại các bộ phận, phòng ban [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04],

[H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H7.07.04.08], [H7.07.04.09], [H7.07.04.10]. Về ý kiến phản hồi, đánh giá mức độ hài lòng của GV, CBCNV được thực hiện ngay sau khóa đào tạo, người học được hỏi đánh giá về khóa học và điền phiếu khảo sát sau khi tham gia đào tạo. Tuy nhiên việc đánh giá chỉ mới được thực hiện trên một vài khóa học.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng TCCB và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được nhà trường tổ chức đánh giá hàng tháng và đây là cơ sở để nhà trường trả lương. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch thông qua các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong các chính sách về nhân sự, về lương của nhà trường [H6.06.01.17] [H7.07.05.01].

Hàng kỳ, Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét thi đua năm học. Những nhân viên hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng [H7.07.05.05] theo đúng Quy định về thi đua khen thưởng của Nhà trường. Sự công nhận và khen thưởng hằng năm được

triển khai là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ tích cực hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Năm 2019, sự đánh giá của người học về đội ngũ hỗ trợ đạt từ mức trung bình trở lên, tỷ lệ không hài lòng rất thấp **[H6.06.04.03]**.

Các đội ngũ nhân viên đều có bản kế hoạch thực hiện công việc hàng tháng, năm dựa trên bản kế hoạch công việc hàng tháng cụ thể tại mỗi phòng ban chức năng.

Ví dụ: Giáo vụ khoa thường xuyên hỗ trợ sinh viên, giải đáp các thắc mắc qua nhiều hình thức: gặp trực tiếp, điện thoại cá nhân, email. Phòng Đào tạo thực hiện hỗ trợ sinh viên đăng kí môn học, mọi thắc mắc đã được trả lời nhanh chóng. Phòng CTSV trực tiếp hỗ trợ sinh viên nhanh chóng và hiệu quả trong quá trình hoạt động như xét học bổng, miễn giảm học phí, bảo lưu học tập. Trung tâm Học liệu đã cung cấp các giáo trình phù hợp cho môn học, thực hiện cập nhật thường xuyên các giáo trình theo yêu cầu của khoa chuyên môn. Tất cả các bộ phận hỗ trợ đã nâng cao hoạt động hiệu quả của các nhân viên hỗ trợ đào tạo, thống nhất hướng tới hiệu quả chung trong việc cung cấp một chất lượng dịch vụ tốt nhất cho các sinh viên tại Trường Đại học Điện lực **[H7.07.01.08]**.

Trong các văn bản dự thảo trước khi được ban hành chính thức, Trường Đại học Điện lực thường cho phép 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Đồng thời, các hội nghị công nhân viên chức hàng năm là thời điểm một văn bản được xem xét lần cuối cùng trước khi ban hành chính thức dựa trên số đông cán bộ công nhân viên đồng ý **[H7.07.05.03] [H7.07.05.04]**.

Dưới đây là một số bảng thống kê danh sách các cán bộ hỗ trợ và giảng viên bộ môn KTDN được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở giai đoạn 2017-2021:

Bảng 39: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2016-2017

Theo quyết định số 1707/QĐ-ĐHDL ngày 22/12/2017

STT	Họ và tên	Phòng ban, bộ phận
1	Nguyễn Đăng Toàn	Công tác sinh viên
2	Trần Quyết Thắng	Hành chính quản trị
3	Nguyễn Đăng Bộ	Tổ chức cán bộ

4	Phùng Thị Xuân Bình	Quản lý khoa học
5	Nguyễn Tổ Tâm	Bộ môn TCKT

Bảng 40: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2017-2018

Theo quyết định số 1673/QĐ-ĐHDL ngày 25/09/2018

STT	Họ và tên	Phòng ban, bộ phận
1	Nguyễn Đăng Toàn	Công tác sinh viên
2	Nguyễn Thị Phương Dung	Đào tạo
3	Đặng Hồng Sơn	Hành chính quản trị
4	Đỗ Hữu Chế	Hành chính quản trị
5	Doãn Thanh Bình	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
6	Nguyễn Đăng Bộ	Tổ chức cán bộ
7	Hoàng Thị Kim Oanh	Trung tâm Hợp tác Quốc tế
9	Nguyễn Tổ Tâm	Bộ môn TCKT
10	Đinh Thị Lan	Bộ môn TCKT

Bảng 41: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2018-2019

Theo quyết định số 1694/QĐ-ĐHDL ngày 25/12/2019

STT	Họ và tên	Phòng ban, bộ phận
1	Nguyễn Đăng Toàn	Công tác sinh viên
2	Trịnh Văn Toàn	Đào tạo
3	Chu Văn Tuấn	Đào tạo
4	Phùng Thị Xuân Bình	Tổ chức cán bộ
5	Nguyễn Đăng Bộ	Thanh tra pháp chế
6	Nguyễn Tổ Tâm	Bộ môn TCKT

Bảng 42: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi

đua cơ sở” năm học 2019-2020
Theo quyết định số 157/QĐ-ĐHDL ngày 05/03/2021

STT	Họ và tên	Phòng ban, bộ phận
1	Nguyễn Đăng Toàn	Công tác sinh viên
2	Trịnh Văn Toàn	Đào tạo
3	Đỗ Hữu Chế	Hành chính quản trị
4	Doãn Thanh Bình	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
5	Hoàng Thị Kim Oanh	QLKH&HTQT
6	Tiêu Xuân Hoàng	QLKH&HTQT
7	Chu Văn Tuấn	TT HTVL&KN
8	Nguyễn Tổ Tâm	Bộ môn TCKT

Bảng 43: Danh sách CBHT và GV bộ môn KTDN được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2020-2021

Theo quyết định số 274/QĐ-ĐHDL ngày 23/03/2022

STT	Họ và tên	Phòng ban, bộ phận
1	Nguyễn Đăng Toàn	Công tác sinh viên
2	Trịnh Văn Toàn	Đào tạo
3	Nguyễn Thị Hằng	Tổ chức cán bộ
4	Doãn Thanh Bình	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
5	Nguyễn Tổ Tâm	Bộ môn TCKT

Do căn cứ xem xét về kết quả công việc khá rõ ràng, đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường Đại học Điện lực và các cấp có thẩm quyền không có đơn thư khiếu nại về các kết luận của hội đồng về thi đua khen thưởng tại Trường ĐHDL [H7.07.05.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua, khen thưởng rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho

đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB, đơn vị sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ của nhà trường đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn, đủ về số lượng. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng đơn vị. Nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được nhà trường công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên cũng được nhà trường thực hiện bài bản theo đúng quy định và có kế hoạch hàng năm. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Với quan điểm của giáo dục hiện đại, người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định đến sự phát triển về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chất lượng đầu ra của ngành Kế toán và của Khoa KT&QL. Vì vậy tất cả các hoạt động của Trường ĐHDL, Khoa KT&QL đều hướng đến việc phục vụ người học, đáp ứng các yêu cầu của người học, đồng thời cam kết đảm bảo đầy đủ quyền lợi và lợi ích chính đáng theo văn bản hiện hành của Nhà nước, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

Để trợ giúp người học trong quá trình học tập tại ngành Kế toán thì Nhà trường và Khoa KT&QL đã luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học như thành lập trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và việc làm, định kỳ tổ chức các buổi giao lưu giữa sinh viên và doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý sinh viên, kí kết hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp ...

Ngay từ khi mới nhập học, tất cả sinh viên đều được nhà trường phổ biến, hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về chương trình giáo dục, tiến độ đào tạo, quy chế thi, kiểm tra đánh giá học phần, điều kiện để được thi kết thúc học phần, điều kiện để được thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và các quy định khác trong Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT ban hành để sinh viên hiểu rõ và tự giác phấn đấu học tập, rèn luyện đạt kết quả tốt, cũng như các hoạt động hỗ trợ sinh viên, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học (NCKH), Câu lạc bộ kỹ năng cho sinh viên và đảm bảo an toàn trong trường học.

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện chính để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, khẳng định uy tín của ngành Kế toán, của khoa KT&QL, của nhà trường trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Các sinh viên ngành Kế toán cũng đã và đang phát huy truyền thống của ngành, Khoa và Nhà trường, từ đó góp phần đưa Nhà trường trở thành một trường đại học có chất lượng.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Là đơn vị tự chủ, trực thuộc Bộ Công thương đồng thời chịu sự quản lý của Bộ GD&ĐT về lĩnh vực đào tạo, Trường ĐHDL luôn luôn thực hiện đúng các qui định về

tuyển sinh của BGD&ĐT. Đề án tuyển sinh các năm của Trường ĐHDL đã xác định rõ về chính sách tuyển sinh của nhà trường. Đề án đã quy định chi tiết về toàn bộ các đối tượng tuyển sinh, quy trình tuyển sinh **[H8.08.01.01]**. Năm 2014, Trường ĐHDL thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là người hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển 3 môn Toán, Văn, Tiếng Anh hoặc Toán, Lý, Hoá lớn hơn điểm sàn quy định. Từ năm 2015 đến nay, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học của BGD&ĐT nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy.

Bảng thống kê các phương thức tuyển sinh của Trường cho ngành Kế toán trong giai đoạn 2017 – 2021

Năm	Phương thức tuyển sinh
2017	Xét tuyển thông qua kết quả của thí sinh trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2017 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, theo tổ hợp các môn xét tuyển A00, A01, D07, D01 và theo từng mã chuyên ngành tuyển sinh (có tính cả điểm ưu tiên).
2018	Xét tuyển thông qua kết quả của thí sinh trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, theo tổ hợp các môn xét tuyển A00, A01, D07, D01 và theo từng mã chuyên ngành tuyển sinh (có tính cả điểm ưu tiên).
2019	Gồm 2 phương thức tuyển sinh - Xét tuyển thông qua kết quả của thí sinh trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Căn cứ theo từng tổ hợp các môn xét tuyển A00, A01, D07, D01.C01 và theo từng mã chuyên ngành tuyển sinh (có tính cả điểm ưu tiên). - Xét tuyển thông qua kết quả học tập của thí sinh ở trường THPT - Các điều kiện xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình chung của các môn học trong tổ hợp (A00, A01, D07, D01, C01) dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6.0 (theo thang điểm 10). Riêng hệ đào tạo chất lượng cao, điểm tổng kết môn Ngoại ngữ không thấp hơn 6.5.
2020	Gồm 3 phương thức tuyển sinh:

	1. Xét tuyển thông qua kết quả học tập của thí sinh tại trường THPT (học bạ) Các điều kiện xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình chung của các môn học trong tổ hợp (A00, A01, D07, D01, C01) dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6.0 (theo thang điểm 10). 2. Xét tuyển thông qua kết quả của thí sinh trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức 3. Xét tuyển thẳng Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng thực hiện theo khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7/5/2020.
2021	Gồm 3 phương thức tuyển sinh: 1. Xét tuyển thông qua kết quả học tập của thí sinh tại trường THPT (học bạ) Các điều kiện xét tuyển: Thí sinh có điểm trung bình chung của các môn học trong tổ hợp (A00, A01, D07, D01, C01) dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6.0 (theo thang điểm 10). 2. Xét tuyển thông qua kết quả của thí sinh trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức 3. Xét tuyển thẳng Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng thực hiện theo khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7/5/2020.

Theo đúng tinh thần của đề án, hàng năm các thông tin về tuyển sinh trường ĐHDL bao gồm: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có ngành Kế toán công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin tuyển sinh, trong cuốn những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm. Đề án tuyển sinh các năm của trường được công bố công khai trên cổng thông tin của Bộ

(thituyensinh.com.vn), của Trường ĐHĐL (epu.edu.vn, tuyensinh.epu.edu.vn), tờ rơi, facebook của trường ([epu235](https://www.facebook.com/epu235)), của khoa (fem.epu.edu.vn). Nhà trường tham gia ngày hội tuyển sinh của Bộ GDĐT tổ chức tại các địa điểm trường đại học, trường phổ thông trong cả nước **[H8.08.01.05]**.

Khi xét tuyển thì các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt. Trước năm 2015, các thí sinh trúng tuyển vào trường là những thí sinh có điểm tổng 03 môn thi lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển chung của cả trường sẽ được gọi nhập học theo ngành. Tất cả các thông tin đều được công bố công khai trong đề án tuyển sinh (năm 2018 với các khối thi A00, A01, D01 D07) **[H8.08.01.01]**.

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng đào tạo tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh (Bảng 42) **[H8.08.01.02]**, **[H8.08.01.03]**, **[H8.08.01.08]**.

Bảng 44: Thống kê tuyển sinh trong 5 năm 2016-2021(hệ chính quy)

Năm học	Khối ngành	Số TS đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (Người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm 30	Điểm trung bình sinh viên được tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8
2016-2017	KT	255	244	1.0	234	-KTDN: Khối A, A1, D1, D7: 18 đ -KTDN -CLD: Khối A, A1, D1, D7: 16 đ - KTTTC&KS: Khối A, A1, D1, D7: 16,5 đ	16.8
2017-2018	KT	389	294	0.8	162	18.00	18.0
2018-2019	KT		367		190	15,50	15,50
2019-2020	KT		196		196	15	15
2020-2021	KT	887	320	0.36	320	17	20.61
2021-2022	KT	2412	411	0.17	345	22	23.11

Riêng đối với các trường hợp tuyển thẳng, hoặc đào tạo theo hiệp định chính phủ thì quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được thể hiện trong đề án tuyển sinh của nhà trường **[H8.08.01.01]**.

Chính sách tuyển sinh của nhà trường được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, đánh giá số lượng tuyển sinh các ngành cũng như nhu cầu thị trường lao động. Hàng năm, Khoa KT&QL có thực hiện khảo sát ý kiến của người học về CTĐT và chính sách chung của nhà trường. Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy: khi thực hiện khảo sát gần 300 sinh viên ngành Kế toán có trên 80% sinh viên hài lòng về chính sách tuyển sinh của nhà trường trong thời gian vừa qua **[H8.08.01.06]**. Hàng năm, trường tổ chức họp đánh giá cùng trong Hội đồng tuyển sinh trong trường để tổng kết để điều chỉnh quy mô, phương thức tuyển sinh **[H8.08.01.02]**, **[H8.08.01.03]**. Đồng thời, để xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, Trường gửi thông báo tới Khoa KT&QL để phân tích xác định nhu cầu nhân lực cho ngành Kế toán, xác định con số tuyển sinh phù hợp nhân lực của khoa. Khoa đã họp và đánh giá số lượng giảng viên và dự báo số lượng nhân sự nghỉ theo chế độ, dự kiến định biên để xây dựng kế hoạch phát triển khoa từ đó xác định số lượng tuyển sinh đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội và phù hợp quy mô nhân sự và cơ sở vật chất của Khoa. Khoa lập kế hoạch phát triển khoa gửi Nhà trường để xây dựng chiến lược tuyển sinh **[H8.08.01.04]**, **[H8.08.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Nhà trường, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội.

3. Điểm tồn tại

Công tác xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp gặp nhiều khó khăn trong việc xác định chỉ tiêu và dự đoán số lượng tuyển sinh thực tế do sự thay đổi về chính sách tuyển sinh những năm gần đây.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng Đào tạo cùng với khoa Kinh tế và Quản lý sẽ tổ chức hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh toàn diện, phân tích chi tiết để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT,

cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển và sự thay đổi của xã hội nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường ĐHĐL được ghi rõ trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường hàng năm **[H8.08.01.01]**. Từ năm 2014 trở về trước được thực hiện rõ ràng, theo đúng quy định của Bộ GDĐT đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi Toán, Văn, Tiếng Anh, cộng điểm ưu tiên xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của nhà trường sẽ được gọi nhập học **[H8.08.02.02]**. Từ năm 2015, nhà trường cũng đã thực hiện theo quy trình như năm 2014 trở về trước nhưng điểm trúng tuyển là điểm xét theo ngành đào tạo (Bảng 42).

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường trên website: <http://tuyensinh.epu.edu.vn/home/XacNhanNH>. Sau khi có kết quả xét tuyển thì hội đồng tuyển sinh của nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành Kế toán để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo. Quá trình nhập học được tổ chức bài bản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nhập học.

Từ năm học 2015 - 2016, Trường ĐHĐL cùng Khoa KT&QL đã có những tư vấn trong tuyển chọn người học hệ chất lượng cao ngành kế toán (tiêu chí tuyển chọn là ngoại ngữ) trong ngày hội tuyển sinh. Khoa KT&QL kết hợp với nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho phù hợp với nhu cầu đào tạo của trường và theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hàng năm, sau khi hoàn thành tuyển sinh, Trường ĐHĐL tổ chức họp phân tích cơ cấu sinh viên, đánh giá số liệu sinh viên đầu vào, cải thiện tiêu chí tuyển chọn **[H8.08.02.01]**. Trong các năm 2016-2018 chỉ xét kết quả thi THPTQG, năm 2019 có xét thêm phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập các năm THPT. Khoa KT&QL tham gia quảng bá tuyển sinh, các hoạt động tuyển sinh của Nhà trường **[H8.08.02.03]**. Năm 2020, Nhà trường đã tổ chức xét tuyển theo 3 hình thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: xét tuyển học bạ, xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp và xét tuyển thẳng

[H8.08.02.04]. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh nhà trường sẽ ra thông báo mức điểm sàn nhận hồ sơ theo các hình thức tương ứng **[H8.08.02.05]**. Các cuộc họp về tiêu chí và phương thức tuyển chọn đầu vào đều có ý kiến đại diện của Hội đồng tuyển sinh, Đoàn Thanh niên, các khoa để có đưa ra những phản hồi tích cực trong công tác tuyển sinh **[H8.08.02.01]**, **[H8.08.01.08]**. Bên cạnh đó, thông qua hội nghị đối tác doanh nghiệp hàng năm, Khoa KT&QL nhận được những đóng góp về tiêu chí tuyển sinh, những thay đổi của thị trường lao động **[H8.08.01.06]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành Kế toán.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, phòng Đào tạo cùng khoa KT&QL thực hiện tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để giám sát sự tiến bộ học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập và cảnh báo học vụ, nhà trường giao trách nhiệm cho Phòng Đào tạo và Phòng CTSV. Phòng Đào tạo phân công nhiệm vụ cho chuyên viên chịu trách nhiệm, theo đó, sinh viên hàng năm đăng ký khối lượng tín chỉ theo từng học kỳ trên phần mềm, chuyên viên thông báo về kết quả đăng ký. Phòng CTSV cùng với Phòng Đào tạo giám sát công tác tiến bộ học tập của người học thông qua việc ban hành Hướng dẫn sử dụng thông tin điện tử cho phụ huynh tra cứu về kết quả học tập, tình trạng học phí,... **[H8.08.03.01]**, **[H8.08.03.02]**. Bên cạnh đó, CVHT là người sát sao với SV để theo dõi sự tiến bộ

trong học tập, rèn luyện và có những hỗ trợ SV đạt được mục tiêu học tập của mình **[H4.04.02.01]**.

Hàng kỳ, Phòng Đào tạo kết hợp với Phòng CTSV thống kê số lượng sinh viên các đạt kết quả cao trong học tập, số sinh viên phải học lại, sinh viên thôi học của ngành Kế toán đến Khoa KT&QL và cố vấn học tập để kiểm soát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của sinh viên; trên cơ sở đó, nhà trường, Khoa và CVHT có biện pháp can thiệp kịp thời **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]**, **[H8.08.03.05]**. Kết quả thống kê này được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của khoa, nhà trường **[H8.08.03.08]**, **[H8.08.04.01]**.

Đối với ngành Kế toán, người học sẽ phải hoàn thành 131 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận hoặc bài tập) trong 4 năm (8 học kỳ chính) thời gian khóa học quy định với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 13 học kỳ (6,5 năm) **[H3.03.01.02]**, **[H2.02.01.02]**, **H8.08.03.06]**, **[H8.08.03.09]**. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo loại thang điểm là thang điểm 10 và thang điểm chữ (hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập được thể hiện trong đề cương chi tiết của các học phần). Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm chữ đạt từ điểm D (4-4,9 trên thang điểm 10). Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV được trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2.0 trở lên theo thang điểm 4. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành Kế toán không vượt 20 tín chỉ (trừ học kỳ 2 năm thứ nhất có các môn học liên quan đến quốc phòng an ninh, học tập trung trên cơ sở 2). SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ. Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ Trường ĐHĐL đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: Đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác rèn luyện SV; hội đồng và các quyết định về công tác công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học, quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học **[H8.08.03.08]**. Dưới đây là bảng tổng hợp về số lượng và tỷ lệ sinh viên các khoá có điểm trung bình tích lũy dưới 2.0 của các Khoá từ D12 – D16 **[H8.08.03.07]**.

Bảng 45: Thông tin về số lượng sinh viên có điểm trung bình tích lũy dưới 2.0 từ D12 – D16

Khoá học	Số lượng SV nhập học	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
		Số lượng	(*)Tỷ lệ %	Số lượng	(*)Tỷ lệ %	Số lượng	(*)Tỷ lệ %	Số lượng	(*)Tỷ lệ %
Khoá D12	197							0	-
Khoá D13	262							1	0,38%
Khoá D14	212					2	0,94%		
Khoá D15	237			7	2,95%				
Khoá D16	345	4	1,16%						

(*) Tỷ lệ so với số lượng sinh viên nhập học

Ngay từ khi nhập học, sinh viên ngành Kế toán cũng như sinh viên toàn trường được phổ biến, hướng dẫn nội quy quản lý SV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học. Điểm rèn luyện của người học được đánh giá đảm bảo chính xác, công khai theo đúng quy định. Kết thúc học kỳ, năm học và khóa học, Khoa KT&QL tổ chức cho sinh viên tự chấm điểm đánh giá kết quả rèn luyện của mình thông qua tập thể lớp bình xét từng người một, trình hội đồng khoa và cuối cùng là Nhà trường xem xét và quyết định công nhận. Số sinh viên đạt kết quả rèn luyện đạt từ loại khá trở lên từ 95% trong 5 năm gần đây từ 2016-2021, đây là cơ sở để xét học tiếp, ngừng học, buộc thôi học, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05]

Bảng 46: Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021

Năm học	Ngành	Số lượng	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung Bình	Yếu	Kém	% khá trở lên
2016-2017	Kế toán	687	42	526	100	0	0	19	97%
2017-2018	Kế toán	672	32	487	134	5	8	6	97%
2018-2019	Kế toán	656	126	402	97	22	9	0	95%
2019-2020	Kế toán	858	75	518	198	31	30	0	92.84%
2020-2021	Kế toán	856	75	618	128	3	32	0	95.91%

(Nguồn Phòng CTSV)

Bên cạnh đó, các GV ngành Kế toán, Khoa KT&QL, Nhà trường luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập của sinh viên, khuyến khích tinh thần học tập của SV như tổ chức các buổi giới thiệu nghề

nghiệp, kết hợp với các tổ chức nghề nghiệp như ACCA, VACPA tổ chức sinh viên tham gia các buổi Job tour tại các công ty kế toán, kiểm toán; trao học bổng cho sinh viên. [H8.08.04.01], [H8.08.04.10].

2. Điểm mạnh

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong Sổ tay SV về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Kế toán nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Công tác của CVHT chưa thực sự sâu sát về theo dõi sự tiến bộ của người học trong việc rèn luyện và học tập. Phần mềm quản lý đang được xây dựng và hoàn thiện nên đôi khi còn có lỗi vận hành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng CTSV, Phòng ĐT và Khoa KT&QL cùng các CVHT sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao tiến độ chất lượng của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để giúp SV học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp thì ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện thì Trường ĐHĐL nói chung, Khoa KT&QL nói riêng đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc. Hệ thống chính trị (Đảng ủy Trường, Ban giám hiệu, Khoa KT&QL, Phòng CTSV, Phòng ĐT, Đoàn thanh niên Nhà trường, Trung tâm HTVL&KN) [H8.08.04.16], [H8.08.04.09] đã thực hiện các hoạt động như: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của các CVHT [H04.04.02.01], tổ chức hội thảo việc làm, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học SV, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV và phỏng vấn

xin việc, vay vốn tín dụng SV, [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08] [H8.08.04.10], [H8.08.04.11], [H8.08.04.12], [H8.08.04.17]. Nhà trường đưa vào hệ thống quản lý phần mềm mới để phục vụ quá trình học tập, quá trình thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên như website đăng ký môn học trực tuyến sinhvienepu.edu.vn, dkmh.epu.edu.vn; hệ thống tổ chức thi hết học phần QKT._E.TEST, tăng cường liên kết gia đình Nhà trường. Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng bá, giới thiệu về trường, khoa, ngành Kế toán trên các phương tiện đại chúng và SV được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành Kế toán sau 1 năm tốt nghiệp trong 2 năm chiếm tỷ lệ cao.[H8.08.04.14].

Với sinh viên mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học thì Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học, biết được các hoạt động CLB [H4.04.01.02], [H8.08.04.04]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình [H8.08.04.02] và đánh giá hoạt động tham gia CLB, nhóm nghiên cứu để tăng cường kỹ năng cho SV [H8.08.04.01], [H8.08.04.11], [H8.08.04.12].

Bảng 47: Bảng thống kê số lượng sinh viên nhận học bổng ngành Kế toán năm 2016-2021

Khóa	Ngành	Số lượng Sinh viên	Xuất sắc	Giỏi	Khá
2016-2017	Kế toán	39	27	7	5
2017-2018	Kế toán	62	16	19	27
2018-2019	Kế toán	48	4	35	9
2019-2020	Kế toán	54	1	22	2
2020-2021	Kế toán	67	2	43	22

(Nguồn Phòng CTSV)

Nhà trường không ngừng hợp tác với các hiệp hội, doanh nghiệp trong việc hợp tác đào tạo như ACCA Anh, IMA Hoa Kỳ, VACPA, Smart Train, MISA, ACtax cho ngành Kế toán. Đồng thời trao học bổng cho sinh viên, phần thưởng khi tốt nghiệp, học bổng của doanh nghiệp, học bổng cho thủ khoa, trong các chương trình chào tân

sinh viên của Nhà trường, của khoa. Các năm học đều nhận được học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức tài chính **[H8.08.04.09], [H8.08.04.15]**.

Trường ĐHDL có Trung tâm HTVL& KN chịu trách nhiệm hỗ trợ việc làm cho người học **[H8.08.04.16]**. Cùng với đó, Khoa KT&QL định kỳ tổ chức hội thảo tiếp cận doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, trao đổi kinh nghiệm giữa cựu sinh viên và sinh viên đang học **[H8.08.04.10]**. Khoa KT&QL cử 1 GV phụ trách web, fanpage và liên tục cập nhật về tư vấn việc làm cho SV. Bên cạnh đó, Khoa KT&QL mở trang fanpage riêng về việc làm cho SV **[H8.08.04.18]**.

Các đối tác của Khoa KT&QL hỗ trợ SV ngành Kế toán thực hành môn học, thực tập tốt nghiệp, các buổi định hướng nghề nghiệp, các học bổng nâng cao trình độ, hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khoá cho SV ngành Kế toán - Khoa KT&QL và có những hỗ trợ về tư vấn việc làm cho SV **[H8.08.04.09], [H8.08.04.10], [H8.08.04.15]**.

Về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí, Nhà trường thực hiện đầy đủ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, 49/2010/NĐ-CP, NĐ 74/2013/NĐ-CP, TT 20/2014/TTLT-BDGDĐT-BTC-BLĐTBXH. Trước năm học 2015-2016, Nhà trường cấp giấy xác nhận để SV thuộc đối tượng này về nhận trợ cấp tại các địa phương nơi gia đình SV cư trú. Từ học kỳ I năm học 2015-2016, Nhà trường trực tiếp chi trả cho SV. Nhà trường Có văn bản thông báo cụ thể thời hạn tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các chế độ ưu đãi cho SV. Chính vì thế mọi SV đều hiểu rõ thực hiện nghiêm túc, mọi chế độ liên quan đến SV đều được Nhà trường giải quyết nhanh chóng, kịp thời và đúng chế độ quy định của Nhà nước **[H8.08.04.03]**.

Bảng 48: Bảng số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành Kế toán năm 2016-2021

Năm học	Ngành	Số lượngsg	Miễn 100% HP	Miễn 70% HP	Miễn 50% HP
2016-2017	Kế toán	19	15	0	4
2017-2018	Kế toán	16	12	1	3
2018-2019	Kế toán	9	5	1	3
2019-2020	Kế toán	12	6	2	4
2020-2021	Kế toán	13	7	2	4
Tổng		69	45	6	18

(Nguồn Phòng CTSV)

Khảo sát ý kiến người học cho thấy Nhà trường chăm lo tốt nhu cầu cho SV về sức khỏe, nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các hoạt động Đoàn, Hội giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với SV [H8.08.04.13].

Nhà trường triển khai thăm dò ý kiến người học về chất lượng giảng dạy các môn học, về giảng viên; thăm dò ý kiến người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo. Ý kiến người học được tổng hợp theo các tiêu chí cho từng giảng viên, cho đơn vị và toàn trường. Để công tác thăm dò ý kiến người học thực hiện với số lượng phiếu lớn (mỗi đợt hơn 10 ngàn phiếu), đảm bảo 100% sinh viên được lấy ý kiến hàng năm và trên 90% giảng viên được lấy ý kiến, Nhà trường đã trang bị cho Phòng KT&ĐBCL phần mềm lấy ý kiến người học online, các kết quả được công bố công khai để giảng viên và người học được biết. Trường đã thực hiện việc khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên. Các kết quả cho thấy, hàng năm, tỉ lệ sinh viên xin được việc làm trên 97 % số sinh viên trả lời [H8.08.04.14]. Hàng năm, số liệu khảo sát tỷ lệ SV có việc làm được công khai trên Website Nhà trường và chi tiết theo từng ngành học. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cũng được nhà trường và Khoa KTQL chú trọng và nhận được sự đánh giá cao từ phía người học. Kết quả khảo sát những năm 2018-2019 cho thấy sự hài lòng cao 90% người học hài lòng về chất lượng, hiệu quả tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm [H8.08.04.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, khoa, đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ SV trong ngành Kế toán tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập, Trao học bổng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV và GV chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Chưa phát huy được hết các kết nối với các doanh nghiệp để thực hiện tốt hơn các hoạt động thực tập, hướng nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập và hỗ trợ khác, hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng

năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Mặc dù khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường còn hạn chế, cụ thể trường có diện tích 1,98ha ở cơ sở 1 tại Hoàng Quốc Việt- Từ Liêm Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 26.375m², và 7.9302 ha ở cơ sở 2 tại Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 37.736m², nhưng Nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với GV, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay khuôn viên của trường được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, NCKH, các khối hành chính, văn phòng với các phòng học được trang bị điều hòa, máy chiếu, camera. Một khu vực dành cho thực hành, thí nghiệm, giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng được đầu tư, bài bản, hiện đại, tầm cỡ của quốc gia với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, hội trường **[H8.08.05.01]**. Tại các khu vực này đều có những bảng, biểu hướng dẫn sử dụng cũng như quy tắc ứng xử của CBGV, SV trong Nhà trường **[H8.08.05.03]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường đã ký hợp đồng khám sức khỏe với các trung tâm y tế, đảm bảo 100% sinh viên nhập học được khám sức khỏe **[H8.08.05.02]**. Trong năm học, Phòng y tế của Trường thực hiện nhiệm vụ tư vấn sức khỏe, sơ cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường cho sinh viên và chuyển tuyến trong những trường hợp cần thiết. Nhà trường thực hiện đúng việc mua bảo hiểm y tế cho sinh viên theo quy định của Nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên **[H8.08.05.02]**. CVHT, Đoàn TN và Trung tâm HTVL&KN đóng vai trò là bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc đồng thời trực tiếp quản lý mọi mặt các hoạt động của tập thể lớp, của từng sinh viên trong quá trình học tập tại trường. Các CVHT đã lên kế hoạch, bố trí thời gian theo thời khóa biểu để gặp gỡ sinh viên, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, lập danh sách lý lịch trích ngang sinh viên, cùng gia đình sinh viên hướng dẫn phương pháp học tập đại học,

NCKH, tư vấn tâm lý cho sinh viên... Hàng năm, Phòng CTSV đều tiến hành tổng kết công tác quản lý sinh viên và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo.

Thư viện điện tử của Trường có phòng đọc rộng, được trang bị máy lạnh, có đầy đủ tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các sinh viên đều được hướng dẫn phương pháp học ở đại học, hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập, các thông tin mới nhất về các thư viện sách truyền thống và thư viện điện tử được cập nhật cho sinh viên **[H8.08.05.07]**.

Nhà trường, Khoa KT&QL thường xuyên tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia hoạt động, tập luyện văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, Nhà trường có sân thể thao đa năng, và một số sân thể thao riêng về cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, bóng đá ở cơ sở 1 và 2. Hàng năm, Nhà trường duy trì: Tổ chức hội diễn văn nghệ toàn trường vào dịp 20/11; Hội thao toàn trường vào dịp 26/3, thi giọng ca vàng, nữ sinh thanh lịch, thi cắm hoa, thi nấu ăn, thi đấu bóng đá, bóng chuyền, tennis, cầu lông, ...Đến năm 2017, Đoàn thanh niên đã thành lập được 11 câu lạc bộ sở thích để các sinh viên tham gia như Câu lạc bộ (CLB) thanh niên tình nguyện, CLB thanh niên vận động hiến máu, CLB Sinh viên nghiên cứu khoa học, CLB Robocon, CLB văn nghệ, CLB Guitar, CLB Kỹ năng sống, CLB Tiếng Anh, CLB võ thuật, CLB cầu lông, CLB nữ sinh Công tác an ninh trật tự trong Trường luôn được giữ vững với nhiều biện pháp khác nhau để triển khai nhiệm vụ an ninh, an toàn trong trường học, cụ thể là: Ban hành nội quy cơ quan, nội quy Ký túc xá. Đối với Khoa KT&QL có 3 CLB trực thuộc (CLB Kế toán – Kiểm toán – Tài chính AAF, CLB Tiếng Anh FMEC, CLB Truyền thông FEM2C) **[H8.08.05.08]** và tạo điều kiện cho SV Kế toán có cơ hội tham gia các hoạt động ngoại khoá, tăng cường các kỹ năng và sự tự tin trong quá trình học tập tại môi trường đại học.

Nhà trường có đội ngũ giữ gìn an ninh trật tự, hệ thống camera theo dõi thường xuyên, Nhà trường đã phối hợp Công an các phường, xã trên địa bàn để kiểm tra, nắm rõ tình hình học sinh, sinh viên, đăng ký tạm trú tạm vắng cho sinh viên trong ký túc xá. Do đó sinh viên luôn được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe cũng như tài sản cá nhân.

Trường duy trì tổ chức bếp ăn tập thể, căng tin để phục vụ ăn uống và các nhu cầu thiết yếu hàng ngày của sinh viên; định kỳ đã được cơ quan Y tế Hà Nội kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm **[H8.08.05.04]**.

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV **[H8.08.05.06]**, **[H8.08.05.05]**.

Văn hoá học đường là một môi trường rất quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp, vấn đề xây dựng văn hoá học đường phải được coi là trọng tâm và quan trọng trong từng trường học. Với nhận thức đó, Nhà trường đã lên kế hoạch dự thảo và lấy ý kiến để ban hành Bộ Quy định về văn hoá học đường và quy tắc ứng xử văn hoá của người học tại Đại học Điện lực. Mục đích của Bộ quy định này là hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện tại Nhà trường, quy định cách ứng xử và những việc phải làm hoặc không được làm đối với người học đang học tập tại Trường; xây dựng văn hoá học đường văn minh, hiện đại, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, điều kiện kinh tế - chính trị của đất nước và điều kiện thực tế của Nhà trường đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường. Tại Khoa Kinh tế và quản lý, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ giảng viên luôn đề cao việc xây dựng văn hoá ứng xử giữa giảng viên và sinh viên, tạo môi trường học tập lành mạnh, văn minh cho người học.

Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ việc làm, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức các hoạt động học thuật, các cuộc thi sáng tạo cũng được Khoa Kinh tế và quản lý hết sức quan tâm. Đối với ngành Kế toán, với sự đồng hành của các đối tác là các doanh nghiệp như ACTax, Công ty kiểm toán RSM, Unistars, Mazars... tham gia EPU's Job Fair hàng năm thu hút đông đảo sự quan tâm của người học. Khởi đầu mỗi năm học mới, Khoa Kinh tế và quản lý tổ chức chương trình Định hướng nghề nghiệp cho các chuyên ngành đào tạo trong đó có ngành Kế toán, đã giúp người học hiểu rõ hơn về chuyên ngành đào tạo, những kiến thức và kỹ năng đạt được khi theo học.

Môi trường và cảnh quan của Nhà trường được người học đánh giá tốt bởi đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập. Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ SV đã có tác dụng tích cực, giúp SV đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện, số

lượng sinh viên được khen thưởng ngày càng tăng. SV được khảo sát đánh giá hài lòng về môi trường, cảnh quan phục vụ học tập **[H8.08.04.13]**.

Vừa qua do đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng tới Việt Nam nói chung và sinh viên trường Đại học Điện lực nói riêng, nhà trường đã quyết định hỗ trợ sinh viên ở mức 500.000 đ/sinh viên, cùng với những suất quà hỗ trợ cho các bạn là F0 đang ở ký túc xá tại trường . Điều kiện để được hưởng trợ cấp được thông báo rộng rãi cụ thể trên trang sinh viên.epu.edu.vn. Sự hỗ trợ kịp thời này đã động viên rất lớn tới sức khoẻ và tinh thần của của các em sinh viên khi theo học. **[H8.08.05.09]**

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện... qua đó giúp rèn luyện sinh viên về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đang trong quá trình xây dựng cơ sở 1, nên mặt bằng còn hạn chế, cảnh quan chưa hoàn chỉnh. Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ, đang chờ nghiệm thu đối với một số phòng học của Nhà trường trên cơ sở 2.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Trường ĐHDL sẽ trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong Nhà trường. Nhà trường hoàn thành tòa Nhà B1 và khẩn trương xây dựng khu Nhà C, E để tạo điều kiện thuận lợi cho người học về cơ sở vật chất. Nhà trường đặt thêm nhiều ghế đá, hoàn thiện vườn hoa cây cảnh tạo không gian, cảnh quan phù hợp trong trường đại học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8:

Chất lượng người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Kế toán. Trường ĐHDL và Khoa KT&QL đã có nhiều biện pháp để đảm bảo chất lượng người học. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của các chuyên ngành khi nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại nhà trường của người học, được lưu trữ trên phần mềm quản

lý của Nhà trường, có hệ thống giám sát kết quả học tập và rèn luyện, kết nối nhà trường và gia đình sinh viên. Bên cạnh đó, người học còn được sự hỗ trợ của Khoa, nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, cấp học bổng cho những SV có thành tích học tập và rèn luyện đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà trường, cho vay vốn theo chương trình hỗ trợ của ngân hàng, các hoạt động hỗ trợ học bổng, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động đoàn thể ... nhằm khuyến khích người học nâng cao kết quả học tập, rèn luyện và NCKH.

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Hệ thống các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường ĐHDL thường xuyên đầu tư bổ sung, cải tạo, sửa chữa đã làm giàu thêm, phong phú thêm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH cho Nhà trường. Nhà trường đã tăng cường công tác quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả tối đa cơ sở vật chất hiện có, đồng thời xây dựng môi trường Nhà trường cảnh quan đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Công tác quản lý nề nếp ngày càng đi vào thực chất đáp ứng mọi nhu cầu của người học. Từ Thư viện, phòng học lý thuyết tới xưởng thực hành, phòng thí nghiệm... Trong thời gian tới Nhà trường sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực và tiếp tục đầu tư thêm các trang thiết bị để phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Để tạo điều kiện làm việc, Nhà trường bố trí nơi làm việc riêng cho nhóm giảng viên chất lượng cao như: 01 phòng cho phó giáo sư, 01 phòng sinh hoạt chuyên môn cho NCS, học viên cao học. Tuy nhiên, khi bố trí phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu Nhà trường mới chỉ dựa vào số biên chế, tính chất công việc và cách tổ chức sắp xếp nhân sự của từng đơn vị để quyết định số lượng phòng và diện tích phòng làm việc mà chưa có quy định hay thống nhất chung về vấn đề này. Dưới đây là bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường:

Bảng 49: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường

Danh mục	Số lượng/đơn vị	Ghi chú
Số phòng học	177 phòng (71 phòng CS1, 106 phòng học lý thuyết CS2 trong đó số phòng có sức chứa từ 50 chỗ đến 100 chỗ là 98 phòng, từ 100 chỗ đến 200 chỗ là 6 phòng và 2 phòng dưới 50 chỗ)	[H9.09.01.01], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]
Diện tích sử dụng giảng dạy	3.782 m ² (CS1 là 3.126m ²)	[H9.09.01.02]
Trang thiết bị	6 máy chủ, 29 laptop cho các vị trí quản lý	[H9.09.01.06]
	74 bộ camera giám sát	
	98 máy chiếu đa năng	
	31 bộ âm thanh lớp học	

Danh mục	Số lượng/đơn vị	Ghi chú
	59 máy trợ giảng	[H9.09.01.07]

(Nguồn: Trích từ thống kê cơ sở vật chất của Trường ĐH Điện lực)

Trang thiết bị vật chất trong phòng làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu như: bàn, ghế ngồi làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy phô tô đèn, quạt, điều hòa nhiệt độ, bộ phát wifi, máy tính được nối mạng đảm bảo đủ tốc độ làm việc.... Đồng thời, nhà trường áp dụng triển khai ứng dụng CNTT mạnh mẽ trong hầu hết các nội dung quản lý với nhiều phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm tổ chức thi kết thúc học phần, phần mềm thi trắc nghiệm, phần mềm thống kê lấy ý kiến người học, phần mềm chấm thi trắc nghiệm tuyển sinh, phần mềm quản lý đề thi tự luận, phần mềm thư viện điện tử, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực (<http://epu.edu.vn>), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Hệ thống phòng học, giảng đường được trang bị với nhiều trang thiết bị hiện đại nhìn chung đã đáp ứng đủ phòng học phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Các phòng học của Nhà trường đã được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện dạy và học gồm: bàn, ghế, bảng, bục, đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ, và phần lớn đã được phủ sóng wifi... [H9.09.01.07].

Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng học năm 2017 nhà trường đã quyết định thành lập tổ trực giảng và quản lý cơ sở vật chất với nhiệm vụ trực giảng, quản lý và tổ chức sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi bị hỏng hóc. Các trang thiết bị, phương tiện dạy và học đã được tổ trực giảng định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời. Mặt khác ngay sau khi được đầu tư Nhà trường đã bàn giao cho các đơn vị quản lý đưa vào sử dụng theo lịch học của Trường nên đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu về phòng học, đã hỗ trợ kịp thời và hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường [H9.09.01.08], [H9.09.01.09].

Qua kết quả lấy ý kiến của người học về tình trạng của phòng học, cơ sở vật chất với hơn 86,11% người được khảo sát không có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng học, giảng đường, và các trang thiết bị phục vụ học tập cho thấy rằng hiện tại Nhà trường đã đảm bảo tương đối số phòng học, giảng đường lớn phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo [H9.09.01.10].

Hàng năm Nhà trường vẫn tiếp tục cải tạo, sửa chữa và đầu tư thêm một số phòng làm việc, phòng học với tổng kinh phí 4 năm 2014-2017 hơn 2.2 tỷ đồng [H9.09.01.11], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13], [H9.09.01.14]. Trong thời gian 2017 – 2021, nhà trường tiếp tục triển khai lên kế hoạch đầu tư tiếp theo nhằm phục vụ tốt hơn nữa khả năng đáp ứng yêu cầu của người học, một số hạng mục đang trong quá trình hoàn thiện và sẽ được nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong năm học tới.

Khoa KT&QL đã được Nhà trường bố trí đầy đủ, kịp thời phòng làm việc và trang thiết bị cần thiết cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường cũng đã bố trí vị trí làm việc riêng cho lãnh đạo từng khoa [H9.09.01.01]. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Khoa phục vụ chuyên ngành đào tạo Kế toán được thống kê ở bảng dưới đây [H9.09.01.16]:

Bảng 50: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa KT&QL

Danh mục CSVC	Khả năng/số lượng
1 bàn họp ovan lớn	15-20 người họp
Máy in/máy foto	4
Bàn làm việc	3
Máy tính để bàn	1
Máy chiếu	4 máy chiếu (1 máy treo cố định)
Tủ gỗ để tài liệu	2
Tủ sắt phục vụ GV	4 tủ với số lượng 40 ngăn
Giá sách	1
Bảng viết	1
Quạt trần	4
Điều hòa	2
Thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, khu vực tiếp khách	với đầy đủ bàn ghế, tủ lạnh phục vụ đối tác, phụ huynh và người học

(Nguồn: Thống kê trang thiết bị Khoa KT&QL)

Văn phòng Khoa KT&QL đặt tại M302 được phân thành 1 khu vực: Khu vực 1 là khu vực làm việc riêng của Trưởng Khoa, khu vực 2 phục vụ cho họp và seminar sinh hoạt chuyên môn, khoa học, khu vực 3 khu vực làm việc riêng của Phó Khoa, khu vực 4 tiếp khách và giáo vụ. Khu vực làm việc của Trưởng phó đơn vị được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy in, tủ đựng tài liệu phục vụ nhu cầu quản lý. Khu vực 2 với bàn họp ovan lớn có khả năng phục vụ 20 người họp, các tủ sắt mỗi giảng viên được bố trí một ô phục vụ nhu cầu riêng của từng giảng viên [H9.09.01.15]. Tại văn phòng khoa chưa có bộ phận riêng phục vụ nhu cầu liên quan đến ngành đào tạo Kế toán. Tuy nhiên, mọi hoạt động sinh hoạt chuyên môn của chuyên ngành đào tạo vẫn được đảm

bảo thông qua việc đăng ký sinh hoạt về thời gian cụ thể cho giáo vụ khoa để phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Các phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, căn cứ trên số lượng của giảng viên và nhu cầu thực tế, phòng HCQT và các đơn vị liên quan bổ sung, sắp xếp bố trí phòng làm việc của khoa KT&QL, các bộ môn và phòng hội thảo, Seminar.

5. Đánh giá mức đạt của Tiêu chí: Tiêu chí đạt và điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện Trường Đại học Điện lực tại Cơ sở 1 do Trung tâm Học liệu quản lý và vận hành, hỗ trợ trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Thư viện Trường Đại học Điện lực là thành viên của Liên Chi hội Thư viện Đại học khu vực phía Bắc. Trong thời gian qua, Thư viện đã từng bước được nhà trường đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện về cơ sở vật chất và các nguồn học liệu đã đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và học tập của bạn đọc trong trường.

Bảng 51: Bảng thống kê tại Thư viện, Cơ sở 1, Trường Đại học Điện lực

Danh mục	Khả năng phục vụ	Minh chứng
Thư viện Cơ sở 1 (Nhà D)		
Diện tích sàn	924m ²	
Số phòng đọc	3 phòng	
Số chỗ ngồi	200 chỗ	
Hệ thống máy tính	6 máy tính	
Số lượng sách, giáo trình điện tử	5.532 đầu sách	

Danh mục	Khả năng phục vụ	Minh chứng
Số thư viện điện tử liên kết	74	

(Nguồn: Trung tâm Học liệu)

Các trang thiết bị chuyên dụng, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điều hòa, bàn ghế, giá, tủ, hệ thống wifi với đường truyền Internet tốc độ cao đã phù hợp và đảm bảo phục vụ ổn định các hoạt động thông tin - thư viện hàng ngày của bạn đọc. Các phòng đọc được quy hoạch phù hợp với từng đối tượng độc giả: phòng đọc tài liệu chuyên ngành, phòng đọc tại chỗ, tự học, mượn trả, với trên 200 chỗ ngồi đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của bạn đọc [H9.09.02.01], [H9.09.02.02].

Thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 8.0. Phần mềm này bao gồm các phân hệ, mỗi phân hệ có các chức năng phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ: tra cứu, biên mục, bổ sung, lưu thông, báo cáo thống kê, v.v.. Toàn bộ hoạt động của thư viện được quản lý và được truy cập thông qua mạng máy tính. Thư viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu cho các loại hình tài liệu hiện có, thông tin được mã hóa sử dụng hệ thống chip từ, mã vạch. Tại các phòng đọc, bạn đọc có thể kết nối Internet để tra cứu tài liệu, tài liệu số online hoặc sử dụng các liên kết thư viện số [H9.09.02.03].

Hiện nay, thư viện cơ cấu tổ chức của thư viện bao gồm 6 nhân sự, trong đó có 1 phụ trách trung tâm học liệu và 5 chuyên viên. Các cán bộ đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận, tập trung xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin - tư liệu; lưu giữ, quản lý thông tin, tư liệu và thư viện phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học; Quản lý và phát triển các dịch vụ thông tin - thư viện. Đội ngũ cán bộ thư viện luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình trong các hoạt động xây dựng và triển khai công tác qui hoạch, kế hoạch phát triển công tác thông tin - thư viện hàng năm, ngắn hạn, dài hạn; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nguồn lực thông tin, cơ sở dữ liệu trong, ngoài nước; Quản lý hệ thống tra cứu, mạng lưới truy cập và tìm kiếm thông tin; Tổ chức phục vụ, hướng dẫn cho người dùng tin khai thác, tìm kiếm, sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các sản phẩm dịch vụ thông tin - thư viện [H7.07.01.16].

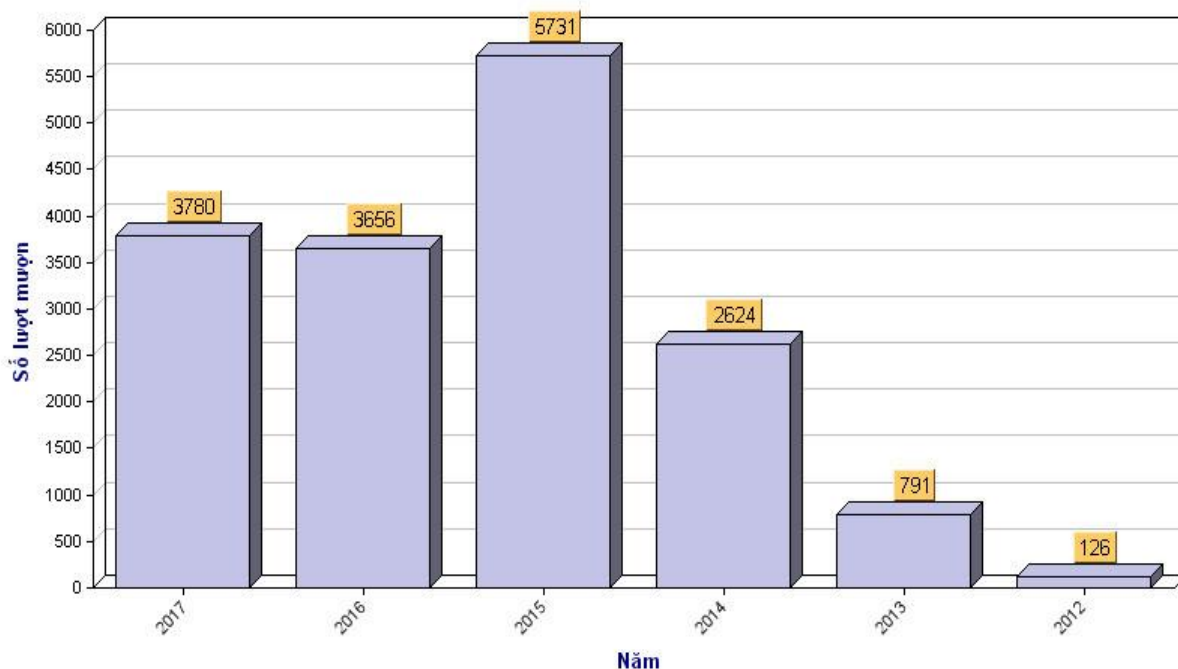
Hằng năm, trong tuần lễ sinh hoạt công dân, sinh viên được giới thiệu về mô hình hoạt động, các nội quy, qui định và hướng dẫn tra cứu, sử dụng để bạn đọc khai thác hiệu quả các tài nguyên học liệu. Tại cổng thông tin điện tử của Trung tâm Học liệu (đường dẫn: <https://arc.epu.edu.vn/>) có cũng sẵn các nội dung hướng dẫn sử dụng

hệ thống tìm kiếm, tra cứu thông tin trong thư viện. Đồng thời, khi có yêu cầu, cán bộ thư viện sẽ trực tiếp hướng dẫn bạn đọc tại các quầy thủ thư **[H9.09.02.04]**, **[H9.09.02.05]**.

Vốn tài liệu của thư viện rất phong phú và đa dạng bao gồm sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của trường. Đối với ngành Kế toán số đầu sách là 274 tương đương 1.531 cuốn sách **[H9.09.02.06]**. Học liệu liên quan đến chương trình đào tạo của chuyên ngành Kế toán cũng được cung cấp rất đầy đủ, bao gồm các giáo trình chính và tài liệu tham khảo của các môn học **[H9.09.02.11]**. Nhiều môn học được trang bị tài liệu tham khảo với cả đầu sách tiếng Việt và tiếng nước ngoài (Tiếng Anh). Bên cạnh đó, Khoa KT&QL cũng được hỗ trợ truy cập những tư liệu online từ các Hiệp hội nghề nghiệp uy tín như ACCA –Anh, IMA- Mỹ. Ngoài công tác đầu tư, mua sắm bổ sung sách và tài liệu, TTHL cũng cập nhật thêm các nguồn học liệu khác thông qua nguồn sách tặng từ các dự án, cá nhân, tổ chức **[H9.09.01.12]**.

Về kinh phí đầu tư bổ sung hàng năm, Trung tâm học liệu cũng đã thống kê số đầu sách và cuốn sách được bổ sung hàng năm sử dụng cho các CTĐT của nhà trường. Ngoài việc mua sắm bổ sung tài liệu, TTHL cũng cập nhật liên tục các tài liệu và bổ sung thêm các nguồn học liệu thông qua nguồn sách tặng từ các dự án, cá nhân, tổ chức. Điều này được thể hiện trong Bộ ĐCCT các học phần của trong mục Tài liệu tham khảo của mỗi học phần **[H1.01.01.02]**. Không chỉ vậy, TTHL cũng thực hiện việc thống kê mức độ sử dụng thư viện của sinh viên ngành Kế toán nhằm mục đích đánh giá và bổ sung thêm số lượng và chất lượng sách tương ứng **[H9.09.02.12]**.

Nguồn sách và tài liệu được bổ sung theo kế hoạch để đáp ứng yêu cầu cập nhật, phát triển nội dung các chương trình đào tạo của nhà trường. Ngoài công tác đầu tư, mua sắm bổ sung sách và tài liệu, Trung tâm Học liệu cũng cập nhật thêm các nguồn học liệu khác thông qua nguồn sách tặng từ các dự án, tổ chức, cá nhân **[H9.09.02.09]**, **[H9.09.02.14]**.



Hình 4: Biểu đồ về tần suất mượn sách của Trung tâm Học liệu

Thư viện Trường Đại học Điện lực là một thành viên của Liên hiệp Thư viện Đại học khu vực phía Bắc. Các phòng đọc cho phép bạn đọc kết nối Internet bằng hệ thống wifi và mạng LAN để tra cứu tài liệu qua phần mềm LIBOL của nhà trường cũng như các thư viện số liên kết [H9.09.02.07], [H9.09.02.08], [H9.09.02.10].

Kết quả quá trình khảo sát lấy ý kiến của người đọc các năm 2016 - 2019 về mức độ hài lòng của người đọc cho thấy Thư viện nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc. Cụ thể năm 2018, Khoa KT&QL đã khảo sát 1.740 bạn cựu sinh viên thì có 72,8% sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, 76,4% sinh viên hài lòng về tài liệu trong thư viện và 84,8% sinh viên hài lòng về mức độ hoạt động quản lý, phục vụ. Trong kết quả khảo sát đối với giảng viên, có 80% GV hài lòng về cơ sở vật chất, 90% giảng viên hài lòng về mức độ hoạt động quản lý, phục vụ [H9.09.02.13].

Hàng năm, Trung tâm Học liệu đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc đến thư viện học tập và nghiên cứu cũng như truy cập các nguồn tài liệu của thư viện. Kết quả khảo sát lấy ý kiến của người đọc các năm 2016-2020 về mức độ hài lòng đối với các hoạt động của thư viện cho thấy thư viện nhà trường đã và đang đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc. Cụ thể, năm 2019, TTHL đã thực hiện khảo sát 1.040 sinh viên có 86.4% sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, 86.8% sinh viên hài lòng về tài liệu trong thư viện và 93.3% sinh viên hài lòng về mức độ hoạt động quản lý, phục vụ. Đối với

cán bộ giảng viên, có 80% GV hài lòng về cơ sở vật chất, 90% giảng viên hài lòng về mức độ hoạt động quản lý, phục vụ **[H9.09.02.13]**.

Ngoài ra, tại Văn phòng Khoa Kinh tế và Quản lý cũng bố trí, trang bị một số giáo trình và sách tham khảo dành riêng cho sinh viên ngành Kế toán và khối ngành kinh tế. Bởi vì diện tích tại văn phòng khoa có giới hạn nên Khoa cũng đã được Nhà trường cung cấp một nhà kho để chứa giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, báo cáo thực tập của sinh viên. Khoa KT&QL thường xuyên nhận được các đầu sách CTĐT Kế toán như của IMA, ACCA, VACPA và các ấn phẩm tạp chí chuyên ngành Kế toán **[H9.09.02.14]**.

2. Điểm mạnh

Thư viện được nhà trường phân công cho Trung tâm Học liệu chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, cơ sở vật chất khang trang giúp cho việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt.

Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, báo cáo khoa học, các tạp chí, tài liệu chuyên ngành, v.v... Hệ thống trang thiết bị, phần mềm, mạng Internet với tốc độ cao, giúp bạn đọc dễ dàng truy cập và khai thác các nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Tỷ trọng các tài liệu học tập được số hoá chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, TTHL tăng tỷ lệ số hoá các tài liệu học tập.

5. Đánh giá mức đạt của Tiêu chí: Tiêu chí đạt và điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với ngành học Kế toán, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành không sử dụng nhiều. Hiện tại hệ thống mạng Internet, máy chiếu được lắp và truyền tới các phòng học. Laptop là công cụ học tập phù hợp và SV sử dụng trong quá trình học tập nên quá trình học thực hành, học kỹ năng được thực hiện giữa GV và SV trên lớp học. Hệ thống phòng máy phục vụ cho thực hành trên máy và hình thức thi trắc nghiệm

được Trung tâm CNTT phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện thống kê về số lượng phòng máy, số máy phục vụ trong phòng [H9.09.01.01], [H9.09.01.02], với tài liệu hướng dẫn và quy định cụ thể. Trung tâm CNTT hiện nay chưa thống kê tần suất sử dụng trang thiết bị phòng máy người học CTĐT Kế toán do người học CTĐT Kế toán chỉ sử dụng phòng máy để thi các môn trắc nghiệm [H9.09.03.03]. Trung tâm CNTT mới được thành lập năm 2018. Do đó, trong thời gian tới Trung tâm CNTT thống kê chi phí hàng năm chi cho trang cấp, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị phòng máy. Bảng thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của SV của Trường Đại học Điện lực [H9.09.03.02]:

Bảng 52: Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của SV của Trường ĐHDL

Phòng	Thực hành mạng	A102	A104	A105	A108
Máy tính	32	50	30	50	42
Máy chủ	2				
Tủ tài liệu	1	1	1	1	1
Máy chiếu	1	1	1	1	1
Bàn ghế	34	70	50	45	40
Giá sắt	1	1	1	1	1
Quạt	6	6	6	6	6
Điều hòa	2	2	2	2	2

Bên cạnh đó, tại văn phòng Khoa KT&QL trang bị thêm máy chiếu để phục vụ các buổi seminar nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, các trang thiết bị khác như máy trợ giảng, loa, ... cũng đã được trang bị [H9.09.03.02].

Trong quá trình học tập, các phần mềm Kế toán doanh nghiệp như MISA SME.NET hay HTKK,... được cập nhật và sử dụng. Các phần mềm hỗ trợ SV trong đào tạo, tiếp cận với công việc thực tế. Thay bằng đầu tư hệ thống phòng thực hành, SV Kế toán được trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, ngân hàng (với 4 tuần Thực hành môn học). Đây là sự đổi mới trong đào tạo của Khoa, Nhà trường đối với ngành Kế toán từ năm học 2015-2016 [H9.09.03.04], [H9.09.03.05], [H2.02.01.02].

Mặc dù hệ thống phòng thực hành và các trang, thiết bị hiện tại của Nhà trường đã đầy đủ và phù hợp với chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của CB GV và SV của Trường nhưng để đảm bảo luôn có đủ trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH,

định kỳ hàng năm Nhà trường vẫn dành một khoản kinh phí hàng tỷ đồng cho việc mua sắm bổ sung, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị trong toàn trường [H9.09.03.08]. Để nâng cao chất lượng, hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu ngày một tốt hơn định kỳ hàng năm Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến đối với giảng viên và người học về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị, kết quả khảo sát cho thấy có 82% giảng viên và người học hài lòng về số lượng và chất lượng trang thiết bị giảng dạy [H9.09.02.13].

Do đặc thù ngành Kế toán thuộc nhóm ngành Kinh tế nên không có phòng thí nghiệm, thực hành. Tuy nhiên, việc theo dõi, quản lý, sử dụng trang thiết bị và đánh giá được Tổ trực giảng (Phòng Hành chính quản trị) thực hiện hàng ngày [H9.09.03.07]. Mọi trường hợp liên quan đến khả năng hoạt động của thiết bị, hiệu quả hoạt động được GV/người sử dụng phản hồi lại Tổ trực giảng để khắc phục kịp thời đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Phòng máy phục vụ CTĐT được giao cho Trung tâm CNTT phụ trách quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng máy tính chưa đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng HCQT tăng số lượng máy tính đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

5. Đánh giá mức đạt của tiêu chí: Tiêu chí đạt và điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Về trang thiết bị và cơ sở vật chất: Hệ thống CNTT được Nhà trường đầu tư đầy đủ, phù hợp và định kỳ được cập nhật đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý của nhà trường. Thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học cho từng chuyên ngành gồm: 293 máy tính

để bàn, 16 máy tính xách tay, 4 máy chủ và 43 phần mềm phục vụ cho giảng viên và sinh viên giảng dạy, học tập như Edusoft, QMCE.Test, phần mềm đào tạo Elearning, mô phỏng tính toán lưới điện phân phối và phần mềm thư viện điện tử, WinCC... [H9.09.04.01], [H9.09.04.10], [H9.09.04.11].

Thiết bị tin học để hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành gồm: 6 máy chủ, 179 máy tính để bàn, 29 máy tính xách tay cho các bộ phận: Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm, trưởng bộ môn và chuyên viên đảm bảo 1 máy tính/người. Mỗi văn phòng khoa được trang bị ít nhất 03 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay [H9.09.04.02]. Do đó, hệ thống thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Sinh viên, CBCNV được sử dụng máy tính, cơ sở hạ tầng thông tin của Trường cho các hoạt động tìm kiếm, trao đổi tài liệu phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học. SV ngành Kế toán sử dụng hệ thống CNTT để thực hiện học tập trên giảng đường đối với các nội dung thực hành như phần mềm Misa SME.NET, HTKK, Microsoft Excel, SPSS,...[H9.09.04.13].

Về phần mềm hỗ trợ quản lý thông tin: Nhà trường sử dụng 14 phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, Cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm quản lý tiền đặt cọc, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực (<http://epu.edu.vn>), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Mỗi cán bộ quản lý, GV, nhân viên đều có email công vụ và tài khoản truy cập internet miễn phí. Mỗi CB làm việc tại văn phòng được trang bị một máy tính để bàn [H9.09.04.04]. Bên cạnh đó, các bộ phận chức năng cụ thể được phân công thực hiện việc theo dõi, vận hành, bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử [H9.09.04.02].

Nhà trường đã xây dựng website, đầu tư hệ thống wifi cho phần lớn các khu vực trong trường như KTX, Thư viện, lớp học và kết nối mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet cho tất cả các máy tính trong toàn trường. Nhà trường đang sử dụng 7 đường truyền FTTH của các nhà cung cấp: Viettel, FPT, VNPT. Với tổng số băng thông là 335 MB đảm bảo cho 670 kết nối đồng thời với tốc độ 512 kbps [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Về quản lý hệ thống công nghệ thông tin: Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin của Trường, Nhà trường đã quyết

định thành lập Trung tâm CNTT gồm các thành viên có trình độ chuyên môn cao và giao nhiệm vụ quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ công tác quản lý, giảng dạy của Nhà trường [H9.09.04.05]. Nhân sự trung tâm bao gồm cán bộ quản lý và giảng viên giảng dạy. Trong đó, cán bộ quản lý bao gồm 01 phụ trách trung tâm, 01 cán bộ quản lý tổ phần mềm, 01 cán bộ quản lý tổ đào tạo, 01 cán bộ quản lý mạng [H7.07.01.16]. Đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có kỹ năng thực tế, có thái độ tận tâm với nghề nghiệp, có ý thức tôn trọng kỷ luật và có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ cán bộ của Trung tâm CNTT luôn chủ động hỗ trợ trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường. Với tinh thần trách nhiệm cao, trực 24/7, cán bộ phụ trách luôn giải quyết được những sự cố quan trọng, giúp việc truyền tải nội dung và vận hành website hiệu quả [H9.09.04.08], [H9.09.04.09].

Định kỳ, Nhà trường kiểm tra thực trạng của công thông tin, hệ thống Email, các phần mềm và khảo sát đối với cán bộ, giảng viên và người học về các thiết bị tin học, kết quả khảo sát cho thấy có 86% cán bộ giảng viên và người học hài lòng về các thiết bị tin học phục vụ giảng dạy phục vụ hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý [H9.09.04.12]. Do đó, hệ thống thông tin được đảm bảo khả năng hoạt động tốt trong quá trình đào tạo và nghiên cứu của GV, SV.

Hiện nay, Nhà trường chưa bố trí hệ thống công nghệ thông tin phục vụ riêng cho học tập, nghiên cứu CTĐT Kế toán. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho CTĐT Kế toán thuộc hệ thống thông tin phòng máy chung của Trường do Trung tâm CNTT phụ trách. Nhà Trường cũng trang bị các thiết bị tối ưu trong Hội trường M bao gồm màn hình LED, tivi các dãy ngồi, hệ thống loa âm thanh, wifi phục vụ hội thảo, nghiên cứu, hoạt động ngoại khóa của GV, SV Nhà trường.

Mặc dù chưa có hệ thống thông tin riêng phục vụ CTĐT tuy nhiên với việc bố trí hợp lý từ đăng ký sử dụng phòng máy dựa trên kế hoạch học tập, thời khóa biểu. Thêm vào đó việc đưa SV CTĐT Kế toán đến các khóa đào tạo thực tế tại các đơn vị với trang thiết bị hệ thống thông tin đầy đủ cho các lĩnh vực quan trọng như thuế và hệ thống thuế Việt Nam, hệ thống thông tin kế toán...đảm bảo được việc đáp ứng được yêu cầu từ người học của CTĐT Kế toán. Tất cả các cán bộ, giảng viên, công nhân viên nhà trường đều được cấp email và tài khoản cá nhân để thực hiện công việc

[H9.09.04.06]. Ngoài ra, mỗi sinh viên cũng được trang bị một tài khoản cá nhân dựa theo mã số sinh viên để phục vụ quá trình học tập và đăng ký môn học [H9.09.04.07].

Tuy nhiên, ý kiến phản hồi cụ thể của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin chưa được thực hiện.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định, tuy nhiên nhiều nội dung trên phần mềm chưa được khai thác một cách hiệu quả và sử dụng hết chức năng.

Nhà trường chưa có 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp, đặc biệt trong thời kỳ dịch bệnh Covid.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng HCQT và TT CNTT hoàn thiện hệ thống CNTT trong nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất trên cách phân hệ một cách hiệu quả nhất nhằm đẩy nhanh tốc độ truyền thống. Bên cạnh đó, nhà trường có phương hướng xây dựng 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp để ứng phó với tình hình thực tiễn giảng dạy.

5. Đánh giá mức đạt của tiêu chí: Tiêu chí đạt và điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Điện lực có 02 cơ sở cách xa nhau; khuôn viên khá rộng; cơ sở 2 có 3 mặt tiếp giáp với khu dân cư, cơ sở 1 có 2 mặt tiếp giáp với đường giao thông, bên ngoài khuôn viên có nhiều hộ kinh doanh tự phát nên rất khó khăn cho công tác bảo vệ [H9.09.05.01]. Vì vậy, để tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ

tài sản, thiết bị cơ sở vật chất trong Trường, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất và có các biện pháp cụ thể như sau:

Đầu tư xây tường rào bao quanh trường và bổ sung thêm dây thép gai phía trên tường, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại một số khu vực và cổng ra vào. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có phương án, tiêu lệnh, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy ở tất cả các khu vực giảng đường, các phòng học thực hành thí nghiệm, ký túc xá

Nhà trường đã trang bị bảo hộ lao động cho CBGV và HSSV khi tham gia thí nghiệm, thực hành và ban hành hệ thống các nội quy, quy định như: nội quy phòng làm việc, nội quy phòng học, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành, nội quy KTX, nội quy ra vào cơ quan... và được treo, dán tại các khu vực phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng ở và được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong Nhà trường để thực hiện [H9.09.05.02], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05], [H9.09.05.06].

Nhà trường đã thành lập ban chỉ huy, đội phòng cháy chữa cháy, ban chỉ huy phòng chống lụt bão. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy có trách nhiệm lập kế hoạch, lập phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố xảy ra. Hàng năm nhà trường tổ chức tập huấn về công tác PCCC [H9.09.05.09], [H9.09.05.10], [H9.09.05.11], [H9.09.05.12].

Ngoài ra, để tăng cường công tác an ninh trật tự, Nhà trường thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị công an tại khu vực Sóc Sơn và Bắc Từ Liêm để tăng cường tuyên truyền giáo dục về pháp luật, về phòng chống các tệ nạn xã hội, ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương; nắm bắt tình hình và bàn biện pháp quản lý số sinh viên nội, ngoại trú và để giải quyết kịp thời khi có sự việc bất thường xảy ra. Phối hợp với Huyện đội Bắc Từ Liêm và Sóc Sơn để thành lập đội dân quân tự vệ, định kỳ lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện và được phân công trực tăng cường trong các ngày lễ, tết và các sự kiện quan trọng khác. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Công an Thành phố Hà Nội về tình hình bảo vệ chính trị nội bộ của Trường Đại học Điện lực [H9.09.05.07], [H9.09.05.08].

Nhà trường đã thành lập tổ y tế để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, khám sức khỏe, sơ cứu, cấp cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường tại chỗ cho CB CNV và sinh viên. Sinh viên sau khi nhập trường đều được khám sức khỏe đầu vào và mua

bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên [H9.09.05.14], [H9.09.05.15], [H9.09.05.16].

Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí thành khu vực riêng, có thiết kế phù hợp được trang bị các thiết bị hiện đại để thực hành, thí nghiệm và các máy móc thiết bị khác như máy chiếu, máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống âm thanh, hệ thống camera, có mạng Internet, có nội quy và hướng dẫn sử dụng thiết bị. Thư viện điện tử của Trường có phòng đọc rộng, được trang bị máy lạnh, có đầy đủ thiết bị, tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Ký túc xá cho người học được bố trí ở cả 2 cơ sở đào tạo của trường với 253 phòng, sức chứa 2.104 chỗ ở và tổng diện tích các phòng ở là 6.789 m². Các tòa nhà KTX được trang bị cầu thang máy, bình đun nước uống miễn phí cho SV, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các tiện nghi tối thiểu khác cho người ở. Trong mỗi phòng ở được trang bị đủ giường 02 tầng, tủ đựng quần áo, đèn chiếu sáng, quạt trần, giá phơi quần áo và hàng tháng mỗi SV được Nhà trường bao cấp 8kwh điện và 4m³ nước. Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, nội quy ký túc xá và được công bố công khai [H9.09.05.06], [H9.09.05.18].

Trong khu vực KTX đều có nhà ăn phục vụ sinh viên được thiết kế đúng tiêu chuẩn và trang bị đầy đủ trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Sử dụng nguồn nước sạch và thực phẩm an toàn trong quá trình chế biến. Thức ăn hàng ngày được lưu mẫu theo quy định. Nhân viên phục vụ tại nhà ăn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm. Định kỳ các cơ quan chức năng của quận, thành phố Hà Nội đến trường kiểm tra vệ sinh học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả sau khi kiểm tra đều được đánh giá tốt và đã được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H9.09.05.19], [H9.09.05.20].

Về cơ sở 2 của trường Đại học Điện lực, khu ký túc xá được xây dựng với những quy mô và trang thiết bị hiện đại, hàng kỳ, đón 700 sinh viên mỗi đợt lên học giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Phản hồi của sinh viên sau những đợt học giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng rất tích cực và có sự hài lòng cao về cơ sở vật chất, cũng như trang thiết bị.

2. Điểm mạnh

Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho SV.

Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên.

Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, phòng HCQT khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Đánh giá mức đạt của Tiêu chí: Tiêu chí đạt và điểm là 4/7.

Kết luận tiêu chuẩn 9

Trong suốt thời gian hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Điện lực luôn chú trọng đến công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; đặc biệt trong 02 năm qua Nhà trường đã đầu tư thêm kinh phí và đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đầy đủ các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho CB, GV, nhân viên cơ hữu và SV trong toàn trường. Mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH của năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

Vì vậy, trong tổng số 5 tiêu chí của Tiêu chuẩn 9 thì có 5 tiêu chí đạt yêu cầu. Tuy nhiên ở mỗi tiêu chí còn một số tồn tại cần phải khắc phục.

Để khắc phục những tồn tại, trong thời gian tới Nhà trường sẽ tăng cường và đổi mới công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất đồng thời Nhà trường có kế hoạch đầu tư để bổ sung và nâng cấp cả hai cơ sở để đáp ứng nhu cầu của một trường đại học hiện đại.

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là nhân tố cốt lõi quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở đào tạo. Trường ĐHDL nói chung, Khoa KT&QL nói riêng rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Để phát triển CTDH, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên là hết sức cần thiết. Điều này đã được chính thức hoá trong quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT năm 2019 của Trường ĐHDL [H10.10.01.01]. Việc tiếp nhận thông tin phản hồi được lấy nguồn từ Phòng KT&ĐBCL là bộ phận trực tiếp thực hiện tiếp nhận phản hồi của các bên liên quan (như cựu SV, người sử dụng lao động, SV) và Khoa chuyên môn.

Tháng 9 hàng năm đối với SV tốt nghiệp, Phòng KT&ĐBCL kết hợp với Khoa KT&QL gửi phiếu lấy ý kiến phản hồi SV tốt nghiệp để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của sinh viên tốt nghiệp do khoa đào tạo, về tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Sau 1 năm tốt nghiệp, Phòng KT&ĐBCL kết hợp với Khoa KT&QL gửi thông tin cho cựu SV để đánh giá tình hình việc làm, đáp ứng CDR của SV sau 1 năm ra trường [H10.10.01.02], [H10.10.01.03].

Đối với sinh viên đang học, theo quy định của nhà trường, người học phải tham gia phản hồi về học phần trước khi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ bằng một phiếu hỏi do Phòng KT&ĐBCL xây dựng nhằm đánh giá về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, mục tiêu, chương trình và nội dung học phần, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện

cơ sở vật chất **[H10.10.01.05]**. Đối với cựu sinh viên, Khoa KT&QL chủ trương xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên để có thêm nguồn thu thập phản hồi của cựu sinh viên hiệu quả hơn cũng như tăng cường kết nối với người học sau khi tốt nghiệp **[H10.10.01.06]**.

Trong giai đoạn 2016-2021, Khoa còn tổ chức tiếp nhận thông tin và phản hồi trực tiếp của các bên liên quan thông qua các buổi hội thảo chuyên môn, giao lưu kết nối doanh nghiệp....về nhu cầu thực tế đối với CTĐT kế toán theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H1.01.02.02] [H1.01.02.08]**. Bộ môn TCKT của Khoa cũng tiến hành seminar hàng tuần đưa ra các góp ý phát triển CTĐT ngành kế toán **[H10.10.01.10]**. Việc này đã giúp nâng cao chất lượng đào tạo, phương pháp đào tạo góp phần đảm bảo sinh viên của chuyên ngành Kế toán sau tốt nghiệp có cơ hội việc làm cao và đáp ứng nhu cầu xã hội .

Từ những nguồn này, khoa lồng ghép các kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp **[H10.10.01.09]**, từ đó làm cơ sở việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định chuẩn đầu ra **[H1.01.02.02] [H1.01.02.08] [H10.10.01.12]**.

CTĐT ngành Kế toán luôn được định kỳ rà soát, cập nhật điều chỉnh 2 năm/lần. Vì vậy, theo lộ trình điều chỉnh, CTĐT ngành Kế toán đã được hiệu chỉnh vào năm 2013 và năm 2017, 2019 **[H1.01.02.04] [H1.01.03.03]**. Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch hiệu chỉnh trong năm học 2021-2022. Trong các lần cập nhật điều chỉnh CTĐT, Khoa KT&QL đều mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các nhà sử dụng sinh viên tốt nghiệp, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp tham gia vào thảo luận, điều chỉnh, góp ý sửa đổi **[H10.10.01.13], [H10.10.01.11], [H1.01.02.02], [H10.10.01.12]**. Bên cạnh đó, giảng viên Bộ môn TCKT cũng thường xuyên tham khảo những CTĐT tiên tiến từ các trường Đại học đào tạo Kế toán hàng đầu trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học KTQD, cũng như CTĐT các chứng chỉ nghề nghiệp nước ngoài như ACCA, ICAEW, CIA **[H10.10.01.08], [H10.10.01.16]**. Với CTĐT hiệu chỉnh năm 2019, Khoa KT&QL muốn hướng tới cung cấp cho người học chuyên ngành kế toán những chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng phù hợp với xu hướng hội nhập thế giới và công nghệ 4.0 **[H10.10.01.05]**. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng

dẫn của Trường ĐHDL và Bộ GD&ĐT. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa KT&QL cùng Phòng Đào tạo đều thực hiện quy trình điều chỉnh đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHDL và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo nhu cầu xã hội [H10.10.01.15].

Trong năm 2019, Khoa KT&QL đã tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan và sử dụng để cập nhật trong CTĐT. Cụ thể 744 cựu SV, 241 SV và 25 doanh nghiệp sử dụng SV tốt nghiệp Kế toán của ĐHDL [H10.10.01.18]:

Bảng 53: Thống kê ý kiến phản hồi cựu SV về CTĐT đáp ứng với CDR Ngành Kế toán

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1.	Ngành học có mục tiêu rõ ràng và CDR phù hợp với yêu cầu xã hội	1%	4,6%	9,0%	40,9%	44,5%
2.	Cấu trúc chương trình đào tạo linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập	1,1%	4,2%	11,0%	37,1%	46,6%
3.	Chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải so với thời lượng quy định	1,1%	4,2%	10,6%	38,0%	46,1%
4.	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	3,5%	7,0%	12,4%	39,0%	38,0%
5.	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	2,2%	3,7%	9,3%	33,7%	51,1%
6.	Sinh viên được tiếp cận dễ dàng với chương trình đào tạo	3,1%	5,5%	14,4%	39,0%	38,0%
7.	Cảm nhận chung của bạn về chất lượng đào tạo của khóa học	3,2%	3,0%	11,0%	45,2%	37,6%

Bảng 54: Thống kê ý kiến phản hồi sinh viên về CTĐT với CDR Ngành Kế toán

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1.	Ngành học có mục tiêu rõ ràng và CDR phù hợp với yêu cầu xã hội	0%	5%	29%	43%	23%
2.	Cấu trúc chương trình đào tạo linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập	0%	10%	33%	39%	18%
3.	Chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải so với thời gian quy định	1%	8%	27%	42%	22%
4.	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	2%	16%	26%	41%	15%

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
5.	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	0%	7%	27%	48%	19%
6.	Sinh viên được tiếp cận dễ dàng với chương trình đào tạo	1%	9%	22%	50%	18%
7.	Chương trình đào tạo có thỏa mãn và hữu ích cho công việc của ban hiện nay và trong tương lai	0%	10%	24%	46%	19%
8.	Các môn học được thiết kế hợp lý và hệ thống	0%	8%	24%	48%	20%

Bảng 55: Thống kê ý kiến phản hồi doanh nghiệp về chương trình đào tạo đáp ứng với CDR Ngành Kế toán

TIÊU CHÍ NHẬN XÉT		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1.	Ông/bà hài lòng về năng lực chuyên môn của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHDL đào tạo.	0,0%	0,0%	8,0%	20,0%	72,0%
2.	Ông/bà hài lòng về năng lực ngoại ngữ của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHDL đào tạo.	0,0%	8,0%	32,0%	32,0%	28,0%
3.	Ông/bà hài lòng về năng lực tin học của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHDL đào tạo.	0,0%	0,0%	24,0%	24,0%	52,0%
4.	Ông/bà hài lòng về kỹ năng giao tiếp của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHDL đào tạo.	0,0%	0,0%	4,0%	40,0%	56,0%
5.	Ông/bà hài lòng về kỹ năng giải quyết vấn đề của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHDL đào tạo.	0,0%	0,0%	20,0%	36,0%	44,0%
6	Ông/bà hài lòng về tinh thần kỷ luật và tính cầu thị trong công việc của người lao động trong Cơ quan/doanh nghiệp do trường ĐHDL đào tạo.	0,0%	0,0%	0,0%	40,0%	60,0%

Đối với các hội nghề nghiệp việc tham khảo ý kiến phản hồi trong các hội thảo, báo cáo về phát triển năng lực nghề nghiệp cũng như áp dụng thay đổi chuẩn mực kế

toán quốc tế tại Việt Nam [H10.10.01.19], [H10.10.01.17], [H10.10.01.14]. Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH (như tăng cường kỹ năng thực hành trong môn Thực hành môn học, tăng thời lượng giảng dạy môn Kế toán quốc tế) [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT luôn được Trường ĐHDL và Khoa KT&QL dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH.

Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp bộ môn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL tăng số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành kế toán được định kỳ hiệu chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan và theo hướng dẫn đã được Bộ GD&ĐT ban hành [H1.01.01.08]. Nhà trường đã chuẩn hoá quy trình phát triển CTĐT trong năm 2019 [H10.10.02.01]. Quy trình xây dựng chương trình dạy học thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Nhà trường ban hành kế hoạch số 432/KH-ĐHDL-ĐT để hướng dẫn thực hiện cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo đại học [H3.03.03.02]. Theo đó, các bước trong quy trình gồm: B1-Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; B2-Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT; B3-Đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; B4-Dự thảo

những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh, lấy ý kiến hội đồng Khoa; B5-Thông qua Hội đồng Trường; B6-Ký ban hành CTĐT (phiên bản sau cập nhật, đánh giá).

Trong mỗi lần hiệu chỉnh, phát triển CTDH (2017, 2019), Khoa KT&QL tổ chức hội thảo, khảo sát lấy ý kiến từ cựu SV; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán. Theo hướng dẫn của Trường ĐHĐL, Ban Lãnh đạo Khoa, Bộ môn và đại diện nhóm hiệu chỉnh chương trình đã thảo luận về sự cần thiết hiệu chỉnh, sự thay đổi giữa CTDH cũ và mới, thống nhất mục tiêu, chuẩn đầu ra và kết cấu CTDH hiệu chỉnh. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên trong khoa, chuyên gia ngành kế toán từ các trường đại học, người sử dụng lao động, sinh viên đã tốt nghiệp để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi đưa ra Hội đồng Khoa **[H10.10.02.02]**. Sau khi họp, thảo luận, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản đề Hội đồng KHĐT **[H10.10.02.03]**, Nhà trường chính thức ban hành khung CTDH ngành kế toán sau điều chỉnh năm 2017, 2019 **[H2.02.01.01]**, **[H2.02.01.02]**.

Bên cạnh đó, việc hiệu chỉnh chương trình dạy học còn được tham khảo từ CTĐT của một số trường đại học có đào tạo chuyên ngành Kế toán trên cả nước, như Đại học Ngoại thương, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân, ... Các nội dung tham khảo chủ yếu về khối lượng kiến thức cho các nhóm môn và các môn giảng dạy trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Bảng 56: Đối sánh chương trình đào tạo năm 2017 và 2019

Khối kiến thức		Tín chỉ 2017		Tín chỉ 2019	
		Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin	10		11	
	Toán – Tin – Khoa học tự nhiên	9		9	
	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn	5		5	
	Ngoại ngữ	7		7	
	GDTC	Chúng		Chúng	

Khối kiến thức	Tín chỉ 2017		Tín chỉ 2019	
	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
		chỉ	chỉ	
GDQP-AN	Chứng chỉ		Chứng chỉ	
Giáo dục chuyên nghề nghiệp	Cơ sở ngành	18	18	
	Ngành bắt buộc	44	35	
	Ngành tự chọn		6	15
	Chuyên ngành bắt buộc	17	17	
	Thực tập tốt nghiệp	4	4	
	Đồ án/Khoá luận tốt nghề nghiệp	10	10	
Tổng cộng		130	131	

Nhìn vào bản đối sánh chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo năm 2017 và 2019 có thể thấy các nội dung đào tạo đã được cập nhật phù hợp hơn với nhu cầu của người học, đáp ứng yêu cầu theo chuẩn của bộ giáo dục và đào tạo. Ví dụ, điểm bổ sung trong CTĐT năm 2019 về kiến thức và kỹ năng yêu cầu của người học chi tiết hơn. Khối lượng kiến thức toàn khoá tăng lên 131 tín chỉ năm 2019 (Không kể khối lượng GDTC, GDQP&AN). Khối kiến thức giáo dục đại cương được tinh giảm xuống trong khi đó tăng cường khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Số lượng tín chỉ môn tự chọn cũng được tăng lên để đa dạng hoá và phù hợp sự lựa chọn của người học.

Định kỳ năm, Khoa KT&QL cùng Phòng KT&ĐBCL thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm về CTDH, nhà trường và khoa đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.02.09], [H10.10.02.04], [H10.10.02.06].

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học ngành kế toán, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CDR trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới [H10.10.02.05]. Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng CTDH, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.02], [H10.10.02.07].

Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, giảng viên thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của các Hội nghị, Hội thảo của Khoa, các tọa đàm trao đổi thông tin học thuật nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia [H10.10.02.08]. Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH, giúp Khoa và Bộ môn đánh giá, cải tiến CTDH đáp ứng CDR của CTĐT.

Bên cạnh đó, Hội đồng khoa và Ban lãnh đạo khoa khi nhận được yêu cầu hiệu chỉnh, cập nhật CTDH [H10.10.02.01] cũng thực hiện đánh giá, rà soát sự phù hợp của quy trình thiết kế và phát triển CTDH với thực tế và quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, các trường đại học khác, các chương trình đánh giá tiên tiến [H10.10.02.10]. Từ đó, làm cơ sở bổ sung biểu mẫu và những đề xuất để quy trình thiết kế và phát triển CTDH được hoàn thiện.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của trường Đại học Điện lực, bám sát chuẩn đầu ra. CTDH được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học chưa có hướng dẫn chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL ban hành hướng dẫn chi tiết quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để bảo đảm chất lượng, các phòng ban của nhà trường, Khoa kết hợp với bộ môn và các phòng ban tham gia vào quá trình giám sát và đánh giá như sau:

Ở cấp Trường, Phòng KT&ĐBCL có chức năng khảo sát kết quả học tập của sinh viên, đảm bảo quá trình thi cử được công bằng, đúng qui chế, thực hiện nghiêm túc các qui trình tác nghiệp như giao nhận đề thi, bài thi, báo điểm, phúc tra....., là đơn vị chủ trì bảo đảm chất lượng bên trong và công tác kiểm định chất lượng phục vụ đánh giá ngoài [H10.10.03.01].

Quy định về việc rà soát/đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của người học với CDR được hướng dẫn cụ thể trong quy chế đào tạo hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại ĐHDL (Theo 388/ QĐ- ĐHDL) [H10.10.03.12]. Việc thực hiện rà soát, đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra được thực hiện như sau: Trong quá trình giảng dạy, học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về phương pháp và cách tổ chức bài giảng của giảng viên. Việc làm này diễn ra thường xuyên vào cuối mỗi kỳ, cho tất cả các học phần. Kết quả khảo sát được tổng hợp và gửi tới từng giảng viên, bộ môn và Khoa để có điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra Phòng còn tiến hành lấy ý kiến về các công tác phối hợp nâng cao, cải tiến chất lượng của các phòng ban [H10.10.03.04]. 100% các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành kế toán đều được lấy ý kiến. Sau rà soát/đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập, nhiều nội dung thực tiễn được kết hợp đưa vào giảng dạy, các buổi trải nghiệm thực tế Job tour cũng được tăng cường hơn trước,... Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được sinh viên đánh giá cao [H10.10.03.13].

Việc tổ chức ra đề thi, chấm thi được Nhà trường tổ chức, theo quy trình: Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng KT&ĐBCL yêu cầu Khoa gửi đề thi và đáp án lên phòng sau 3 tuần học; Phòng KT&ĐBCL tổ chức thi và tiến hành tổ chức chấm thi tập trung. Quy trình tổ chức thi và công nhận kết quả được Nhà trường xây dựng giúp việc đánh giá kết quả học tập và quá trình giảng dạy là độc lập với nhau **[H10.10.03.12]**. Kết quả học tập qua đó trở thành thước đo quan trọng đánh giá năng lực học tập của người học và khả năng giảng dạy của giảng viên.

Tổ Trục giảng thuộc HCQT kiểm tra các hoạt động dạy/học thường xuyên, mức độ nghiêm túc của các hoạt động giảng dạy như thời gian lên lớp, lịch trình giảng dạy, quy chế thi cử **[H10.10.03.02]**. Khi có bất cứ vi phạm nào Tổ trực giảng sẽ gửi lại thông báo cho Khoa để nhắc nhở các bộ môn và giảng viên và là cơ sở đánh giá thi đua hàng tháng của GV **[H10.10.03.03]**, **[H10.10.03.05]**.

Hoạt động giảng dạy là một điều kiện cơ bản để xét thi đua khen thưởng các cấp dịp cuối năm **[H10.10.03.07]**. Hàng tháng, trong các cuộc họp giao ban của các đơn vị trong nhà trường cũng luôn có nội dung trao đổi, kiểm tra, rút kinh nghiệm về công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường. Ngoài ra, trường đã cho lắp camera ở hầu hết các phòng học khu giảng đường tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch thanh tra thường xuyên hoạt động đào tạo do Phòng Đào tạo lập **[H10.10.03.08]**.

Về phía Bộ môn TCKT, định kỳ thực hiện Seminar về nội dung giảng dạy, học liệu chuẩn bị cho quá trình giảng dạy. Các hoạt động tham gia hội thảo khoa học, cách tiếp cận phương pháp giảng dạy mới luôn được chú trọng **[H10.10.03.11]**. Đặc biệt đối với GV mới tuyển dụng hoặc môn học mới, môn học cập nhật thay đổi **[H10.10.03.09]**. Kết quả dự giờ giảng qua các buổi Seminar sẽ được tổng hợp, góp ý cho giảng viên ngay sau khi kết thúc tiết giảng. Việc làm này sẽ giúp cho giảng viên có những nắm bắt và điều chỉnh kịp thời về nội dung kiến thức cách thức truyền đạt và phân phối thời gian giảng dạy hợp lý hơn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

Về phía Khoa KT&QL cuối mỗi năm sẽ tiến hành tổng kết toàn Khoa. Đây là dịp để Ban lãnh đạo Khoa tổng kết, đánh giá các mặt tích cực, những kết quả đạt được của các bộ môn và những tồn tại hạn chế. Ngoài ra Khoa cũng sẽ tập hợp ý kiến các giảng viên để gửi lên các cấp trên trong cuộc họp tổng kết năm học và hội nghị cán bộ công chức, viên chức toàn trường **[H10.10.03.10]**.

Việc tổ chức ra đề thi, chấm thi được Nhà trường tổ chức, theo quy trình: Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng KT&ĐBCL yêu cầu Khoa gửi đề thi và đáp án lên phòng sau 3 tuần học; Phòng KT&ĐBCL tổ chức thi và tiến hành tổ chức chấm thi tập trung. Quy trình tổ chức thi và công nhận kết quả được Nhà trường xây dựng giúp việc đánh giá kết quả học tập và quá trình giảng dạy là độc lập với nhau **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.02.08]**. Kết quả học tập của người học cũng đã trở thành một tiêu chí để đánh giá giảng viên được Nhà trường quy định thành văn bản **[H10.10.03.07]**. Kết quả học tập cũng là một tiêu chí được Nhà trường sử dụng để ra quyết định giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên **[H10.10.03.06]** và là cơ sở xác nhận đủ điều kiện hoàn thành khoá học tại trường.

2. Điểm mạnh

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích phổ điểm toàn diện kết quả học tập các học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL và Phòng KT&ĐBCL thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập các học phần trong CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KT&QL là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu mạnh của Trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, các đề tài các cấp của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây **[H10.10.04.01]**.

Các đề tài của Khoa có xu hướng ứng dụng rất cao và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy học. Rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên kế toán **[H10.10.04.02]**.

Trường ĐHDL và Khoa KT&QL cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV. Hàng năm, nhà trường thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học SV để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký **[H10.10.04.03]**. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành Kế toán đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Bên cạnh đó, một số các công trình NCKH của giảng viên trong Khoa có sự tham gia tích cực của sinh viên **[H10.10.04.04]**.

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính. NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy và với sự phát triển nhanh của KH, người GV phải thường xuyên cập nhật thêm nhiều những kiến thức mới, ko thể giảng những kiến thức cũ đã hết giá trị. Nhiệm vụ NCKH của giảng viên được Nhà trường quy định rất cụ thể bằng các quy định như: Quy chế NCKH, Quy định về các hệ số áp dụng trong Quy chế chi trả tiền lương **[H10.10.04.05]**, **[H6.06.01.33]**. Các đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào giảng dạy và học tập đều mang tính thực tiễn và cập nhật cao tại thời điểm nghiên cứu do đó giúp cho người học có được các kiến thức cần thiết ứng dụng trong thực tiễn **[H10.10.04.06]**.

2. Điểm mạnh

Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên kế toán tham gia NCKH, các đề tài NCKH chưa nhiều. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy và học tập còn chưa thực sự phát huy được hết khả năng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL tăng số lượng sinh viên kế toán tham gia NCKH, tiếp tục phát huy tối đa các kết quả đã có được từ các kết quả NCKH đã có trong thời gian qua. Bên cạnh đó, khoa cũng sẽ kết hợp với các đơn vị khác trong và ngoài trường để tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học NCKH, ứng dụng các kết quả NCKH trong thực tiễn cũng như hoạt động giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có những quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dưới dạng kế hoạch khảo sát sinh viên hàng năm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.07], [H10.10.05.01]. Trước khi SV tốt nghiệp, Phòng KT&ĐBCL sẽ có PKS cho SV đánh giá toàn bộ về Nhà trường, trong đó có đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV [H10.10.05.04].

Cụ thể, năm 2020 và 2021 phòng KT&ĐBCL khảo sát trực tuyến với sinh viên, cán bộ, giảng viên về cơ sở vật chất và thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin. Kết quả cho thấy đa phần cán bộ, giảng viên, sinh viên hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Chi tiết về kết quả khảo sát được tóm tắt trong các bảng sau:

Bảng 57: Kết quả KSSV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT kỳ 1 - 2021/2022

STT	Nội dung khảo sát	Tổng số lượt trả lời	Đáp ứng nhiều (%)	Đầy đủ (%)	Tốt (%)	Bình thường (%)	Đáp ứng ít (%)	Trung bình (%)	Tương đối đầy đủ (%)	Đáp ứng không đủ (%)	Không đầy đủ (%)
1	Thiết bị tại giảng đường đáp ứng đủ nhu cầu giảng	68.790	81,38	0,00	0,00	0,00	14,78	0,00	0,00	3,83	0,00

STT	Nội dung	Tổng số	Đáp ứng	Đầy đủ	Tốt (%)	Bình thường	Đáp ứng	Trung bình	Tương đối	Đáp ứng	Không đầy
	dạy và học tập										
2	Mức độ đáp ứng của Thư viện Nhà trường (Giáo trình, tài liệu tham khảo, công tác phục vụ tại phòng đọc)	68.790	81,03	0,00	0,00	0,00	15,73	0,00	0,00	3,25	0,00

Bảng 58: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Thầy cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ các phòng ban?	249	0,00	6,02	19,68	60,64	13,65

2	Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học,...)	249	0,40	1,20	7,63	67,47	23,29
3	Phòng học và thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu?	249	0,40	6,83	18,88	63,86	10,04
4	Phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu?	249	2,41	7,63	42,97	40,56	6,43
5	Hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu?	249	6,43	23,29	30,92	34,94	4,42
6	Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học?	249	2,01	12,45	44,18	36,14	5,22
7	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác?	249	6,02	25,30	29,72	34,14	4,82

Bảng 59: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Thầy cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ các phòng ban?	249	0,00	6,02	19,68	60,64	13,65
2	Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học,...)	249	0,40	1,20	7,63	67,47	23,29
3	Phòng học và thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu?	249	0,40	6,83	18,88	63,86	10,04
4	Phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu?	249	2,41	7,63	42,97	40,56	6,43

5	Hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu?	249	6,43	23,29	30,92	34,94	4,42
6	Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học?	249	2,01	12,45	44,18	36,14	5,22
7	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác?	249	6,02	25,30	29,72	34,14	4,82

Bảng 60: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2020/2021

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Thầy cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ các phòng ban?	252	0,00	1,59	17,46	64,68	16,27
2	Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học,...)	252	0,00	0,79	4,37	65,87	28,97
3	Phòng học và thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu?	252	0,00	6,75	24,21	58,33	10,71
4	Phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu?	252	1,98	8,73	39,29	41,27	8,73
5	Hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu?	252	7,54	25,40	27,78	33,33	5,95
6	Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học?	252	0,40	8,73	40,08	43,25	7,54
7	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác?	252	3,57	15,48	30,56	42,86	7,54

Đồng thời hàng năm, Nhà trường có đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và các cán bộ các phòng ban phục vụ tự đánh giá chất lượng phục vụ, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ [H6.06.01.31]. Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư

viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong báo cáo hàng năm **[H10.10.05.08]**.

Trung tâm Học liệu có PKS riêng hàng năm để đánh giá chất lượng phục vụ thư viện của Nhà trường, GV đối với việc phục vụ của thư viện **[H10.10.05.02]** **[H10.10.05.03]**. Thông qua quá trình khảo sát lấy ý kiến của SV hàng năm về hoạt động và mức độ hài lòng về thư viện của bạn đọc, hàng năm TT Học liệu đều có phương án nâng cấp bổ sung sách, trang thiết bị cho phù hợp.

Nhà trường có 1 buổi giao lưu thầy và trò hàng năm (tổ chức vào tháng 4 hàng năm), các vấn đề về chất lượng giáo dục, các kênh thông tin về fanpage của Nhà trường được sử dụng để Ban Giám hiệu Nhà trường, các phòng ban chức năng tiến hành cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ **[H10.10.05.05]**.

Trong năm 2019, Khoa KT&QL thực hiện khảo sát cho thấy trên 40% sinh viên ngành kế toán tham gia trả lời khảo sát đánh giá hài lòng về: thái độ phục vụ sinh viên của cán bộ, nhân viên văn phòng; thư viện có đủ tư liệu tham khảo cho các môn học; và trang thiết bị đầy đủ phục vụ giảng dạy, học tập. Số lượng sinh viên chưa hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chỉ chiếm chưa đến 2% **[H10.10.05.04]**. Khoa KT&QL còn có những đóng góp về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường trong các cuộc họp công nhân viên chức hàng năm, họp tổng kết năm học **[H10.10.05.06]**.

Kết quả từ các khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ và tiện ích phục vụ cho CTĐT được sử dụng làm cơ sở cho tiến hành cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ. Cụ thể, thư viện đã lập danh mục sách và tài liệu mua mới, bổ sung cho các năm học dựa trên nhu cầu đề xuất của các Khoa chuyên môn và người học, phần mềm đọc tài liệu số thư viện cũng được đưa vào nhằm thuận tiện hơn cho giảng viên và sinh viên trong việc tra cứu dữ liệu. Bên cạnh đó, Nhà trường, Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp tổ chức hỗ trợ tìm việc online, tìm kiếm và phối hợp với các bên liên quan tổ chức các chuyến thăm quan thực tế doanh nghiệp, chương trình Job Fair, hội thảo, kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn đầu tư nâng cấp các thiết bị công nghệ phục vụ hoạt động giảng dạy, xây mới thêm các phòng học để đáp ứng nhu cầu của người học.

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.

3. Điểm tồn tại

Một số dịch vụ sinh viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL và TTHL tăng cường phổ biến để sinh viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo, các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01], [H10.10.05.07].

Phòng KT&ĐBCL trực thuộc Trường Đại học Điện lực có chức năng tham mưu trong công tác xây dựng, tổ chức thực hiện, vận hành và giám sát thực hiện các quy trình đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, công tác khảo thí trong phạm vi toàn Trường; phát triển hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường, được quy định trong chức năng nhiệm vụ Phòng KT&ĐBCL theo Quyết định số 993/QĐ-ĐHĐL ngày 18/7/2018 [H10.10.06.01]. Theo đó, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống. Cụ thể, Phòng KT&ĐBCL có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo trình Hiệu trưởng và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát. Về việc phụ trách khảo sát, phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm khảo sát sinh viên, giảng viên và cán bộ công nhân viên về cơ sở vật chất hỗ trợ, khoá học và hoạt động dạy học, môi trường làm việc (chỉ với cán bộ nhân viên và giảng viên). Khoa Kinh tế và

Quản lý phụ trách khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo, việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp và các doanh nghiệp tuyển dụng.

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành kế toán, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất **[H10.10.06.03]**.

Định kỳ, hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCL phối hợp với Khoa KT&QL thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trường ĐHĐL. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Trường ĐHĐL, vào cuối năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của ngành kế toán phải thực hiện hoạt động tự đánh giá nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.05]**. Ngoài ra, Khoa KT&QL phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học **[H10.10.06.02]**. Ngoài ra hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về CTĐT được thực hiện 01 lần/năm **[H10.10.06.06]**, **[H10.10.06.07]**. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành kế toán **[H10.10.06.04]**.

Khoa KT&QL đã tiến hành kí hợp tác với một số cơ sở đào tạo như Censtaf, ACTax, VACPA, đưa chương trình thực hành môn học tại cơ sở thực tế vào CTĐT. Có được điều này là do công tác tiếp nhận ý kiến và trao đổi về nhu cầu thực tế của sinh viên và doanh nghiệp tuyển dụng đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H10.10.06.09]**.

Để liên tục hoàn thiện cơ chế phản hồi, các đóng góp trong các lần lấy ý kiến các bên liên quan (SV, cựu SV, doanh nghiệp, giảng viên,...) được thực hiện trong các cuộc họp về khảo sát ý kiến **[H10.10.06.08]**. Mục tiêu là cải tiến theo hướng tinh gọn, phù hợp trong thực hiện khảo sát (câu hỏi, thời gian, công cụ thực hiện).

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL, giữa Khoa KT&QL với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thông tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa phân tích và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên quan trong việc cải tiến CTĐT ngành kế toán.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng KT&ĐBCL và Khoa KT&QL xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT của ngành Kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Khoa Kinh tế và quản lý đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế và cải tiến CTĐT được tuân thủ theo đúng quy định. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH SV được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm công nghệ thông tin, Khoa KT&QL,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá chất lượng sinh viên sau khi ra trường có vai trò quan trọng trong hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng của nhà trường. Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, Phòng KT&ĐBCL cùng Khoa KT&QL đã thực hiện đánh giá việc đạt chuẩn đầu ra đối với các sinh viên tốt nghiệp của ngành Kế toán, tổ chức thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp quá hạn, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ sinh viên thôi học. Đặc biệt việc thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm là trọng tâm chính trong việc thực hiện cải tiến chương trình đào tạo.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của nhà trường tập trung cho những đề tài có tính ứng dụng và có thể thương mại hóa, các hướng nghiên cứu này được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện.

Trường đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến CDR, CTĐT, hoạt động đào tạo và hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động học tập của người học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đều được Nhà trường thực hiện theo quy định [H05.05.01.08]. Nhà trường đã giao trách nhiệm cho Phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với cố vấn học tập theo dõi và cập nhật thường xuyên danh sách các sinh viên thôi học và tốt nghiệp hằng năm của từng ngành đào tạo để làm căn cứ điều chỉnh chất lượng giảng dạy [H11.11.01.01].

Phòng Đào tạo tham gia thống kê và cung cấp điểm vào gửi Phòng CTSV kết hợp để theo dõi SV. Việc thống kê các tỉ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp theo từng ngành đào tạo được Phòng CTSV thực hiện hàng năm [H11.11.01.01]. Theo thống kê riêng của Khoa KT&QL với 08 khóa đã ra trường, số lượng SV ngành Kế toán tốt nghiệp có tỷ lệ cao, phần đầu giảm thiểu số lượng sinh viên buộc thôi học.

Bảng 61: Bảng thống kê tình hình sinh viên thôi học ngành Kế toán giai đoạn 5 năm 2016-2021

TT	Khóa học	Số lượng SV nhập học	Năm 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4 và tiếp theo	
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	2017-2018	233	3	1,28%	2	0,85%	2	0,85%	0	0
2	2018-2019	117	0		3	2,56%			4	3,41%
3	2019-2020	192	20	10,41%			1	0,52%	21	10,93%
4	2020-2021	234			2	0,85%	18	7,69%	4	1,7%

(Nguồn: Tổng hợp từ phòng Công tác SV – Trường ĐHDL)

Bảng 62: Bảng thống kê tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 5 năm 2016-2021

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
	D7	D8	D9	D10	D11
Số SV nhập học (người)	366	242	124	169	265
Số lượng người học tốt nghiệp (người).	315	185	91	115	209
Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	86%	76%	73%	68%	79%
Số SV tốt nghiệp lần đầu (người)	281	167	90	111	132
Tỷ lệ SV tốt nghiệp lần đầu so với số tuyển vào (%)	77%	69%	73%	66%	50%
Số SV thôi học (người)	33	7	7	42	18
Tỷ lệ SV thôi học so với số tuyển vào (%)	9%	3%	6%	25%	7%
Số SV tốt nghiệp trước hạn (người)	0	0	0	0	0
Số SV tốt nghiệp đúng hạn (người)	281	167	90	111	132
Số SV tốt nghiệp muộn (người)	52	68	27	16	27
Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	4.33	4.72	4.45	4.1	4.1

(Nguồn: Số liệu báo cáo của 3 công khai và Phòng ĐT, Phòng CTSV, ĐHDL)

Nguyên nhân của tỷ lệ sinh viên thôi học, theo tìm hiểu của khoa, một phần là do việc chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang tín chỉ. Cụ thể, khi chuyển sang hình thức

học tín chỉ, sinh viên phải tăng cường tự học, học thực hành, sinh viên sẽ phải làm việc nhóm nhiều hơn, tự chuẩn bị học nhiều hơn, chủ động tự nghiên cứu nhiều hơn. Song thực tế, sinh viên chưa nắm bắt kịp cách học này dẫn đến bị động khi lên lớp và chưa tận dụng hết được thời gian thực hành **[H11.11.01.02]**. Nguyên nhân thứ hai là do mô hình giáo viên chủ nhiệm giống như THPT không còn phù hợp với mô hình đào tạo tín chỉ của đại học, lớp học không còn được tổ chức theo niên chế cố định nữa gây khó khăn trong việc theo dõi sát sao từ giáo viên chủ nhiệm để giúp đỡ sinh viên.

Để đưa ra biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học của sinh viên:

(i) Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản trị nhằm theo dõi, đánh giá kịp thời quá trình học tập của người học.

(ii) Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng công tác cố vấn học tập trong đó quy định nhiệm vụ của cố vấn học tập là nắm bắt liên tục tình hình học tập, ý thức rèn luyện, hạnh kiểm của từng sinh viên trong lớp. Định kỳ, cố vấn học tập nộp báo cáo về Phòng CTSV để làm căn cứ và thông báo về gia đình **[H11.11.01.04]**.

(iii) Biện pháp cảnh báo của Phòng ĐT về điểm tích lũy của SV.

(iv) Hầu hết giảng viên thuộc bộ môn kế toán đều tham gia công tác cố vấn học tập, tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ với sinh viên, trao đổi thường xuyên với ban lãnh đạo khoa về các vấn đề phát sinh của lớp chủ nhiệm nhằm đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời **[H11.11.01.03]**.

(v) Tổ chức học kỳ phụ để tạo điều kiện cho SV trả nợ môn kịp thời (từ năm 2012).

(vi) Xác định môn học tương đương để SV lựa chọn

Thực hiện đối sánh và phân tích giữa các năm, với khoa khác trong trường để xác định nguyên nhân **[H11.11.01.05]**. **[H11.11.01.06]**.

Bảng 63: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên kế toán năm 2016-2021

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành kế toán doanh nghiệp (trừ số thôi học)- ĐH Điện lực (%)	79%	78%	73%	68%	79%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
Tỉ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành tài chính ngân hàng (trừ số thôi học) - ĐH Điện lực (%)	92%	60%	56%	88%	68,6%
Tỉ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành quản lý - ĐH Thủy Lợi (%)	85%	67,3%	52,5%	Không có SL	Không có SL
Tỉ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành kế toán – ĐH Thương mại (%)	84,5%	89,8%	Không có SL	Không có SL	Không có SL
Tỉ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào ngành kế toán – ĐH Tài nguyên và môi trường Hà Nội (%)	82,4%	76,7%	70%	Không có SL	Không có SL

(Nguồn: Số liệu báo cáo 3 công khai Trường ĐHDL)

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát sao, được công bố công khai đến các bên liên quan (BGH nhà trường, Phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, giảng viên, CVHT, sinh viên,...).

Gắn tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, Phòng ban.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Khoa KT&QL và Phòng CTSV chưa phân tích chi tiết những lý do sinh viên kế toán thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL cùng Phòng CTSV phối hợp với gia đình những sinh viên thôi học để nắm bắt được thông tin tốt hơn về những sinh viên này, tìm hiểu nguyên nhân thực sự có phải từ phía Nhà trường hay từ phía người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo, Phòng CTSV hằng năm theo dõi và thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp và thời gian trung bình mà các sinh viên trong khóa học tốt nghiệp đối với từng ngành học **[H11.11.02.06]**. Số liệu được chuyển cho Phòng KT&ĐBCL để đưa lên báo cáo 3 công khai của Nhà trường trên web **[H11.11.01.01]**.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành kế toán trong trường theo thiết kế chuẩn là 4 năm. Thực tế thời gian tốt nghiệp của SV ngành kế toán là 4,1 năm **[H11.11.01.01]**, đối sánh với các ngành khác trong nhà trường **[H11.11.02.04]**.

Bảng 64: Tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành Kế toán 5 năm từ 2016-2021

TT	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học	Tổng số SV thôi học	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
		(1)	(2)	(3a)	(3b)	(4a)	(4b)	(5a)	(5b)	(6a)	(6b)	(7)
1	2016-2017	366	33	315	86%	281	89%	34	11%	0		4.11
2	2017-2018	240	7	185	76%	167	90%	18	10%	0		4.10
3	2018-2019	124	7	91	73%	90	99%	1	1%	0		4.01
4	2019-2020	234	42	115	68%	111	97%	4	3%	0		4.03
5	2020-2021	258	24	209	79%	132	63%	77	37%	0		4.37
TỔNG		1222	113	915		781		134				

(Nguồn: Số liệu từ báo cáo ba công khai của Trường ĐHDL)

Định kỳ hàng năm, nhà trường nói chung và Khoa KT&QL nói riêng đều thực hiện thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành kế toán.

Bảng 65: Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Kế toán 5 năm từ 2016-2021 và đối sánh

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành kế toán doanh nghiệp - ĐH Điện lực (năm)	4.11	4.10	4.01	4.03	4.37
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành tài chính ngân hàng - Đại học Điện lực (năm)	4.48	5.3	4.92	4.11	4.11
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành quản lý - Đại học Thủy Lợi (năm)	4.6	4.6	4.6	4.6	Không có SL

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành quản lý - Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội (năm)	4.22	4.33	4.16	Không có SL	Không có SL

(Nguồn: Số liệu từ báo cáo ba công khai của Trường ĐHQGHN)

Nhà trường cũng giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với các cố vấn học tập tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học còn chưa hoàn thành số tín chỉ dẫn đến chưa được công nhận tốt nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học.

Theo tổng kết các cuộc họp cuối năm của Phòng CTSV, Phòng ĐT, Khoa có những nguyên nhân chính sau làm cho SV chưa tốt nghiệp đúng thời hạn, kéo dài thời gian học tập **[H11.11.02.02]**

(1) SV chưa cân đối tốt giữa thời gian học tập và thời gian đi làm thêm

(2) SV chưa có kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết trong CTĐT.

Nhằm giảm thiểu thời gian tốt nghiệp, các biện pháp hỗ trợ của của Nhà trường gồm:

(1) Phòng Đào tạo lên kế hoạch các lớp học kỳ phụ nhằm giúp sinh viên hoàn thành môn học, đẩy nhanh thời gian tốt nghiệp thể hiện trong thời khóa biểu học kỳ phụ **[H11.11.02.01]**. Tạo điều kiện để sinh viên có thể học vượt hoặc kéo dài như số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong kỳ học được quy định, thời gian học là 4 năm học, thời gian tối đa đối được ra hạn học tập là 2 năm sau khóa học, quy chế này được thể hiện rõ trong hồ sơ nghiệp vụ của các cố vấn học tập **[H11.11.02.03]**.

(2) Đẩy mạnh nhiệm vụ của CVHT sát sao và thực hiện tư vấn cho SV đạt được số điểm tích lũy.

Hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của Khoa và Nhà trường đều có những thống kê về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp **[H11.11.02.02]**. Kết quả là tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn tăng lên trong mấy năm gần đây. Theo số liệu thống kê trên, từ khoá D7 có biểu hiện là sinh viên tốt nghiệp quá hạn tăng, do đó Nhà trường và Khoa cần có những biện pháp mới phù hợp.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo thống kê và Khoa KT&QL, Phòng CTSV phối hợp với cố vấn học tập hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thống kê, đánh giá tính hiệu quả thời gian tốt nghiệp của SV và các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng CTSV và Phòng ĐT thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của sinh viên và đưa ra các đề xuất phù hợp giúp SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường giao cho Phòng ĐT, Phòng CTSV làm đầu mối lập kế hoạch phối hợp với Khoa hằng năm thống kê số lượng sinh viên có việc làm, vị trí việc làm và mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp có việc làm tại thời điểm nhận bằng tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp 01 năm [H11.11.02.06]. Kết quả thu được từ thống kê việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp của các năm, có thể thấy số lượng sinh viên có việc làm tăng lên theo từng năm [H11.11.03.02].

Bảng 66: Bảng thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021

Khóa học	Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng						Tiếp tục học tập
	Tỉ lệ SV có việc làm	Tỉ lệ việc làm liên quan CTĐT	Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2016-2017	97%	97%	22%	46%	3%	29%	0%
2017-2018	100%	93%	10%	55%	2%	33%	0%
2018-2019	97%	93%	8%	67%	5%	20%	0%
2019-2020	94.20%	89.20%	45%	30%	5%	20%	8%
2020-2021	100%	76,5%	5%	65%	8%	22%	0%

(Nguồn: Số liệu từ báo cáo ba công khai của Trường ĐHDL)

Từ những dữ liệu về việc làm của sinh viên ngành Kế toán, Khoa KT&QL đã thực hiện hoạt động phân tích và so sánh với các ngành khác trong Nhà trường cũng như các trường khác cùng ngành từ đó đưa ra những kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy phù hợp [H11.11.03.07].

Bảng 67: Bảng thống kê tỷ lệ việc làm của sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021 và đối sánh

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
Tỷ lệ người học có việc làm ngành kế toán doanh nghiệp - ĐH Điện lực (%)	97%	100%	97%	94.2%	100%
Tỷ lệ người học có việc làm ngành tài chính ngân hàng - ĐH Điện lực (%)	95.4%	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ người học có việc làm ngành kế toán - Đại học Hà Nội (%)	Không có SL	Không có SL	100%	100%	100%
Tỷ lệ người học có việc làm ngành kế toán - ĐH Ngoại thương (%)	Không có SL	Không có SL	100%	100%	100%

(Nguồn: Số liệu từ báo cáo ba công khai của Trường ĐHDL)

Việc thảo luận, phân tích nguyên nhân sinh viên thất nghiệp khi ra trường. Hàng năm, trong cuộc họp giữa Ban Lãnh đạo Khoa, CVHT, ĐTN, các chia sẻ từ CVHT cho thấy **[H11.11.02.06]**

- (1) Sinh viên chưa xây dựng mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng
- (2) Sinh viên thích tìm công việc tại các thành phố lớn
- (3) SV học thêm ngoại ngữ, chuẩn bị học sau đại học tại trường đại học nước ngoài

Các biện pháp khắc phục, hỗ trợ giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp cho SV ngành kế toán:

(i) Khoa KT&QL cùng nhà trường luôn có các biện pháp nhằm khắc phục và đẩy mạnh vấn đề này. Hàng năm Khoa KT&QL có tổ chức hội nghị doanh nghiệp nhằm trao đổi với các nhà tuyển dụng để thu thập ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng từ đó đối chiếu với các học phần đã xây dựng nhằm tìm ra những giải pháp trong đào tạo giúp nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng cho sinh viên ra trường **[H11.11.03.03]**.

(ii) Khoa luôn chú trọng kết nối với một số doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên trong quá trình học tập cũng như hỗ trợ việc làm như Công ty CP Misa, Công ty ACTAX...**[H11.11.03.05]**.

(iii) Năm 2018, Nhà trường đã thành lập Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp. Trung tâm có chức năng định hướng sinh viên tới doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau tốt nghiệp cũng như triển khai các dự án khởi nghiệp của sinh viên **[H11.11.03.01]**.

(iv) Nhân lễ kỷ niệm 10 năm thành lập, Khoa đã chủ động liên hệ mời các cựu sinh viên về tham dự, từ đó tạo được mạng lưới cựu sinh viên – một kênh liên lạc rất ý nghĩa cho Khoa **[H11.11.03.04]**.

(v) Khoa KT&QL có fanpage về Việc làm cho SV ngành kinh tế **[H11.11.03.06]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên, giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Tỷ lệ có việc làm sau 01 năm rất cao với hơn 90% SV tốt nghiệp đã có việc làm.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, thảo luận hỗ trợ việc làm của SV cần được làm sát sao, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành Kế toán.

5. **Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn 2030 có đề cập về NCKH của sinh viên nhưng còn chung chung, như “*Tạo không khí, hào hứng, say mê NCKH, tạo áp lực phù hợp để GV,SV tích cực tham gia NCKH; Thông qua NCKH để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tham gia NCKH*”. Loại hình NCKH và số lượng đề tài NCKH cho SV hàng năm chưa được xác định [H1.01.01.05].

Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT có ban hành Quy chế NCKH chung cho GV và SV [H10.10.04.06], kế hoạch NCKH hàng năm được ban hành và được thông báo rộng rãi cho GV và SV [H06.06.01.64].

Theo đó, định kỳ hàng năm thông qua các cuộc họp triển khai kế hoạch năm học mới, Khoa KT&QL đều xây dựng kế hoạch NCKH cho sinh viên và đề ra các chỉ tiêu rõ ràng để thực hiện công tác NCKH SV đảm bảo tương thích với mục tiêu, tầm nhìn và chuẩn đầu ra của ngành kế toán Tại Khoa KT&QL, một GV được giao nhiệm vụ cho trợ lý NCKH thực hiện nhiệm vụ lên kế hoạch, theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH [H11.11.04.01].

Theo kế hoạch đã đề ra, từ năm học 2017-2018, Khoa KT&QL đã thực hiện phong trào NCKH cho SV trong khoa. Kế hoạch tổ chức NCKH sinh viên và ra thông báo để người học đăng ký tham gia trong thời gian tháng 11 đến tháng 5 năm sau [H11.11.04.01], [H11.11.04.05]. Các đề tài sinh viên đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với giảng viên hướng dẫn, đề tài được hội đồng Khoa KT&QL xét duyệt và ra quyết định [H11.11.04.02]. Sau khi kết thúc thời gian nghiên cứu, Khoa KT&QL tổ chức các

hội nghị tổng kết, đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH của sinh viên **[H11.11.04.04]**, **[H11.11.04.05]**.

Trong năm học 2017-2018, Khoa KT&QL có 6 đề tài nghiên cứu của SV được nghiệm thu, năm 2018-2019, số lượng đề tài NCKH SV tăng lên 10 đề tài, năm 2019-2020 là 7 đề tài, năm học 2020-2021 là 8 đề tài và bảo vệ thành công trước hội đồng đề tài cơ sở của nhà trường (bảo vệ thành công 7/8 đề tài trước hội đồng nhà trường). Trong thời gian tới, Nhà trường và Khoa KT&QL sẽ tiến hành tổ chức thành các cuộc thi có giải thưởng về NCKH cấp Khoa, trường và với những đề tài NCKH của SV được đánh giá cao sẽ cử đi tham gia giải thưởng cấp Bộ.

Tại Trường ĐHDL, Phòng QLKH&HTQT được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV. Phòng giao cho 1 chuyên viên thực hiện nhiệm vụ giám sát, quản lý các đề tài cấp trường cho SV và GV **[H11.11.04.03]**. Đối với NCKH cấp khoa, Phòng QLKH&HTQT theo dõi, tổng kết cuối năm, tính thời gian hướng dẫn NCKH cho GV tham gia hướng dẫn **[H10.10.04.06]**, **[H11.11.04.08]**, **[H11.11.04.09]**. Quy chế NCKH của Nhà trường hướng dẫn chi tiết quy trình cho NCKH của SV **[H10.10.04.06]**.

Bảng 68: Bảng thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021

TT	Nội dung	Số lượng sinh viên tham gia				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành kế toán	5	6	10	7	8
2	Số lượng sinh viên tham gia NCKH và làm khóa luận tốt nghiệp	315	194	94	153	185
3	Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH/ Tổng số SV	36%	25%	13%	17%	20%

(Nguồn: Tổng hợp của Khoa KT&QL)

Số lượng đề tài NCKH của SV Khoa KT&QL tăng qua các năm và có sự phát triển hơn so với các khoa khác, tuy nhiên so sánh với các trường đại học khác số lượng đề tài NCKH còn khiêm tốn **[H11.11.04.07]**.

Bảng 69: Bảng thống kê số đề tài sinh viên ngành Kế toán giai đoạn 2016-2021 và đối sánh

Các tiêu chí	Năm học				
	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành kế toán DN - ĐH Điện lực (Khoa KT&QL)	5	6	10	7	8
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Quản lý năng lượng - ĐH Điện lực	1	0	0	0	0
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Công nghệ thông tin - ĐH Điện lực	0	0	0	0	0
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành quản lý - ĐH Thủy Lợi	0	1	1	Không SL	Không SL

(Nguồn: Tổng hợp của Khoa KT&QL)

Khoa KT&QL chú trọng định hướng cho sinh viên thực hiện các đề tài có tính ứng dụng cao, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại cũng như phù hợp với khả năng của sinh viên thông qua các buổi phát động nhằm hướng dẫn lựa chọn đề tài, trao đổi phương pháp nghiên cứu, giải đáp các thắc mắc liên quan [H11.11.04.05].

2. Điểm mạnh

SV tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa chủ động trong công tác NCKH SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NCKH SV kế toán còn chưa nhiều, chưa tương xứng với nội lực hiện tại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Phòng QLKH&HTQT có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh việc nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL làm đầu mối thực hiện lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, giáo viên, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về chất lượng đào tạo, các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, dịch vụ hỗ trợ người học, cơ sở vật chất.), [H11.11.05.01], [H11.11.05.02], [H11.11.05.03], [H11.11.05.05], [H11.11.05.07], Khoa KT&QL cũng thực hiện giao nhiệm vụ cho nhóm GV chủ động lấy ý kiến đóng góp về chất lượng đào tạo và môi trường học tập trong thời gian sinh viên học tập tại trường thông qua kênh khảo sát cựu sinh viên, đây là những kênh thông tin hữu ích giúp Khoa và Nhà trường điều chỉnh CDR và CTĐT (sau khi SV ra trường) [H11.11.05.05].

Để giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của sinh viên, phòng KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến phản hồi sinh viên sau khi kết thúc môn học trên tài khoản cá nhân. Đây là một yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên trước khi thi kết thúc học phần [H11.11.05.03]. Phòng KT&ĐBCL thực hiện giám sát việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Tại các khoa, khi thực hiện tổ chức hội thảo có mời tham dự các phòng ban chức năng tham gia giám sát (Phòng KT&ĐBCL, Phòng Đào tạo) và được đăng ký trên lịch tuần [H11.11.05.04], [H11.11.05.06].

Cụ thể, về phía Khoa KT&QL, trong 3 năm học gần đây, bắt đầu từ năm học 2017 – 2018, phiếu khảo sát online được gửi trực tiếp tới email của từng cựu sinh viên (hơn 700 cựu SV tham gia trả lời PKS) để thu thập ý kiến về môi trường học tập và chất lượng đào tạo, công tác phục vụ học tập một cách khách quan nhất [H11.11.05.08].

Các công cụ chủ yếu trong tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về mức độ hài lòng gồm [H11.11.05.07].

- (1) PKS online từ SV đối với GV để chất lượng đào tạo
- (2) PKS cho SV trước khi tốt nghiệp được phát phiếu trực tiếp

(3) PKS gửi SV sau khi tốt nghiệp một năm qua mail, online.

(4) Tổ chức hội thảo để tiếp nhận ý kiến phản hồi

(5) PKS gửi doanh nghiệp, giảng viên đánh giá sự hài lòng.

Thông qua thu thập kết quả từ các phiếu khảo sát, mức độ hài lòng của các bên liên quan được định lượng, tính toán, tổng hợp và so sánh giữa các năm thực hiện khảo sát nhằm phân tích thực trạng, xu hướng và tìm ra những nguyên nhân nhằm củng cố, nâng cao mức độ hài lòng.

*Bảng 70: Bảng thống kê mức độ hài lòng của các bên liên quan giai đoạn 2016-2021
(Tính theo thang điểm 5)*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020- 2021
Mức độ hài lòng của người học đối với CTĐT	3.999	4.082	4.108	4.027	4.99
Mức độ hài lòng của người học đối với đội ngũ giảng viên	4.042	4.030	4.047	4.017	5.00
Mức độ hài lòng của người học đối với quản lý và phục vụ đào tạo	3.643	3.698	3.773	3.907	4.37
Mức độ hài lòng của người học đối với sinh hoạt và đời sống	3.790	3.872	3.895	3.925	4.66
Mức độ hài lòng của người học đối với công tác kiểm tra đánh giá	4.006	3.904	3.906	4.029	4.99

Đến thời điểm hiện tại, theo như thống kê giai đoạn 2016-2021, mức độ hài lòng của các đối tượng khảo sát về các bên liên quan ngày càng được nâng lên qua từng năm **[H11.11.05.08]**. Có được kết quả này cũng là do khoa KT&QL luôn sát sao trong việc thực hiện khảo sát định kỳ, thống kê và thực hiện đối sánh kịp thời nhằm tìm ra những điểm số chưa được đánh giá cao để đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời.

Nhờ sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL trong việc ghi nhận, phân tích thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên, kết quả mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành đối sánh và sử dụng làm

căn cứ nhằm đưa ra những điều chỉnh cần thiết. Ý kiến của các bên liên quan được ghi nhận thông qua thang chấm điểm từ 1 đến 5 với phương pháp khảo sát khách quan, làm cơ sở trung thực cho việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng của Khoa KT&QL [H11.11.05.09].

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa KT&QL phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng sinh viên cảnh báo học vụ, thôi học của ngành Kế toán giảm. Tỷ lệ tốt nghiệp sau 4 năm học cao, với chất lượng tốt. Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học. Nhiều sinh viên đã tham gia và đạt giải thưởng trong các cuộc thi trong trường, trong ngành, được các học bổng học trao đổi, thực tập ở nước ngoài trong thời gian theo học chương trình. Sinh viên học chương trình ngành Kế toán sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế trong lĩnh vực Kế toán và được phản hồi tích cực từ nhà tuyển dụng trong đó nhiều sinh viên đã được tuyển dụng bởi các công ty nước ngoài.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐH Điện lực đã tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của trường.

Thông qua việc tự đánh giá ngành Kế toán, Khoa KT&QL, Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Trường đã tuyên bố với xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của Trường ĐHDL đã đề ra, được ghi rõ trong bản tuyên bố sứ mạng của trường. Sứ mạng của Khoa KT&QL cũng như của ngành kế toán được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường, của ngành; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trong đó chuẩn đầu ra của ngành kế toán được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được cũng như những yêu cầu của nhà tuyển dụng đặt ra. Chuẩn đầu ra của ngành được định kỳ rà soát điều chỉnh và công bố công khai.

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành kế toán đầy đủ và cập nhật thường xuyên cho phù hợp. Đề cương các học phần đầy đủ cho ngành và cho 2 chuyên ngành thuộc ngành (chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kế toán và kiểm soát). Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần trong ngành cũng như riêng biệt cho từng chuyên ngành được công bố công khai và các bên liên quan bao gồm: giảng viên; người học; nhà tuyển dụng dễ dàng được tiếp cận thông qua trang web của khoa; của nhà trường; qua quyền tổng hợp chương trình đào tạo toàn trường được in mới nhất năm 2020.

Chương trình dạy học ngành Kế toán được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra đã được công bố. Trong đó các đề cương học phần được xây dựng một cách chi tiết. Tỷ lệ các khối kiến thức cơ bản; cơ sở ngành; chuyên ngành được phân bổ hợp lý. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng, được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. Chương trình dạy học có cấu trúc logic với phần lý thuyết,

thực hành, thảo luận. Nội dung chương trình cập nhật với sự đóng góp của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, sinh viên.

Mục tiêu giáo dục của Khoa được tuyên bố rõ ràng lấy người học làm trung tâm và được phổ biến tới từng giảng viên tham gia giảng dạy. Các hoạt động giảng dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Trong đó chương trình được thiết kế hợp lý, đề cương được làm chi tiết tới từng chương mục bao gồm lý thuyết và thực hành cũng như kèm theo phần tự học của sinh viên. Bên cạnh việc học tập trên lớp còn được thực tập, thực hành môn học tại các doanh nghiệp phù hợp chuyên môn để giúp người học có thêm kiến thức thực tế trước khi ra trường. Các hoạt động dạy và học đòi hỏi người học phải tự tìm hiểu thêm kiến thức và được kiểm nghiệm thông qua các tiết thảo luận trên lớp, bài tập tìm hiểu dài, điều này thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học thuộc ngành Kế toán được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Với việc nhà trường ban hành quy định một phần về ngân hàng đề thi đáp án, được triển khai đến toàn khoa và từng ngành với từng học phần đã giúp cho việc tổ chức đánh giá thuận tiện hơn đảm bảo tính công bằng minh bạch. Cách đánh giá người học cũng được mô tả chi tiết trong đề cương học phần. Trong đó quy định 30% điểm quá trình, 70% điểm cho bài thi học kỳ. Các quy định về đánh giá này đã được nhà trường văn bản hóa và ngành Kế toán thực hiện nghiêm túc theo quy định này. Trong quy định các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng như: bài thi tự luận; thi trắc nghiệm. Chính điều này đã đảm bảo đánh giá chính xác kiến thức của người học, tùy vào từng học phần mà lựa chọn ra phương pháp đánh giá phù hợp nhất. Việc sử dụng phương pháp kiểm tra nào cũng được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. Điều này đã nhận được những phản hồi tốt từ người học, đánh giá sát năng lực người học. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời như: điểm quá trình được công bố khi kết thúc học phần, điểm thi học kỳ được công bố 10 ngày sau khi thi. Người học có thể dễ dàng tiếp cận thông tin qua tải khoản cá nhân, Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL. Chính điều này đã giúp người học kịp thời nắm được thông tin và cải thiện việc học tốt nhất. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua các mẫu đơn gửi đến đơn vị chức năng và được phản hồi kịp thời trong thời gian nhanh nhất.

Toàn bộ giảng viên ngành kế toán đều đảm bảo yêu cầu và chất lượng trong

công tác giảng dạy. Tỷ lệ giảng viên/người học được đáp ứng theo chuẩn khối lượng đào tạo quy định. Việc tuyển dụng giảng viên ngành kế toán đảm bảo theo quy trình do trường ban hành, đảm bảo yêu cầu về chuyên môn ngành và chuyên môn sư phạm. Mọi công tác tuyển dụng đều được thông báo công khai trên trang thông tin của nhà trường. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá thông qua hội đồng chuyên môn, khối lượng giảng dạy, khối lượng nghiên cứu khoa học mà giảng viên hoàn thành. Ngành kế toán luôn tạo điều kiện cho các giảng viên tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các lớp nghiệp vụ cập nhật của Bộ Tài chính, hiệp hội kế toán – kiểm toán, tham gia các khoá học về chứng chỉ nghề nghiệp trong nước và quốc tế. Kết quả công việc của giảng viên ngành được đánh giá đầy đủ chính xác, công bằng thông qua đánh giá hoàn thành nhiệm vụ từng tháng; đánh giá hoàn thành công việc năm học (khối lượng giảng dạy; khối lượng nghiên cứu khoa học) và các hoạt động chung khác trong khoa và trong trường. Các hoạt động nghiên cứu của giảng viên trong ngành Kế toán được thực hiện một cách đa dạng thông qua các học phần; đề tài khoa học sinh viên; đề tài khoa học cấp trường; bài báo khoa học...

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ bao gồm cán bộ văn phòng khoa, thư viện, giảng đường, kỹ thuật hạ tầng cơ sở vật chất, ...được tuyển dụng theo quy định công khai minh bạch, đúng chức năng nhiệm vụ; đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năng lực của khối cán bộ hỗ trợ cũng được đánh giá một cách rõ ràng thông qua biên bản đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của từng tháng. Việc tuyển dụng cán bộ hỗ trợ được xác định phù hợp với quy mô và sự phát triển của nhà trường về cơ sở vật chất, sinh viên, ...

Chính sách tuyển sinh của ngành Kế toán được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo chính sách tuyển sinh của nhà trường. Chính sách này được xác định rõ ràng, công khai và được cập nhật liên tục cho từng ngành. Tiêu chí tuyển được công khai trên trang thông tin của trường, phương pháp tuyển chọn qua việc nộp hồ sơ và được các cơ quan quản lý về giáo dục đào tạo đánh giá cao. Nhà trường nói chung và ngành kế toán nói riêng sử dụng hệ thống giám sát kết quả cũng như sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện thông qua hệ thống tài khoản cá nhân cố vấn học tập, tài khoản quản lý đào tạo của trường. Điều này giúp nhanh chóng tiếp cận hỗ trợ sinh viên để nâng cao tỷ lệ sinh viên ra trường và có việc làm phù hợp. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoài khóa được thực hiện đầy đủ thông qua các hoạt động cố vấn học

tập, hoạt động đoàn thanh niên, câu lạc bộ. Tất cả những điều này tạo thuận lợi cho người học và tâm lý thoải mái giúp người học hoàn thiện quá trình học tập tốt hơn.

Hệ thống cơ sở vật chất phòng học của nhà trường trang bị đầy đủ cho người học trên lớp tại các giảng đường. Trang bị cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy như máy chiếu, loa, micro...Thư viện của nhà trường được xây dựng hiện đại với nhiều đầu sách đa dạng, quý cung cấp môi trường học tập nghiên cứu cho người học một cách tốt nhất. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất giúp sinh viên tiếp cận với kiến thức thực tế. Nhà trường cung cấp hạ tầng mạng internet wifi, thư viện điện tử để hỗ trợ cho người học cũng như người dạy trong đào tạo và nghiên cứu. Tất cả các cơ sở vật chất này đều đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, ánh sáng, âm thanh.

Tất cả các hoạt động dạy và học đều được đánh giá một cách khách qua từ phía người dạy và người học để nhà trường cũng như khoa và cụ thể là ngành kế toán kịp thời nắm bắt thông tin điều chỉnh khi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm Khoa, nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện để cải tiến hoạt động dạy và học trong nhà trường. Ngành kế toán cũng thường xuyên tổ chức hội thảo, gửi thư xin ý kiến của đơn vị tuyển dụng về hoạt động đào tạo của ngành để từ đó tập hợp lại đưa ra những cải tiến nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo một cách tốt nhất.

Chính vì việc luôn nỗ lực cố gắng hoàn thiện hệ thống quản lý giáo dục đào tạo, quản lý chất lượng đã giúp cho ngành kế toán hạ thấp tỷ lệ sinh viên thôi học, nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp. Khoa KT&QL và ngành kế toán cùng với Nhà trường thường xuyên thống kê số lượng sinh viên ra trường có việc làm trong năm đầu tiên và nhận thấy tỷ lệ sinh viên ra trường làm đúng ngành ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Các nhà tuyển dụng cũng có những đánh giá tốt về chất lượng sinh viên đến làm việc sau khi ra trường.

Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập, xử lý MC, viết dự thảo báo cáo và từ việc tiếp thu ý kiến tư vấn của các chuyên gia và các bên liên quan, Khoa KT&QL và ngành Kế toán đã tổ chức thảo luận và chỉnh sửa và hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành Kế toán đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch khắc phục của ngành.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Điện lực trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để nhà trường được công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo ngành kế toán.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những cần phát huy của chương trình đào tạo

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo ngành Kế toán của Khoa KT&QL được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã phản ánh nhu cầu nhân sự của tổ chức trong lĩnh vực kế toán, định hướng theo sự phát triển của thị trường lao động và sự phát triển tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực này. Mục tiêu đào tạo có được sự đóng góp của các bên liên quan, tăng cường tính hội nhập quốc tế, tính chuyên nghiệp của nghề kế toán.

Khoa KT&QL đã xây dựng và ban hành CDR cho CTĐT ngành Kế toán rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, sinh viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của ngành Kế toán được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, SV tốt nghiệp, các chuyên gia). CDR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối và công bố công khai.

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành Kế toán đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt CTĐT. Việc cập nhật định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng

dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

CTĐT của ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành kế toán được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT.

CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp kế toán.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành Kế toán và được lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

Khoa KT&QL, ngành Kế toán cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên SV Kế toán của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích SV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự

nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

Về đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường và khoa KT&QL có kế hoạch đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập. Việc thực hiện đánh giá được công bố và có những đánh giá, phản hồi giữa Phòng KT&ĐBCL và Khoa được thực hiện kịp thời cho SV. Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Kế toán giúp kiểm tra chính xác CDR (thuế, thực hành kế toán) hay đánh giá trong thực hành thực tế giúp SV có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa KT&QL có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhờ đó, Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong ngành kế toán, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành KT đã dần được đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua tăng nâng cao trình độ giảng viên (học chương trình NCS) và có kế hoạch tuyển dụng mới. Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Nhà trường đã ban hành những quy định trong đó có tiêu chí cụ thể và đầy đủ để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ GV theo các chức danh khác nhau.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT

và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

Năng lực giảng viên của Khoa KT&QL được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các GV ngành KT được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

Nhà trường đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi giảng viên, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh giảng viên. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hằng năm khi kết thúc năm học. GV bộ môn TCKT, khoa KT&QL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt; liên tục được đào

tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

Nhà trường có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Nhà trường, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành Kế toán.

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong cuốn sổ tay SV về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Kế toán nói riêng.

Nhà trường, Khoa KT&QL đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ SV trong ngành Kế toán tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập, Trao học bổng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện... qua đó giúp rèn luyện sinh viên về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

Thư viện được nhà trường phân công cho Trung tâm Học liệu chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, cơ sở vật chất khang trang giúp cho việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt. Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, ngoại ngữ, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tạp chí, tài liệu chuyên ngành. Hệ thống máy tính, phần mềm và mạng tốc độ cao, giúp SV dễ dàng tra cứu, khai thác nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH.

Phòng máy phục vụ CTĐT được giao cho Trung tâm CNTT phụ trách quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn. Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý. Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

Môi trường, an toàn, sức khỏe được xác định và triển khai đáp ứng được yêu cầu. Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên. Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Về nâng cao chất lượng

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT luôn được trường ĐHDL và khoa KT&QL dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH. Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp Bộ môn.

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của trường ĐHĐL, bám sát chuẩn đầu ra. CTDH được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng.

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL, giữa Khoa KT&QL với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thông tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

Về kết quả đầu ra

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát sao, được công bố công khai đến các bên liên quan (BGH nhà trường, Phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, giảng viên, CVHT, sinh viên,...). Nhà trường đưa tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, phòng ban.

Nhà trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo thống kê và Khoa KT&QL, Phòng CTSV phối hợp với cố vấn học tập hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên, giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Tỷ lệ có việc làm sau 01 năm rất cao trên 90% SV tốt nghiệp đã có việc làm. SV tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa chủ động trong công tác NCKH SV.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến. Sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến của chương trình đào tạo

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa KT&QL chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu, CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hiệp hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA). Việc công bố CDR tới sinh viên chưa được công bố trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện định kỳ 2 năm và kế hoạch yêu cầu cập nhật của nhà trường cho nên đôi khi bản mô tả CTĐT chưa cập nhật kịp thời các thông tin mới theo thực tiễn đào tạo và giảng dạy. Nội dung đề cương học phần chưa được rà soát toàn diện mà chỉ thực hiện tại một số học phần mà bộ môn phụ trách (do một số giảng viên đề xuất). Khoa và Trường chưa đánh giá cách tiếp cận bản mô tả CTĐT về tần suất, hình thức tiếp cận với các bên liên quan.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa KT&QL chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH. Khoa KT&QL chưa đánh giá kết quả SV thi học phần. Khoa KT&QL chưa tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy còn hạn chế, chưa đa dạng. Khoa KT&QL chưa có nhiều hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.

Về đánh giá kết quả học tập của người học

Cấu trúc đề thi hiện tại còn sơ sài, chưa đánh giá được đầy đủ, toàn diện kết quả của người học theo đúng CDR các học phần. Việc tra cứu các quy định về đánh giá kết

quả học tập của người học còn chưa thuận tiện, dễ dàng.

Nhà trường chưa thực hiện phân tích kết quả bài thi (phân tích phổ điểm) toàn diện của từng học phần giữa các khoa, các lớp học ngành kế toán với nhau để có sự so sánh kết quả học tập, từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong CTĐT và bộ ngân hàng đề thi. Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận kết quả đánh giá của người học. Một số sinh viên chưa thực sự tiếp cận và nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT nên chưa thực hiện phúc khảo điểm kịp thời theo quy định.

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tỷ lệ giảng viên trong khoa là có học hàm PGS, học vị tiến sĩ chưa cao. Một số giảng viên trong ngành Kế toán còn chưa tập trung nghiêm túc cho công việc nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh. Nhà trường chưa thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Số lượng sinh viên/giảng viên còn cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT. Tiêu chí kinh nghiệm thực tế kế toán, kiểm toán; ngoại ngữ chưa được chú trọng trong tiêu chí tuyển dụng.

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của phiếu đánh giá giảng viên. Việc đánh giá GV chưa tổng hợp đầy đủ các ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

Các GV chưa thực hiện đăng ký đầy đủ các nhu cầu đào tạo chuyên sâu ngành kế toán, chưa chủ động trong quá trình cập nhật các khóa học. Chính sách NCKH mới áp dụng cho GV, NCV tiến sĩ, chưa được mở rộng cho GV, NCV có trình độ thạc sĩ. Nhà trường chưa có phân tích, đánh giá thống kê để có định hướng NCKH giảng viên những năm tiếp theo.

Về đội ngũ nhân viên

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0. Nhà trường chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau. Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm. Nhà trường chưa sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp gặp nhiều khó khăn trong việc xác định chỉ tiêu và dự đoán số lượng tuyển sinh thực tế do sự thay đổi về chính sách tuyển sinh những năm gần đây. Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học chưa đa dạng.

Công tác của CVHT chưa thực sự sâu sát về theo dõi sự tiến bộ của người học trong việc rèn luyện và học tập. Phần mềm quản lý đang được xây dựng và hoàn thiện nên đôi khi còn có lỗi vận hành. Nhiều SV và GV chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Chưa phát huy được hết các kết nối với các doanh nghiệp để thực hiện tốt hơn các hoạt động thực tập, hướng nghiệp.

Nhà trường đang trong quá trình xây dựng cơ sở 1, nên mặt bằng còn hạn chế, cảnh quan chưa hoàn chỉnh. Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ, đang chờ nghiệm thu đối với một số phòng học của Nhà trường trên cơ sở 2.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu. Tỷ trọng các tài liệu học tập được số hoá chưa cao. Số lượng máy tính chưa đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định, tuy nhiên nhiều nội dung trên phần mềm chưa được khai thác một cách hiệu quả và sử dụng hết chức năng.

Nhà trường chưa có 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp, đặc biệt trong thời kỳ dịch bệnh Covid.

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Về nâng cao chất lượng

Số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH còn chưa nhiều. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học chưa có hướng dẫn chi tiết. Nhà trường chưa thực hiện phân tích phổ điểm toàn diện kết quả học tập các học phần trong CTDH.

Số lượng sinh viên kế toán tham gia NCKH, các đề tài NCKH chưa nhiều. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy và học tập còn

chưa thực sự phát huy được hết khả năng. Một số dịch vụ sinh viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường). Nhà trường chưa phân tích và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên quan trong việc cải tiến CTĐT của ngành Kế toán.

Về kết quả đầu ra

Hiện nay, khoa KT&QL và phòng CTSV chưa phân tích chi tiết những lý do sinh viên kế toán thôi học. Nhà trường chưa thống kê, đánh giá tính hiệu quả thời gian tốt nghiệp của SV và các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Việc phân tích, thảo luận hỗ trợ việc làm của SV cần được làm sát sao, chi tiết. Số lượng NCKH của SV trong ngành Kế toán còn ít, chưa tương xứng với nội lực hiện tại. Nhà trường khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo của ngành Kế toán

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu, CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hiệp hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA).	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Tập trung truyền thông để sinh viên năm thứ 1 dễ dàng tìm kiếm thông tin về CDR của CTĐT trên website, cung cấp đường link truy cập thông qua Fanpage, Group Facebook của Khoa.	Khoa KT&QL, phòng ban chức năng	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến đóng góp của sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng CTĐT thông qua các hình thức đa dạng: email, khảo sát, phỏng vấn trực tiếp.	Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL	Hàng năm
		CDR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì	Bộ môn TCKT, khoa	Hàng năm

	thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối.	KT&QL	
--	--	-------	--

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động cập nhật các thông tin mới đến CTĐT thường xuyên.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Có kế hoạch rà soát đề cương chi tiết trước mỗi học kỳ giảng dạy	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Bổ sung câu hỏi về cách tiếp cận về bản mô tả CTĐT trong phiếu khảo sát các bên liên quan	Khoa KT&QL, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Việc cập nhật đúng quy định và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.	Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Việc giao quản lý học phần và thực hiện nhóm giảng dạy theo học phần cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương học phần có được những cập nhật mới nhất.	Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL	Hàng năm
		CTĐT của ngành Kế toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho	Khoa KT&QL, phòng Đào tạo	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.		

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Thực hiện đánh giá kết quả SV thi học phần.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới trong các lần cập nhật CTĐT.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch; cấu trúc CTDH hợp lý. Các học phần đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp kế toán.	Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL	Hàng năm
		Sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CDR của	Bộ môn TCKT, Khoa KT&QL	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		CTĐT.		

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Các đơn vị trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền về mục tiêu giáo dục cho CBGV, SV. Nhà trường cần thường xuyên cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường để GV, người học và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa mục tiêu giáo dục của Trường, của Ngành.	Các phòng ban chức năng	Từ năm 2022
		Tăng cường tổ chức các buổi tập huấn cho GV về các phương pháp dạy học và học tập mới, cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học. Thêm vào đó, Khoa tăng cường tổ chức các hoạt động Jobtour giúp SV nâng cao hiểu biết thực tế về nghề nghiệp của mình	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Tăng cường hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.	Khoa KT&QL	Hàng năm
		Phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên SV Kế toán của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.	Khoa KT&QL	Hàng năm
		Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự	Khoa	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.	KT&QL	

Về đánh giá kết quả học tập của người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục xây dựng, ban hành và hoàn thiện các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận và trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR	Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2022
		Rà soát, bổ sung, phân loại các câu hỏi trong ngân hàng đề thi để phù hợp với CĐR ngành kế toán	Khoa KT&Q, phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2022
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.	Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng	Từ năm 2022
		Rà soát, đánh giá ngân hàng đề ngành kế toán thông qua phân tích kết quả thi từng học phần để có những điều chỉnh phù hợp CTĐT, bộ ngân hàng đề thi.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Tăng cường ứng dụng thông tin trong việc tiếp nhận kết quả đánh giá kịp thời.	Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT	Từ năm 2022
		Tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.	Phòng KT & ĐBCL cùng các đơn vị chức năng	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm	Có kế hoạch đánh giá, quy định về đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập.	Khoa KT&QL, Phòng	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	mạnh		KT&ĐBCL	
		Các KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Kế toán giúp kiểm tra chính xác CDR (thuế, thực hành kế toán) hay đánh giá trong thực hành thực tế	Khoa KT&QL	Hàng năm
		Có đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích các giảng viên nâng cao trình độ học hàm, học vị.	Phòng TCCB	Năm 2022
		Tăng cường tổ chức các buổi seminar chuyên đề, sinh hoạt bộ môn mang tính chuyên sâu nhằm đẩy mạnh tinh thần nghiên cứu khoa học theo nhóm và cá nhân, xây dựng các chính sách của Khoa nhằm khuyến khích các giảng	Khoa KT&QL	Năm 2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		viên tinh thần nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong chuyên môn giảng dạy.		
		Thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.	Phòng TCCB, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Xây dựng thêm nhiều biện pháp khuyến khích GV nâng cao chuyên môn, tham gia các khóa học online và offline để tăng chất lượng và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học.	Phòng TCCB, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Có kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho ngành Kế toán và một số giảng viên sẽ hoàn thành chương trình nghiên cứu sinh	Khoa KT&QL	Năm 2022
		Nâng cao tiêu chí tuyển dụng GV, NCV ngành kế toán.	Phòng TCCB, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Phổ biến tới sinh viên tầm quan trọng của phiếu đánh giá trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần thay đổi phương thức thực hiện đánh giá giảng viên để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn trong công tác đánh giá. Việc đánh giá cần được đánh giá toàn diện (bao gồm các bên liên quan) và có tỷ trọng phù hợp.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Có kế hoạch học tập chuyên sâu cho các GV Kế toán nâng cao trình độ.	Bộ môn TCKT - Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Xây dựng chính sách khuyến khích NCKH (cho các GV, NCV có trình độ thạc sĩ).	Phòng TCCB	Từ năm 2022
		Thực hiện phân tích, đánh giá số liệu thống kê NCKH.	P.QLKH&H TQT và Khoa	Từ năm 2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
			KT&QL	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo).	Phòng TCCB, Khoa KT&QL	Hàng năm
		Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Các GV ngành KT được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).	Phòng TCCB, Khoa KT&QL	Hàng năm
		Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH	Phòng TCCB	Hàng năm
		Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hàng năm khi kết thúc năm học. GV Bộ môn, khoa KT&QL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.	Phòng QLKH&HT QT, Khoa KT&QL	Hàng năm

Về đội ngũ nhân viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.	Phòng TCCB	Từ năm 2022
		Phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.	Phòng KT&ĐBCL và phòng TCCB	Từ năm 2022
		Sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.	Phòng TCCB và các đơn vị	Từ năm 2022
		Thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.	Phòng TCCB và các đơn vị	Từ năm 2022
		Sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.	Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCCB	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt.	Các phòng ban chức năng trong trường	Hàng năm
		Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm.	Phòng TCCB	Hàng năm
		Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt.	Phòng TCCB và các đơn vị	Hàng năm
		Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.	Phòng TCCB và các đơn vị	Hàng năm
		Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai.	Phòng TCCB	Hàng năm

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh toàn diện, phân tích chi tiết để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển và sự thay đổi của xã hội nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.	Phòng Đào tạo	Từ năm 2022
		Tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.	Phòng Đào tạo, khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao tiến độ chất lượng của người học.	Phòng CTSV, phòng ĐT và khoa KT&QL cùng các CVHT	Từ năm 2022
		Duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập và hỗ trợ khác, hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong Nhà trường. Nhà trường hoàn thành tòa Nhà B1 và khẩn trương xây dựng khu Nhà C, E để tạo điều kiện thuận lợi cho người học về cơ sở vật chất. Nhà trường đặt thêm nhiều ghế đá, hoàn thiện vườn hoa cây cảnh tạo không gian, cảnh quan phù hợp trong trường đại học.	Phòng HCQT cùng các đơn vị liên quan	Trong năm học 2021-2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Công tác tuyển sinh xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của ngành.	Phòng ĐT	Hàng năm
		Có sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo, giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Kế toán nói riêng.	Phòng CTSV	Hàng năm
		Đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ SV trong ngành Kế toán tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập	Phòng CTSV, khoa KT&QL	Hàng năm
		Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện	ĐTN, Liên chi đoàn Khoa KT&QL	Hàng năm

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung, sắp xếp bố trí phòng làm việc của khoa KT&QL, các bộ môn và phòng hội thảo, Seminar.	P.HCQT và các đơn vị liên quan	Từ năm 2022
		Lập kế hoạch phát triển nguồn tài liệu ngoài sinh và tài liệu số nội sinh để dần dần giải quyết những tồn tại và bổ sung thêm các nguồn học liệu mới.	TTHL	Từ năm 2022
		Tăng số lượng máy tính đáp ứng nhu cầu thực	P.HCQT	Từ năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		hành của sinh viên.		2022
		Hoàn thiện hệ thống CNTT trong nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất.	Phòng HCQT, Trung tâm CNTT	Từ năm 2022
		Xây dựng 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp để ứng phó với tình hình thực tiễn giảng dạy	Phòng HCQT, Trung tâm CNTT	Từ năm 2022
		Khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.	Phòng HCQT	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị cho cán bộ, GV và nhân viên.	Phòng HCQT	Hàng năm
		Thư viện được nhà trường đầu tư nâng cấp phần mềm nghiệp vụ, cơ sở vật chất	Phòng HCQT, TTHL	Hàng năm
		Có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn.	Trung tâm CNTT	Hàng năm
		Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý.	Trung tâm CNTT	Hàng năm
		Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho SV.	Phòng HCQT và các đơn vị liên quan	Hàng năm

Về nâng cao chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Ban hành hướng dẫn chi tiết quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành kế toán.	Phòng KT&ĐBC L, Phòng Đào tạo	Từ năm 2022
		Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập các học phần trong CTDH.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Tăng số lượng sinh viên kế toán tham gia NCKH, các đề tài NCKH.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Ứng dụng các kết quả NCKH trong thực tiễn cũng như hoạt động giảng dạy và học tập.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
		Tăng cường phổ biến để sinh viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).	Khoa KT&QL và TTHL	Từ năm 2022
		Xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT ngành Kế toán.	Phòng KT&ĐBC L và Khoa KT&QL	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp bộ môn.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT&QL	Hàng năm
		Duy trì định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến CTDH thông qua đánh giá của các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBC L, Phòng ĐT, Khoa KT&QL	Định kỳ

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT&QL	Hàng năm
		Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH.	Phòng QLKH&H TQT	Hàng năm
		Duy trì phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập là cơ sở cho việc cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.	Phòng KT&ĐBC L và các đơn vị	Hàng năm
		Duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL, doanh nghiệp.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT&QL	Hàng năm

Về kết quả đầu ra

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với gia đình những sinh viên thôi học để nắm bắt được thông tin tốt hơn về những sinh viên này, tìm hiểu nguyên nhân thực sự có phải từ phía Nhà trường hay từ phía người học.	Khoa KT&QL, Phòng CTSV	Từ năm 2022
		Thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của sinh viên và đưa ra các đề xuất phù hợp giúp SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	Phòng CTSV và Phòng ĐT	Từ năm 2022
		Chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm	Khoa	Từ năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		cho sinh viên ngành Kế toán.	KT&QL	2022
		Có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên.	Phòng QLKH&H TQT	Từ năm 2022
		Phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.	Khoa KT&QL	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Gắn tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, Phòng ban.	Phòng TCCB và các đơn vị liên quan	Hàng năm
		Có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên.	Phòng ĐT, Phòng CTSV	Hàng năm
		Duy trì và giám sát tỷ lệ có việc làm trên 90% sau 01 năm của SV tốt nghiệp.	Phòng CTSV, Phòng KT&ĐBCL, Khoa KT&QL	Hàng năm
		Duy trì chủ động trong công tác NCKH SV.	Khoa KT&QL	Hàng năm
		Duy trì sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng KT&ĐBCL với khoa KT&QL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa KT&QL	Hàng năm

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành Kế toán

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Điện lực

Mã: DDL

Tên CTĐT: Kế toán

Mã CTĐT: 7340301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4.33	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.40	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4.00	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4.00	5	100%
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4.00	5	100%
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						

Tiêu chuẩn 9								4.00	5	100%
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4.33	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4.60	5	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.34		100%

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021
Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đinh Văn Châu

PHẦN IV. PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành: KẾ TOÁN

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Điện lực

- Tiếng Việt: Trường Đại học Điện lực
- Tiếng Anh: Electric Power University

2. Tên viết tắt của Trường (tiếng Việt và tiếng Anh):

- Tiếng Việt: ĐHDL
- Tiếng Anh: EPU

3. Tên trước đây (nếu có):

- Từ 1962 đến 1966: Trường Trung Cao Cơ điện
- Từ 1966 đến 1997: Trường Trung học Kỹ thuật điện
- Từ 1997 đến 2000: Trường Trung học Điện I
- Từ 2000 đến 2006: Trường Cao đẳng Điện lực
- Từ 2006 đến nay: Trường Đại học Điện lực

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công thương

5. Địa chỉ trường:

- Cơ sở 1: 235 Hoàng Quốc Việt – Phường Cổ Nhuế I – Quận Bắc Từ Liêm – Tp. Hà Nội.
- Cơ sở 2: Tân Minh – Sóc Sơn – Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 04.22185607; Số fax: 04.38362065

Email: epu@epu.edu.vn

Trang thông tin điện tử: <http://www.epu.edu.vn>;

7. Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập): 2006 (Quyết định số 111/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo đại học khoá I: 2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cử nhân cho khoá thứ nhất: 2011

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác:.....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo của ngành Kế toán

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Kinh tế và Quản lý (KT&QL)

Bộ môn Tài chính - Kế toán

- Tiếng Anh: Faculty of Economics and Management

Department of Finance and Accounting

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

- Tiếng Việt: Khoa KT&QL, Bộ môn TCKT

- Tiếng Anh: FEM, DFA

14. Tên trước đây (nếu có):

- Tiếng Việt: Khoa Quản trị Kinh doanh

- Tiếng Anh: Faculty of Business Administration

15. Mã CTĐT: 7340301

16. Tên trước đây của chương trình đào tạo (nếu có): Không

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

Khoa Kinh tế và Quản lý – Phòng M302 nhà M, Trường Đại học Điện lực, Số 235 Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ: 02422450198 E-mail: ktql@epu.edu.vn Website: fem.epu.edu.vn

19. Năm thành lập

Khoa Kinh tế và Quản lý (trước đây là Quản trị Kinh doanh): năm 2008

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (D3) (của chương trình đào tạo Kế toán được KĐCL): Năm 2008.

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của chương trình đào tạo được KĐCL): 2012.

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Khoa KT&QL

Khoa KT&QL có tiền thân là Khoa QTKD, Trường Đại Học Điện Lực được thành lập vào ngày 15/10/2008 thuộc cơ cấu tổ chức Trường Đại học Điện Lực. Với chức năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao thuộc ngành Kế toán phục vụ nhu cầu chủ yếu cho các doanh nghiệp điện lực nói riêng và nhu cầu của các doanh nghiệp nói chung.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp điện lực nói riêng, doanh nghiệp nói chung, các chương trình đào tạo thuộc Khoa KT&QL, Trường Đại học Điện lực đã được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến từ các trường đại học tại các nước phát triển. Kiến thức và kinh nghiệm thực tế của đội ngũ giảng viên sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức chuyên môn cần thiết để phát triển nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp, cùng góp sức đưa Việt Nam lên một vị thế mới trên bản đồ thế giới.

Tại hệ đào tạo ở bậc đại học, khoa đã đảm trách đào tạo 6 ngành:

- Ngành Quản trị Kinh doanh (với 02 chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và Quản trị du lịch khách sạn).
- Ngành Kế toán (với 02 chuyên ngành Kế toán DN, Kế toán và kiểm soát)
- Ngành Tài chính ngân hàng (với 02 chuyên ngành Tài chính DN và Ngân hàng)
- Ngành kiểm toán (bắt đầu đào tạo từ năm học 2018 -2019).
- Ngành Thương mại điện tử (bắt đầu đào tạo từ năm học 2019-2020).
- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (bắt đầu đào tạo từ năm học 2020-2021).

Bậc Thạc sỹ, khoa đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và ngành Tài chính ngân hàng (chuyên ngành tài chính và kiểm soát).

Bậc Tiến sỹ, khoa đào tạo các nghiên cứu sinh ngành Quản trị kinh doanh

Hiện nay khoa đang đào tạo 3.500 sinh viên hệ đại học các khóa D13, D14, D15, D16 và 50 cao học và 8 tiến sĩ. Với qui mô đào tạo trên, Khoa KT&QL là một khoa có sự phát triển mạnh của Trường Đại học Điện Lực.

Đến nay, Khoa đã tổ chức đào tạo và tổ chức bế giảng thành công cho 8 khóa thuộc hệ đại học chính quy đầu tiên với hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp và đạt tỷ lệ khá giỏi trên 80%. Các sinh viên tốt nghiệp của khoa đã có công việc ổn định và cơ hội thăng tiến trong các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Tổng số giảng viên của Khoa KT&QL là 53 cán bộ giảng viên, trong đó có 05 PGS, 15 TS và 33 cán bộ giảng viên có trình độ thạc sỹ (trong đó 15 giảng viên đang thực hiện làm NCS) (tính đến 31/12/2021).

Tính từ năm 2016 đến nay, Khoa đã thực hiện thành công 15 đề cấp các cấp và 178 bài báo, 92 bài hội thảo trong nước và quốc tế. Các GV của Khoa biên soạn 7 giáo trình, sách chuyên khảo và sách bài tập. Các giảng viên trong khoa luôn nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu để đáp ứng mục tiêu đào tạo và nghiên cứu của nhà trường. Tháng 10/2018, Khoa KT&QL đã tổ chức thành công Hội thảo *“Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam”* (ngày 12/10/2018). Tháng 10/2020, Khoa KT&QL cùng các khoa QTKD, Kế toán, Tài chính của Trường Đại học Quy Nhơn, Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia và Viện Nghiên cứu chiến lược thương hiệu và cạnh tranh tổ chức hội thảo *“Tăng trưởng xanh: Quản trị và phát triển doanh nghiệp”*.

Tính đến 31/12/2021, Khoa KT&QL đã ký kết liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp trong nước để triển khai các hoạt động đào tạo, tạo nhiều hoạt động cho sinh viên. Các tổ chức nghề nghiệp quốc tế đã được ký kết biên bản ghi nhớ như Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK), Hiệp hội Kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA -Mỹ), Đại học Busan (Hàn Quốc), Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), Công ty SmartTrain, Công ty cổ phần MISA, Công ty CP ACTax, TopCV, Công ty CP VNDirect, Tập đoàn Marriott,... Đây là một tiền đề tốt để thúc đẩy sự phát triển Khoa KT&QL trong thời đại hội nhập quốc tế và kết nối doanh nghiệp.

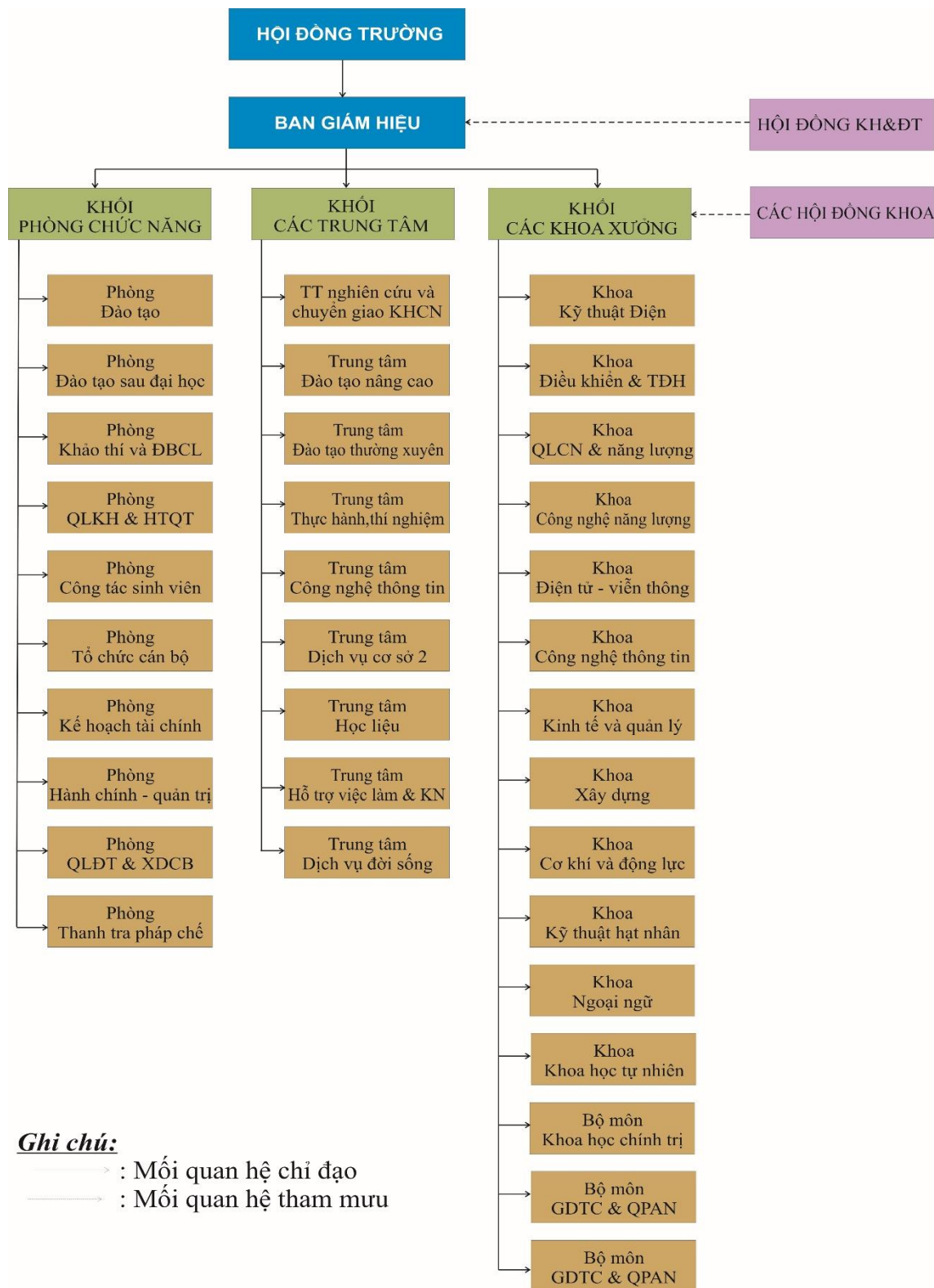
Về phục vụ cộng đồng, CBGV của Khoa tổ chức các hoạt động thiện nguyện hàng năm (Tết ấm cho em tại Cao Bằng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Thư viện Xanh tại Hà Giang), ủng hộ các bác sĩ nơi tuyến đầu chống dịch tại Hà Nội và Bắc Giang. Bên cạnh đó những hoạt động đóng góp tham vấn cho Chính phủ, Quốc hội, Bộ Tài chính, World Bank, Hiệp hội nghề nghiệp trong xây dựng các dự luật, thông tư, chuẩn mực chuyên môn và đạo đức, khung năng lực nghề nghiệp. Các tài liệu học tập, phổ biến kiến thức được thông tin và truyền tải cho SV và cộng đồng thêm những kiến thức về quản lý, quản trị kinh doanh, kiểm soát, quản trị tài chính.

Với sự nỗ lực không ngừng trong những năm qua khoa KT&QL đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen của Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trường Đại học Điện lực nhà nước trong nhiều năm học từ 2008- 2021: Bằng khen của Bộ Công thương năm 2010, 2013, 2018. Các CBGV đạt được các thành tích cụ thể: 1 cá nhân nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ Công thương, các bằng khen của Tập

đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Bằng khen của trường ĐHĐL cho các cá nhân đạt thành tích cao trong nghiên cứu và giảng dạy của khoa KT&QL.

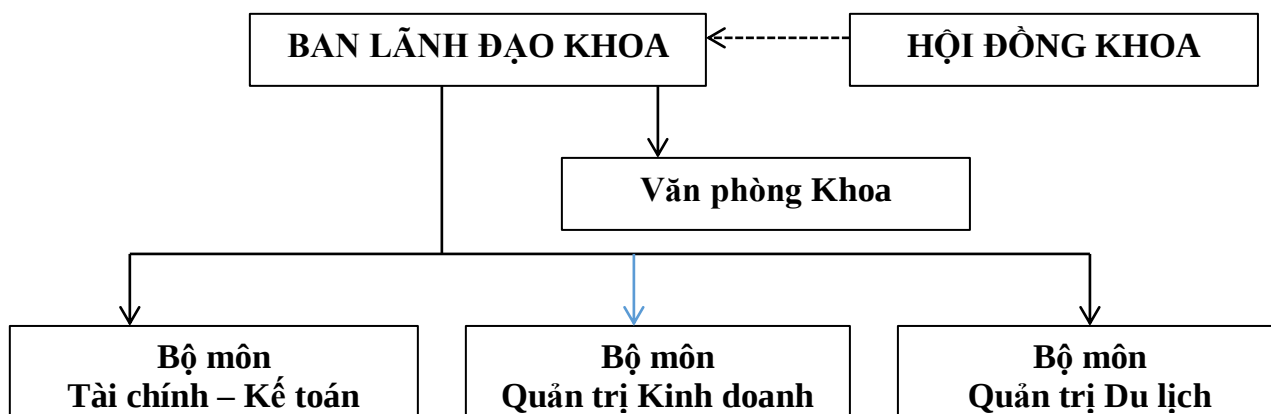
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học và đơn vị thực hiện CTĐT

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường ĐHĐL



Hình 5: Cơ cấu tổ chức hành chính trường Đại học Điện lực (www.evu.edu.vn)

23.2. Cơ cấu tổ chức khoa KT&QL



24. Danh sách Ban lãnh đạo trường và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Trường Đại học Điện lực						
1	Hội đồng trường	Lê Anh Tuấn	1973	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	0943665669	tuanla@epu.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Đinh Văn Châu	1975	PGS.TS, Q.Hiệu trưởng	0914262666	chaudv@epu.edu.vn
3	Ban Giám hiệu	Trương Nam Hưng	1973	TS, Phó Hiệu Trưởng	0984101555	hungtn@epu.edu.vn
4	Ban Giám hiệu	Nguyễn Lê Cường	1976	TS, Phó Hiệu Trưởng	0913546234	cuongnl@epu.edu.vn
5	Ban Giám hiệu	Dương Trung Kiên	1981	TS, Phó Hiệu Trưởng	0912661982	kiendt@epu.edu.vn
Khoa KT&QL						
I	Lãnh đạo chủ chốt của Khoa					
1	Ban lãnh đạo Khoa	Nguyễn Tố Tâm	1978	TS, Phó Trưởng khoa	0983532127	tamnt@epu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi bộ	Lê Anh Tuấn	1973	PGS.TS, Bí thư Chi bộ	0943665669	tuanla@epu.edu.vn
2	Đoàn TN liên chi đoàn	Đặng Quốc Hương	1990	ThS, Bí thư LCD Khoa	0915256686	huongdq@epu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Công đoàn Khoa	Nguyễn Thị Kim Thanh	1978	TS, Chủ tịch CĐ Khoa	0988630456	thanhntk@epu.edu.vn
III.	Văn phòng Khoa					
1	Giảng viên kiêm nhiệm giáo vụ khoa	Nguyễn Quỳnh Anh	1991	TS, Giảng viên kiêm nhiệm	0983280291	anhng91@epu.edu.vn
2	Giảng viên kiêm nhiệm giáo vụ khoa	Bùi Nhất Giang	1991	ThS, Giảng viên kiêm nhiệm	0967660888	giangbn@epu.edu.vn
IV.	Bộ môn					
1	Bộ môn Tài chính - Kế toán	Nguyễn Tố Tâm	1978	TS, Phụ trách BM	0983532127	tamnt@epu.edu.vn
2	Bộ môn Quản trị Kinh doanh	Nguyễn Ngọc Thía	1985	TS, Phụ trách BM	0943191985	thiann@epu.edu.vn
		Nguyễn Thị Vân Anh	1980	ThS, Phó phụ trách BM	0944737331	anhntv@epu.edu.vn
3	Bộ môn Quản trị Du lịch	Nguyễn Thị Kim Thanh	1978	TS, Phụ trách BM	0988630456	thanhntk@epu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01 ngành

27. Số lượng ngành đào tạo thạc sĩ: 02 ngành

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 06 ngành

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01 ngành

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Loại hình đào tạo	Thực hiện	Không thực hiện
Chính quy	X	
Không chính quy	X	
Từ xa		X
Liên kết đào tạo với nước ngoài		X
Liên kết đào tạo trong nước		X

32. Tổng số các ngành đào tạo

- Đại học: 6
- Cao học: 2

- Tiến sĩ: 1
- Cao đẳng: 1

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của bộ môn TCKT (tính đến 31/12/2021):

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	9	18	27
1.1	Cán bộ trong biên chế	6	16	22
1.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	3	2	5
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	9	18	27

34. Thống kê, phân loại giảng viên của Bộ môn TCKT (tính đến 31/12/2021):

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư	2	0	2	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	3	3	0	0	0
5	Thạc sĩ	19	19	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	27	22	5	0	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu: 27 người
Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT). Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Theo số liệu nhân sự đến 31/12/2021)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	2	0	2	0	0	0	6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	6	3	3	0	0	0	12
5	Thạc sĩ	1	19	19	0	0	0	0	19
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		27	22	5	0	0	0	37

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người) của bộ môn TCKT (Theo số liệu nhân sự đến 31/12/2021)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Viện sĩ, GS	-		-	-	-				-
2	Phó Giáo sư	2	7%	1	1	-				2
3	Tiến sĩ KH	-		-	-	-				-
4	Tiến sĩ	6	22%	4	2		2	1		3
5	Thạc sĩ	19	70%	4	15	4	13	2		
6	Đại học	-			-					-
	Tổng	27	100%	9	18	4	15	3	-	5

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu của bộ môn TCKT: 40,5 tuổi (1.095/27).

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của bộ môn TCKT: 29,6% (8/27).

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của bộ môn TCKT: 70,4 %.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	70%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số TS đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm 30			Điểm trung bình sinh viên được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					A	A1	D1		
2016-2017	255	244	0,96	234	18	16	16,5	16,8	0
2017-2018	389	294	0,75	162	18	18	18	18	0
2018-2019	1401	367	0,26	190	15,5	15,5	15,5	15,5	0
2019-2020	0	196	0	196	15	15	15	15	0
2020-2021	887	320	0,36	320	17	17	17	20,61	0
2021-2022	2412	411	0,17	345	22	22	22	23,11	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:	686	606	672	699	897
Hệ chính quy	686	606	672	699	897
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: Không có

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021	
	CS1	CS2	CS1	CS 2	CS1	CS 2	CS1	CS 2	CS1	CS 2
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	7,397	0	7,397	0	7,397	0	7,397	0	7,397	0
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	605	0	590	0	590	0	590	0	590	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4.493	0	4.493	0	4.493	0	4.493	0	4.493	0

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	315	194	94	153	185
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	36%	25%	13%	17%	20%

(SV làm khoá luận tốt nghiệp và tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường, khoa)

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	315	185	91	115	209
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác: Vừa làm vừa học	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT theo từng khóa:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	315	185	91	115	209
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	86%	76%	73%	68%	79%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	86%	83%	86%	61,88%	91.2%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	12%	15%	11%	31,19%	8.8%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	2%	2%	3%	6,93%	0.0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					
B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	98%	95%	90%	62,1%	76,5%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	79%	0
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	18%	11%	6%	21%	23,5%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	6-7 triệu/tháng	5-6 triệu/tháng	5-6 triệu/tháng	10 triệu/tháng	10 triệu/tháng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	86%	83%	86%	61,88%	82%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	12%	15%	11%	31,19%	15%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	2%	2%	3%	6,93%	3%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2016-2021):

TT	Phân loại đề tài	Hệ số (**)	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	1	0	1	1	0	3
3	Đề tài cấp trường	0.5	6	5	1	0	0	6
4	Tổng	15	7	5	2	1	0	9

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 9

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,17.

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	Năm 2016-2017	200		6.7
2	Năm 2017-2018	0		-
3	Năm 2018-2019	250		5.8
4	Năm 2019-2020	300		5.5
5	Năm 2020-2021	0		-

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây (2016-2021):

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	19	27	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	0	

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	20	27	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	2				-	4
2	Sách giáo trình	1,5			2	-	-	3
3	Sách tham khảo	1,0		2	1	-	-	3
4	Sách hướng dẫn	0,5					-	-
5	Tổng	7	2	2	3	-	-	10

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 10

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,19.

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	8	7	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	5	8	7	

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (2016-2021):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	4	5	13,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	17	38	24	41	48	168
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	0	0	0	0	0,5

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
			-	-	-	-	-	
			2017	2018	2019	2020	2021	
	Tổng	178	18	38	24	45	53	182

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 182

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4.

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	35	1
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	7	35	1

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	12	1	4	0	1	18
2	Hội thảo trong nước	0,5	11	9	24	30	0	37
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	-
4	Tổng	92	23	10	28	30	1	55

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 55

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,1.

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	40	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	2	40	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	50	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	50	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	5	6	10	7	8
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 99.128 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (phòng làm việc) (tính bằng m²): 50 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.782 m² Nơi học: 25.390 m² Nơi vui chơi giải trí: 1.985 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 14.629 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,35 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Học liệu: 274

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 10

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 01

- Dùng cho người học học tập: 218 (sử dụng chung hệ thống máy tính của nhà trường)

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,14.

VIII .Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 53 (khoa KT&QL), 27 (bộ môn TCKT), GV Kế toán (17).

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%):100%

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): Khoa KT&QL ($20/53 = 37,7\%$), bộ môn TCKT ($8/27 = 29,6\%$).

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):Khoa KT&QL ($33/53 = 62,3\%$), bộ môn TCKT ($19/27 = 70,4\%$).

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy tính đến 31/12/ 2021 (người): 897

- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 29 SV/GV quy đổi (năm 2021)

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào năm học 2020-2021 (%): 79%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 91,22%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 8,72%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 76,5 %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 23,5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10 triệu đồng/tháng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 82%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 15%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,17.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 2,9.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,19.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,1.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,04 bộ/sinh viên

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,88 m²/sinh viên

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,43 m²/sinh viên

PHỤ LỤC 01
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN